



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
HOÀNG ĐĂNG KHOA

Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.

ĐT: 0937.772.157.

Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Tây Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

BẢN VẼ KỸ THUẬT THI CÔNG

Số: 03/BVKT-TC.2026

Tập: 03

CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

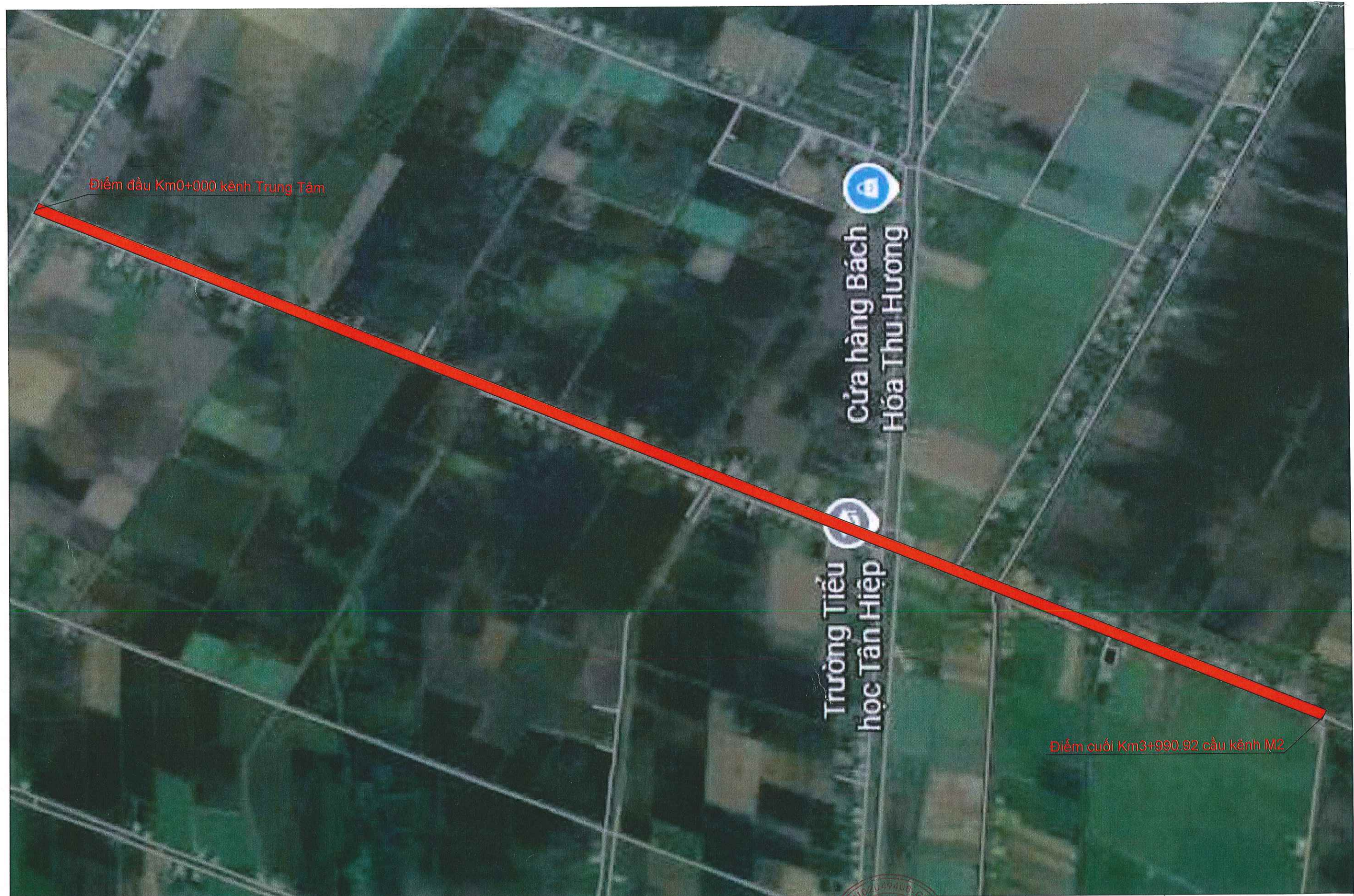
CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ BÌNH THÀNH

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ BÌNH THÀNH, TỈNH TÂY NINH

THÁNG /2026



 Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Đầu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh. ĐT: 0937.772.157. Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.	BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương	 GIÁM ĐỐC Đỗ Hoàng Anh	CHỦ ĐẦU TƯ	VỊ TRÍ HẠ ĐỒ	
	CÔNG TRÌNH:		Thiết kế	Hoàng Minh Thông			Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: VTHĐ - 1/1
	ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)		Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương			Tỷ lệ: 1/1000	Ký hiệu bản vẽ:
	Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh							



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
HOÀNG ĐĂNG KHOA

Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Đẩu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

BẢN VẼ KỸ THUẬT THI CÔNG

Số: 03/BVKT-TC.2026

Tập: 03

CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

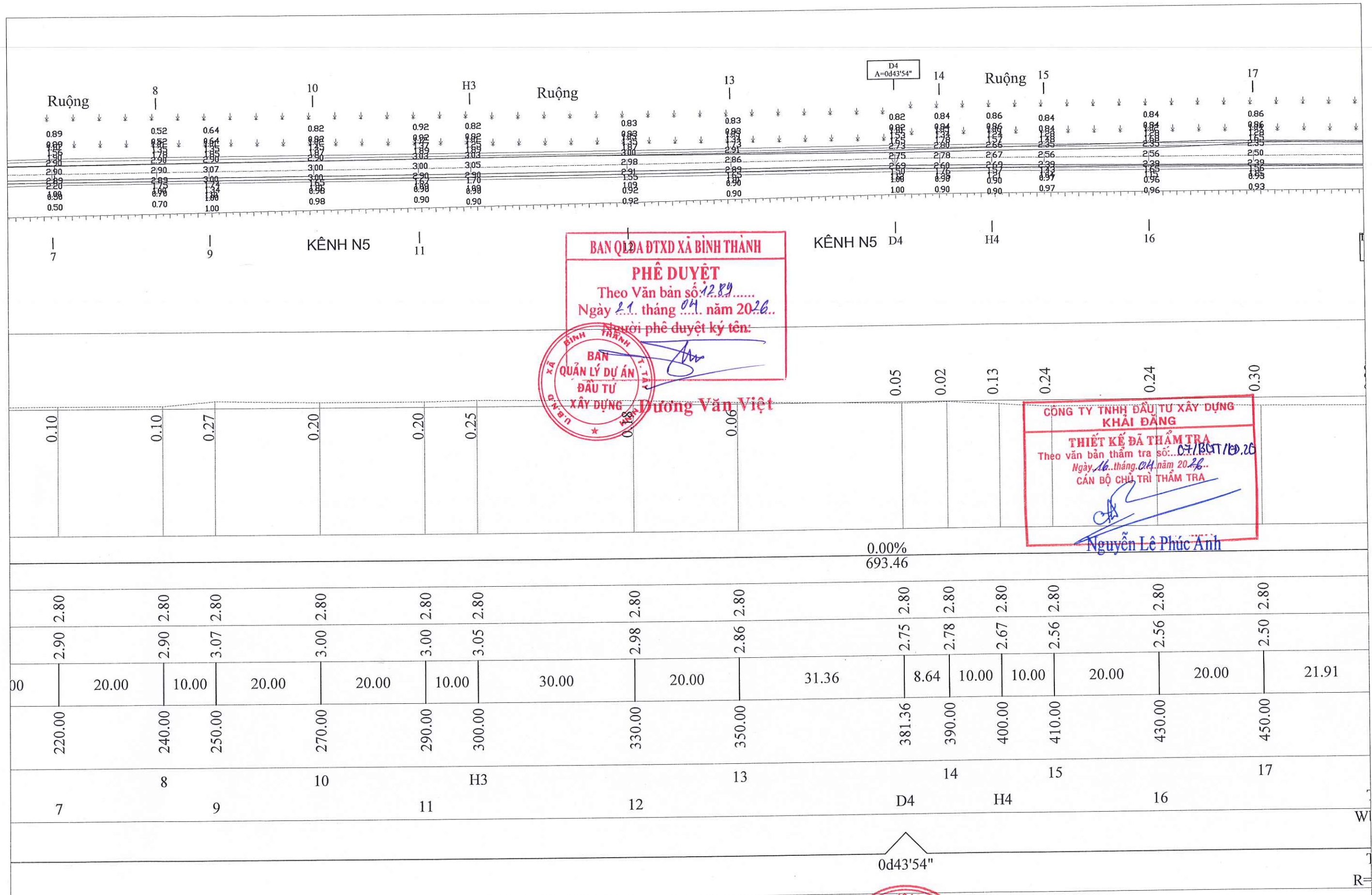
CHỦ ĐẦU TƯ:

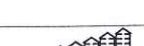
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ BÌNH THÀNH

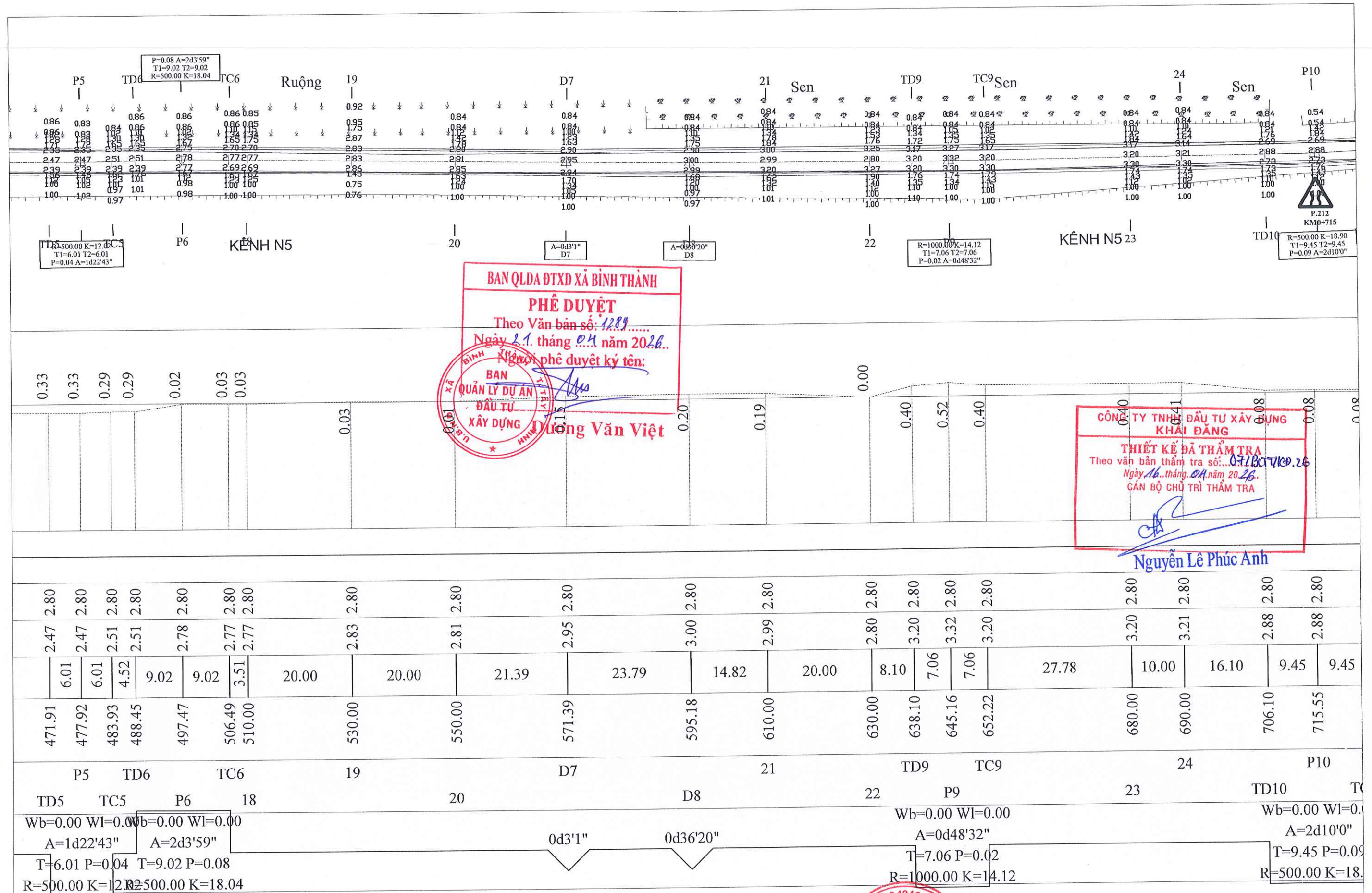
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ BÌNH THÀNH, TỈNH TÂY NINH

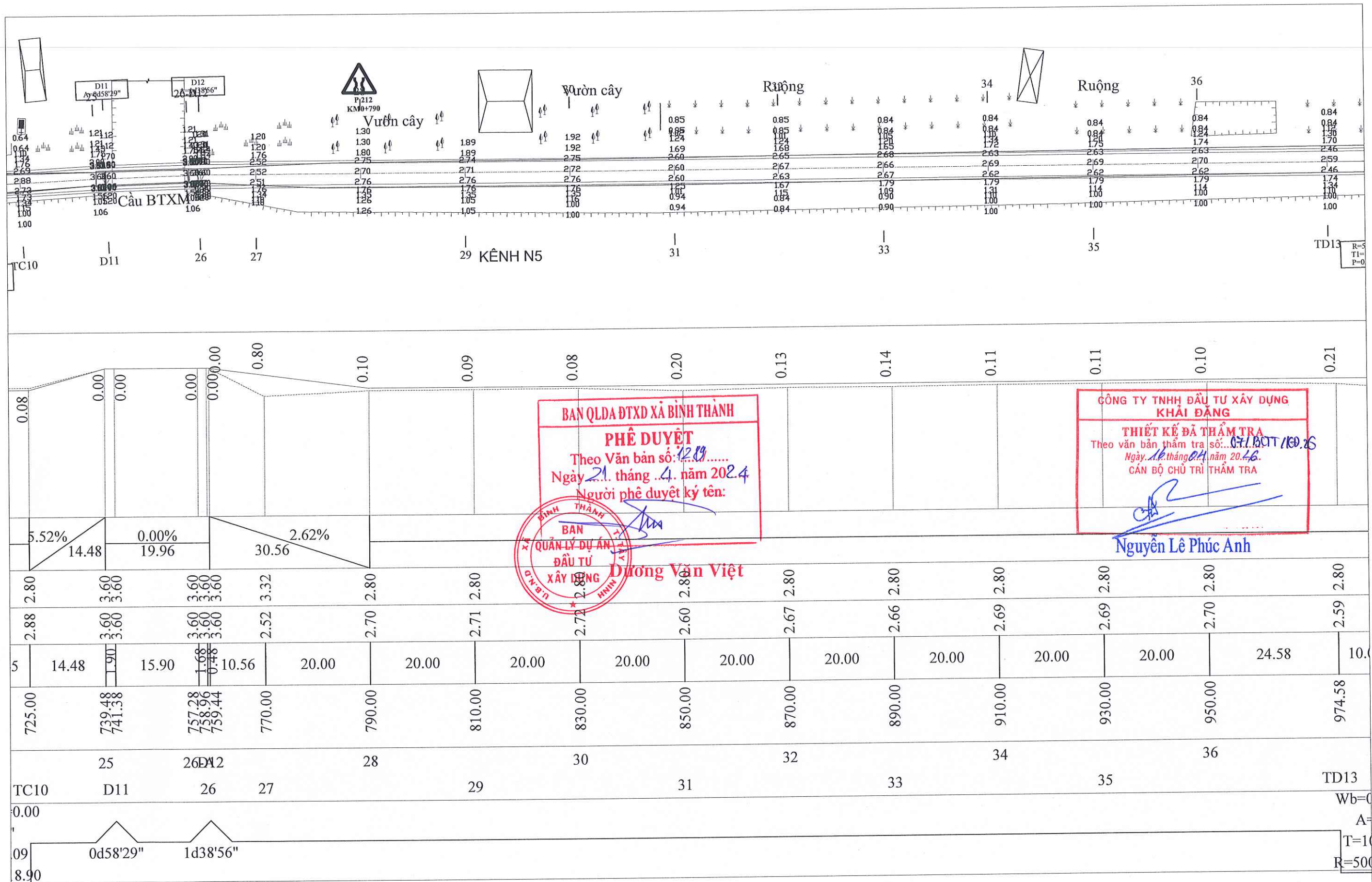
THÁNG /2026



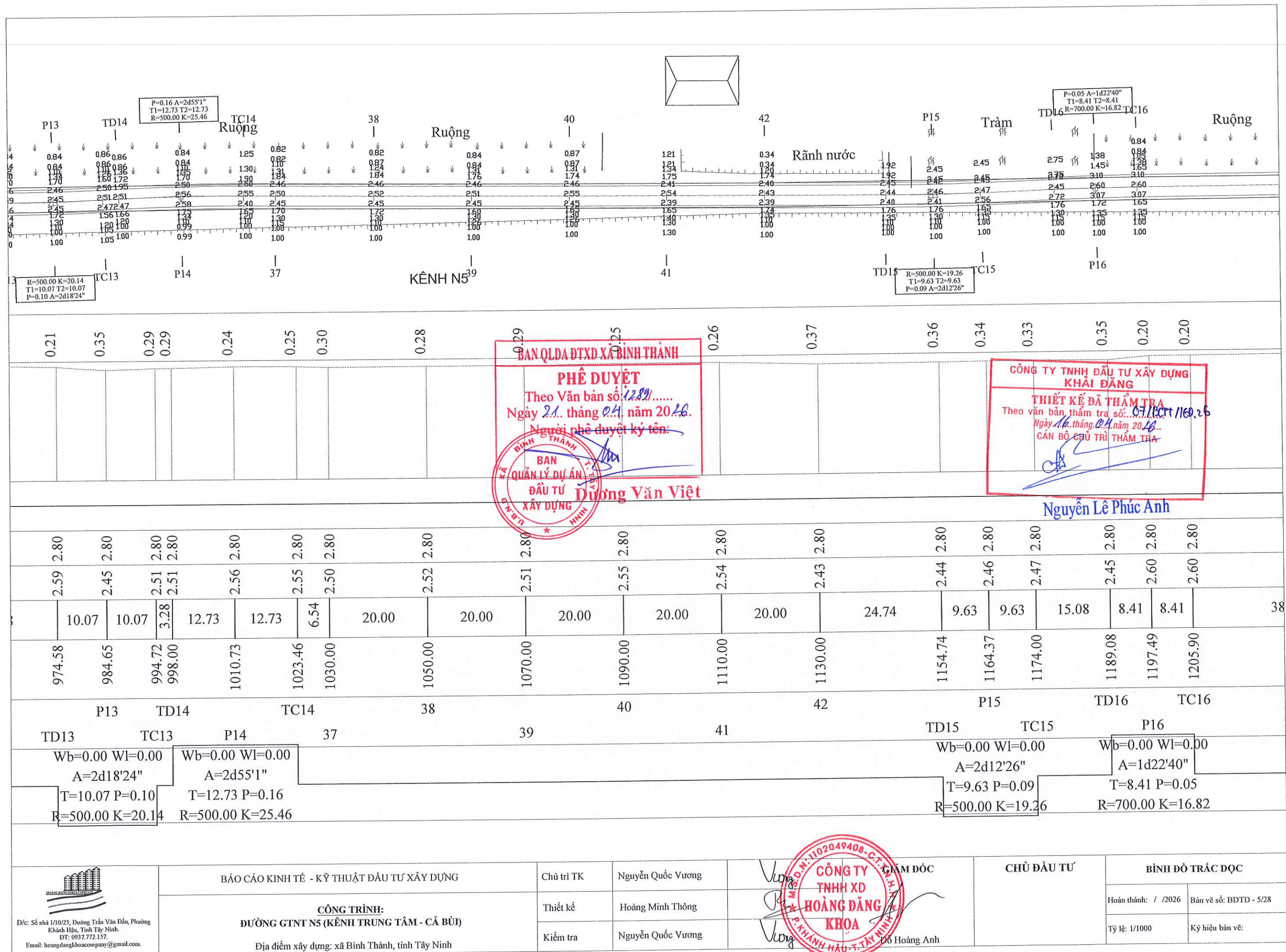
 Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh. ĐT: 0937.772.157. Email: hoangdangkhoa.com@gmail.com.	BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương	 Đỗ Hoàng Anh	CHỦ ĐẦU TƯ	BÌNH DỒ TRÁC DỤC	
		Thiết kế	Hoàng Minh Thông			Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: BD/TD - 2/28
		Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương			Tỷ lệ: 1/1000	Ký hiệu bản vẽ:
		Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh					



 Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh. ĐT: 0937.772.157. Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.	BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương		CHỦ ĐẦU TƯ	BÌNH ĐỒ TRẮC DỤC	
	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GTNT N5 (KÈNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI) Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh	Thiết kế	Hoàng Minh Thông			Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: BDTD - 3/28
		Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương			Tỷ lệ: 1/1000	Ký hiệu bản vẽ:



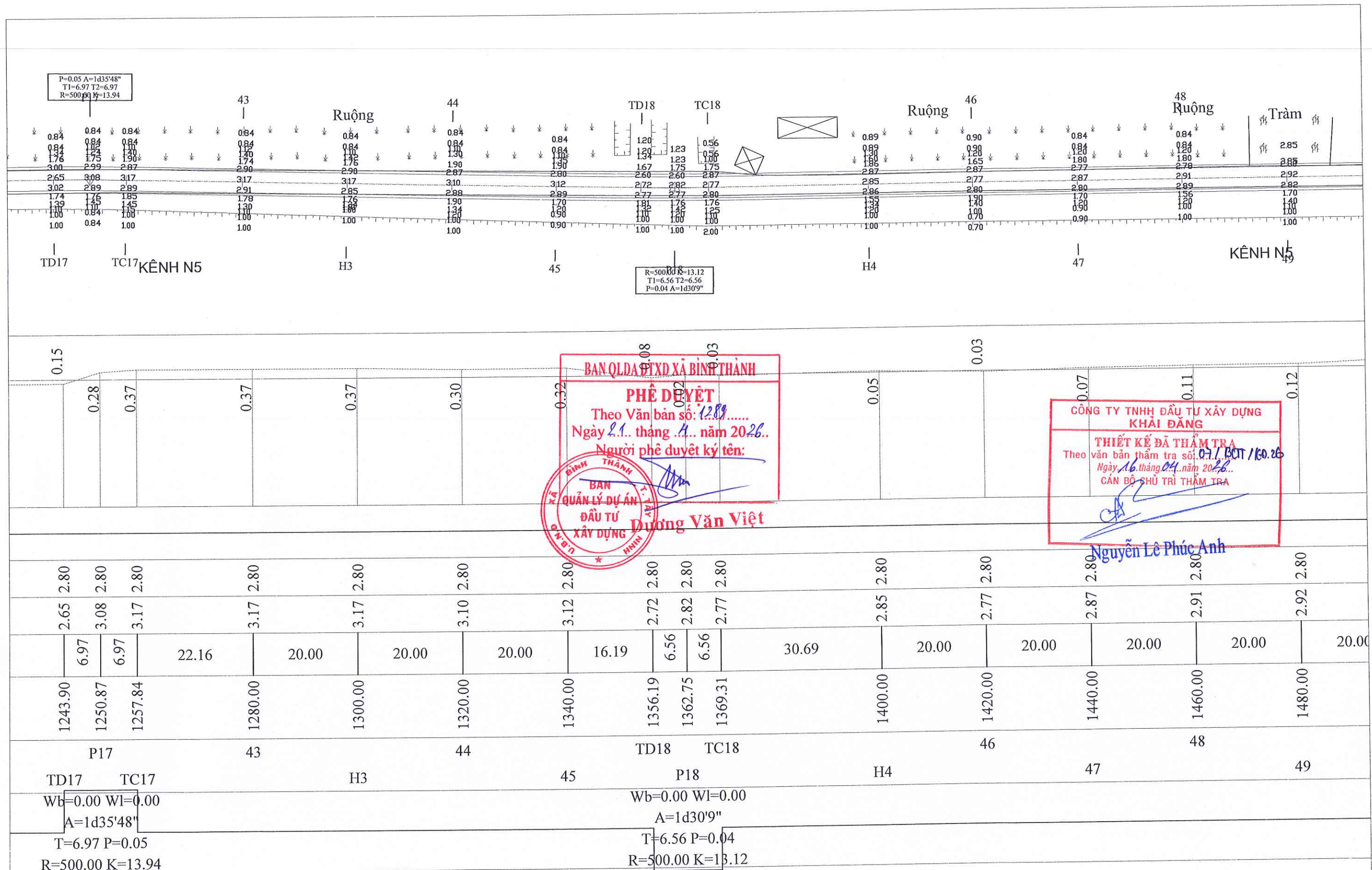
 Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường Khánh Hải, Tỉnh Tây Ninh. ĐT: 0937.772.157. Email: hoangdangkhoa@gmail.com	BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương	 CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA P. KHÁNH HẢI - T. TÂY NINH	CHỦ ĐẦU TƯ	BÌNH DỒ TRẮC DỌC	
	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙ)		Thiết kế	Hoàng Minh Thông			Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: BDĐT - 4/28
	Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh		Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương			Tỷ lệ: 1/1000	Ký hiệu bản vẽ:



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH
PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số 1289/.....
Ngày 21 tháng 04 năm 2016.
Người phê duyệt ký tên:
Dương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/ĐCTT/160.25
Ngày 16 tháng 04 năm 2016.
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA
Nguyễn Lê Phúc Anh

 Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh. ĐT: 0937.772.157. Email: hoangdangkhoa.com@gmail.com.	BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương		CHỦ ĐẦU TƯ	BÌNH ĐỒ TRẮC DỤC	
	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)		Thiết kế	Hoàng Minh Thông			Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: BDTD - 5/28
	Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh		Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương			Tỷ lệ: 1/1000	Ký hiệu bản vẽ:



BAN QLDA PTXD XÃ BÌNH THÀNH
PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số: 12.89.....
Ngày 2.1.1. tháng 4. năm 2026..
Người phê duyệt ký tên: *[Signature]*
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
ĐƯƠNG VĂN VIỆT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 071/BCT/KĐ.26
Ngày 16 tháng 04 năm 2026..
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA
[Signature]
Nguyễn Lê Phúc Anh


Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Đầu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoa.com@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

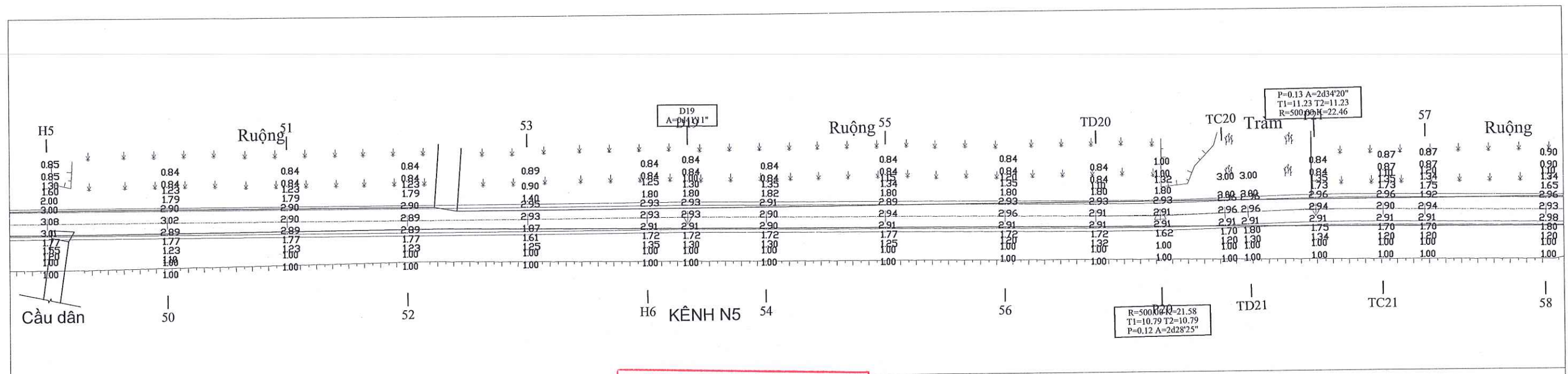
Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương
Thiết kế	Hoàng Minh Thông
Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương

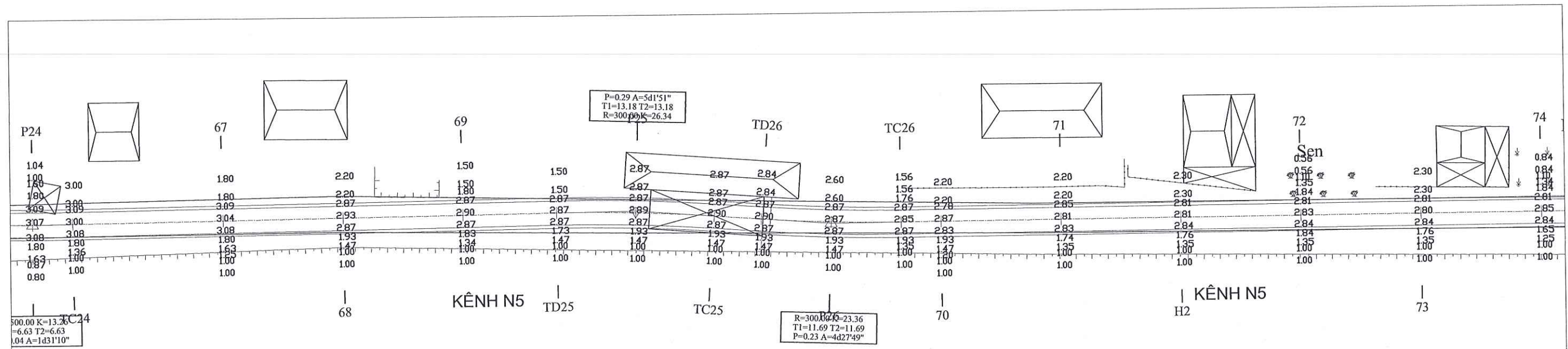
CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA
CHẤM ĐÓC
[Signature]
ĐỖ HOÀNG ANH

CHỦ ĐẦU TƯ

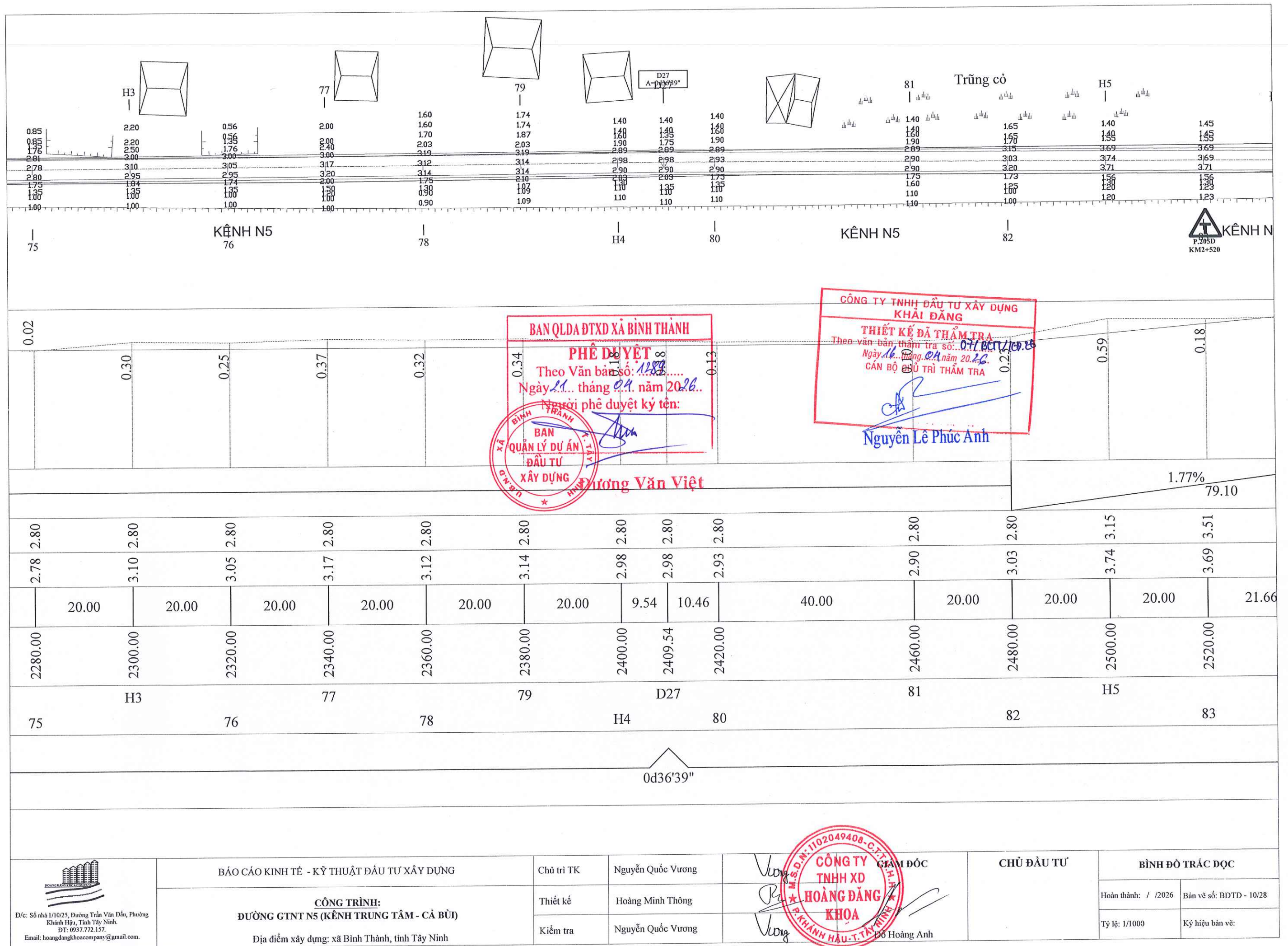
BÌNH ĐỒ TRÁC DỤC	
Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: BD/TD - 6/28
Tỷ lệ: 1/1000	Ký hiệu bản vẽ:

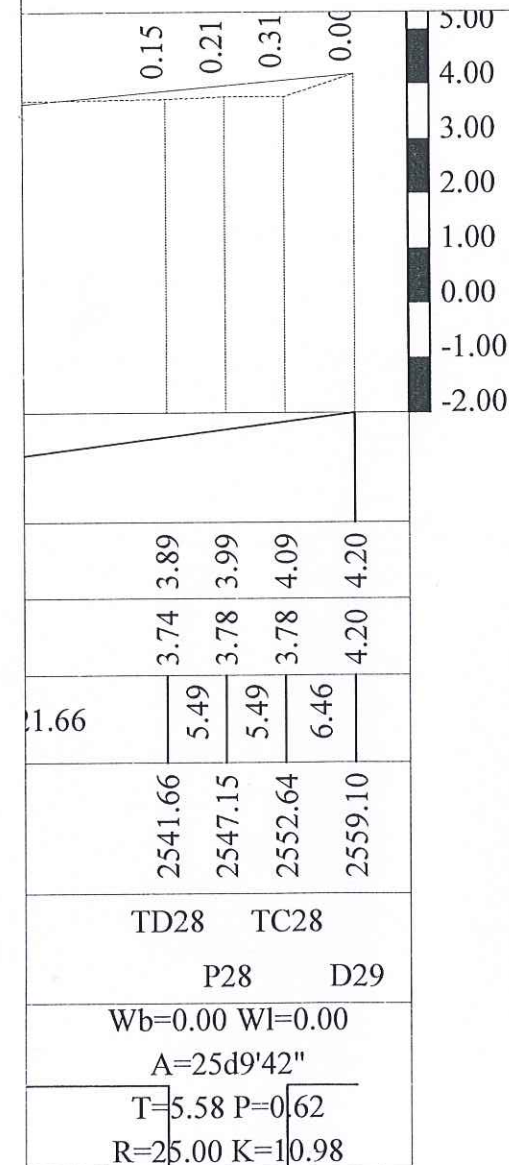
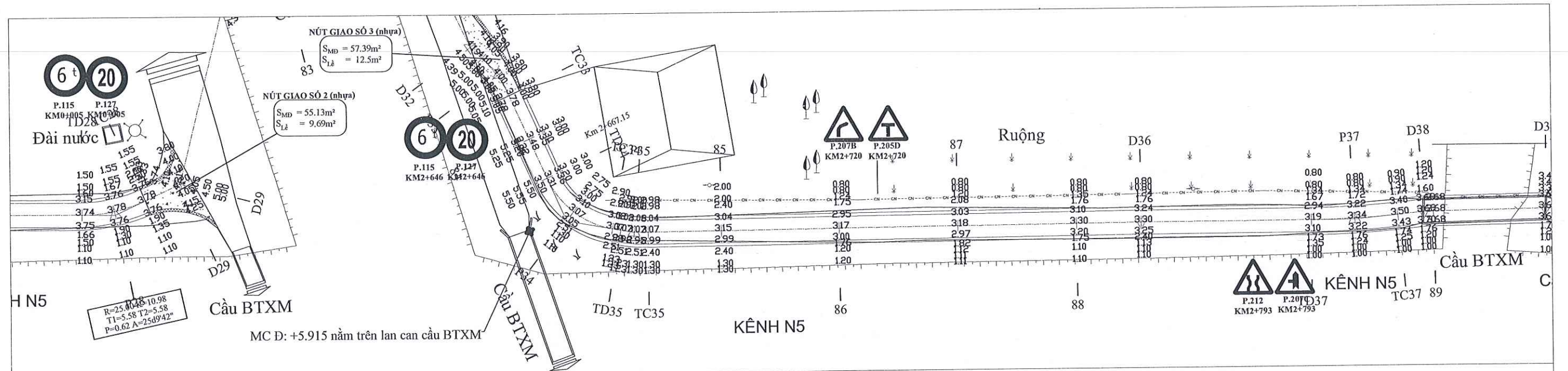


BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH PHÊ DUYỆT Theo Văn bản số: 1289/..... Ngày 04 tháng 04 năm 2026. Người phê duyệt ký tên: BÌNH THÀNH BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG Đường Văn Việt															CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCT/KĐ 26 Ngày 16 tháng 04 năm 2026. CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA Nguyễn Lê Phúc Anh				
0.28	0.22	0.10	0.09	0.13	0.13	0.14	0.16	0.11	0.11	0.16	0.14	0.10	0.14	0.13					
0.00%																			
1690.00																			
2.80	2.80	2.80	2.80	2.80	2.80	2.80	2.80	2.80	2.80	2.80	2.80	2.80	2.80	2.80					
3.08	3.02	2.90	2.89	2.93	2.93	2.93	2.90	2.94	2.96	2.91	2.91	2.96	2.96	2.93					
20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	6.88	13.12	20.00	20.00	15.14	10.79	10.79	3.82	11.23	20.00					
1500.00	1520.00	1540.00	1560.00	1580.00	1600.00	1606.88	1620.00	1640.00	1660.00	1675.14	1685.93	1696.72	1700.54	1750.00					
H5	50	51	52	53	D19	54	55	56	TD20	P20	TD21	TC20	P21	57					



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH PHÊ DUYỆT Theo Văn bản số: 1289 Ngày 21 tháng 04 năm 2026. Người phê duyệt ký tên: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG Dương Văn Việt																CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA Theo văn bản thẩm tra số: 01/BCTT/KĐ 26 Ngày 16 tháng 04 năm 2026. CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA Nguyễn Lê Phúc Anh															
0.27	0.20		0.24		0.13		0.10		0.07	0.09	0.07	0.05	0.07		0.01			0.05													
6.63	3.07	2.80		3.04	2.80		2.93	2.80		2.90	2.80		2.87	2.80		2.89	2.80														
6.63	3.00	2.80		20.00		20.00	15.63		13.17	13.17	8.01	11.68	11.68	6.66	20.00	20.00	20.00	20.00													
2008.23	2014.86		2040.00		2060.00		2080.00		2095.63	2108.80	2121.97	2129.98	2141.66	2153.34	2160.00	2180.00	2200.00	2220.00													
P24			67			68	69		P25	TD26	TC26		71				72														
4	TC24							TD25		TC25	P26	70				H2		73													
0.00 Wl=0.00																															
=1d31'10"																															
.63 P=0.04																															
0.00 K=13.26																															
Wb=0.00 Wl=0.00																															
A=5d1'51"																															
T=13.18 P=0.29																															
R=300.00 K=26.34																															
Wb=0.00 Wl=0.00																															
A=4d27'49"																															
T=11.69 P=0.23																															
R=300.00 K=23.36																															





BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH
PHÊ DUYỆT
 Theo Văn bản số: 1289.....
 Ngày 21... tháng 04... năm 2026..
 Người phê duyệt ký tên:

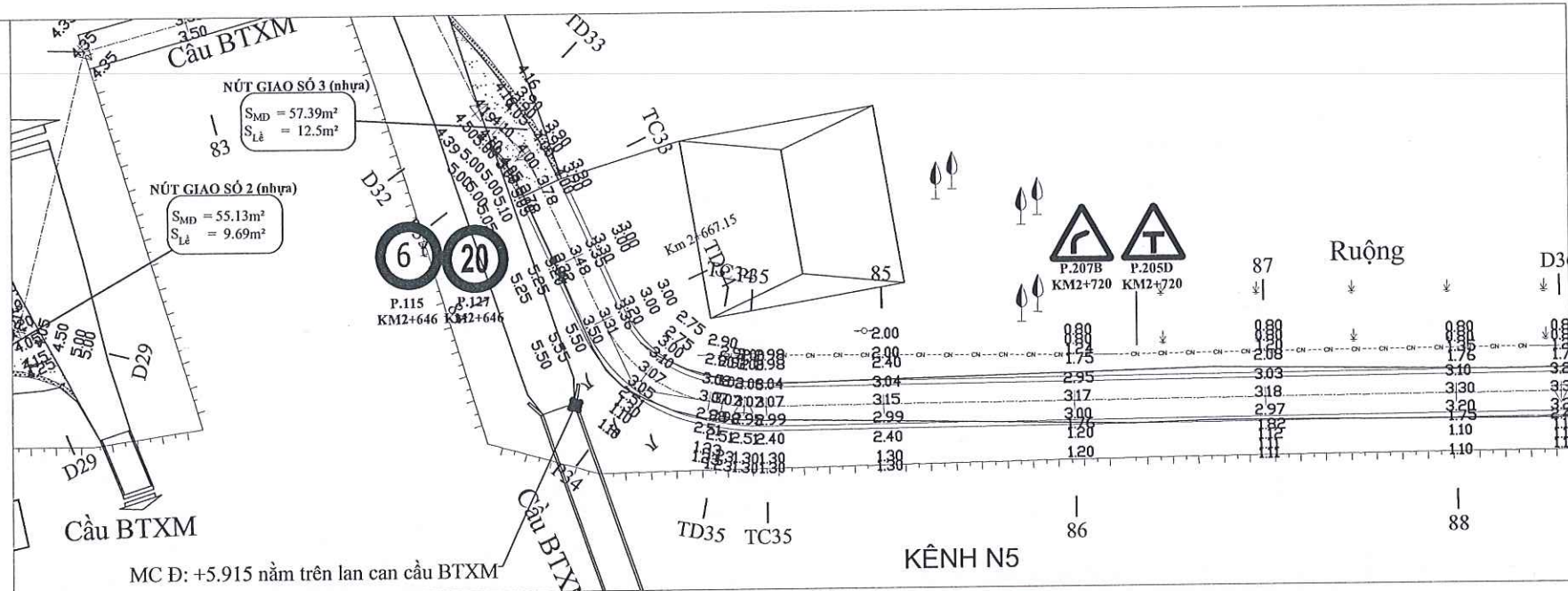
Đương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCTT/KĐ.26
 Ngày 16... tháng 04... năm 2026..
 CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

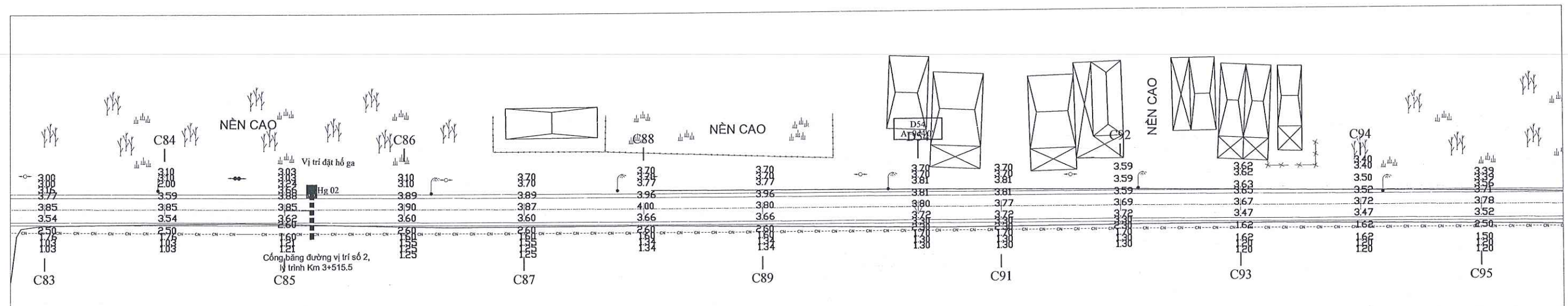
Nguyễn Lê Phúc Anh

HOÀNG ĐĂNG KHOA
 D/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Đẩu, Phường
 Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
 ĐT: 0937.772.157.
 Email: hoangdangkhoa@gmail.com.

BẢO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương	CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA KHOA Đ. KHÁNH HẬU - T. TÂY NINH	CHỦ ĐẦU TƯ	BÌNH ĐỒ TRÁC DỤC	
	Thiết kế	Hoàng Minh Thông			Hoàn thành: / / 2026	Bản vẽ số: BDTD - 11/28
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI) Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh		Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương	Đồ Hoàng Anh	Tỷ lệ: 1/1000	Ký hiệu bản vẽ:



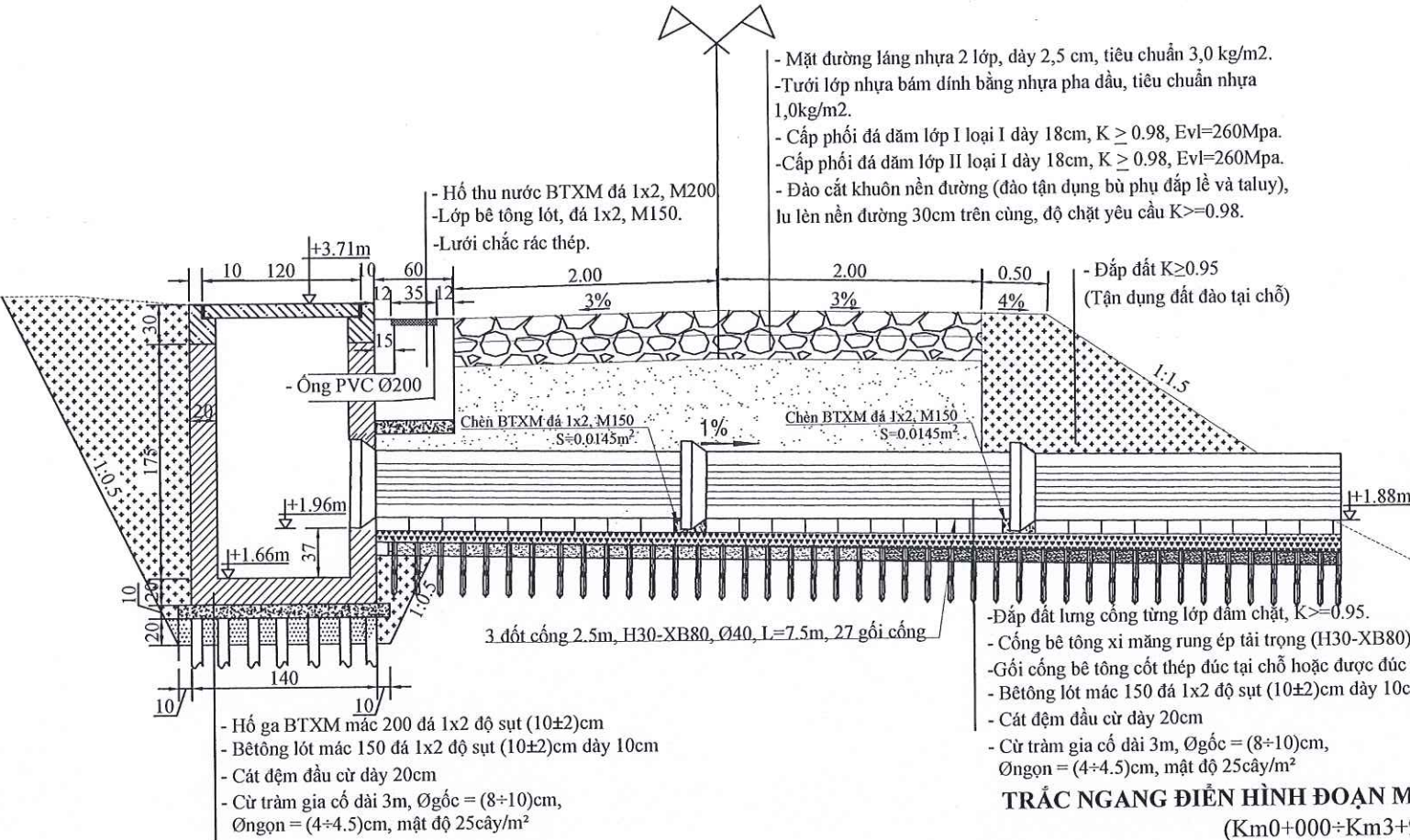
MSS:-2.00	2.00	1.00	0.00	-1.00	-2.00	0.00	1.00	2.00	3.00	4.00	5.00
Độ dốc thiết kế (%)	0.47%	7.16%	1.00%	5.03%	4.24%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
Cao độ thiết kế (m)	4.21	4.35	3.55	3.31	4.19	4.08	3.91	3.75	3.41	3.11	2.80
Cao độ tự nhiên (m)	4.21	4.35	3.55	3.31	4.19	4.10	4.00	3.78	3.48	3.31	3.07
Khoảng cách lẻ (m)	29.72	11.18	24.11	17.48	2.67	3.88	3.88	7.98	7.15	7.23	12.37
Lý trình	2559.10	2588.82	2600.00	2624.11	2641.59	2644.26	2648.14	2652.02	2660.00	2667.15	2674.38
Tên cọc	D29	83	D30	D31	TD33	TC33	TD34	TC34	TD35	TC35	86
Đường thẳng - đường cong	51d10'24"	60d51'13"	79d14'10"	20d45'21"	45d57'15"	55d14'51"	10d34'11"	0d21			



KÊNH N5														
0.20	0.20	0.20	0.25	0.22	0.15	0.12	0.04	0.02	0.07	0.13				
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÊ DUYỆT Theo Văn bản số: 1289/..... Ngày 24 tháng 04 năm 2026... Người phê duyệt ký tên: Dương Văn Việt CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG THIẾT KẾ VÀ THẨM TRA Theo văn bản thẩm tra số: 02/BC.TT/KĐ-26 Ngày 16 tháng 04 năm 2026... CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA Nguyễn Lê Phúc Anh														
0.00%														
934.13														
3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65	3.65
3.85	3.85	3.85	3.90	3.87	4.00	3.80	3.77	3.69	3.67	3.72	3.78	3.78	3.78	3.78
20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	26.20	13.80	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00
3480.00	3500.00	3520.00	3540.00	3560.00	3580.00	3600.00	3626.20	3640.00	3660.00	3680.00	3700.00	3720.00	3720.00	3720.00
C83	C84	C85	C86	C87	C88	C89	D54	C91	C92	C93	C94	C95	C95	C95
0d4'0"														

 Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh. ĐT: 0937.772.157. Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.	BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương	 CHỦ ĐẦU TƯ	BÌNH ĐỒ TRẮC DỤC	
	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)		Thiết kế	Hoàng Minh Thông		Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: BDTD - 16/28
			Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương		Tỷ lệ: 1/1000	Ký hiệu bản vẽ:
			Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh				

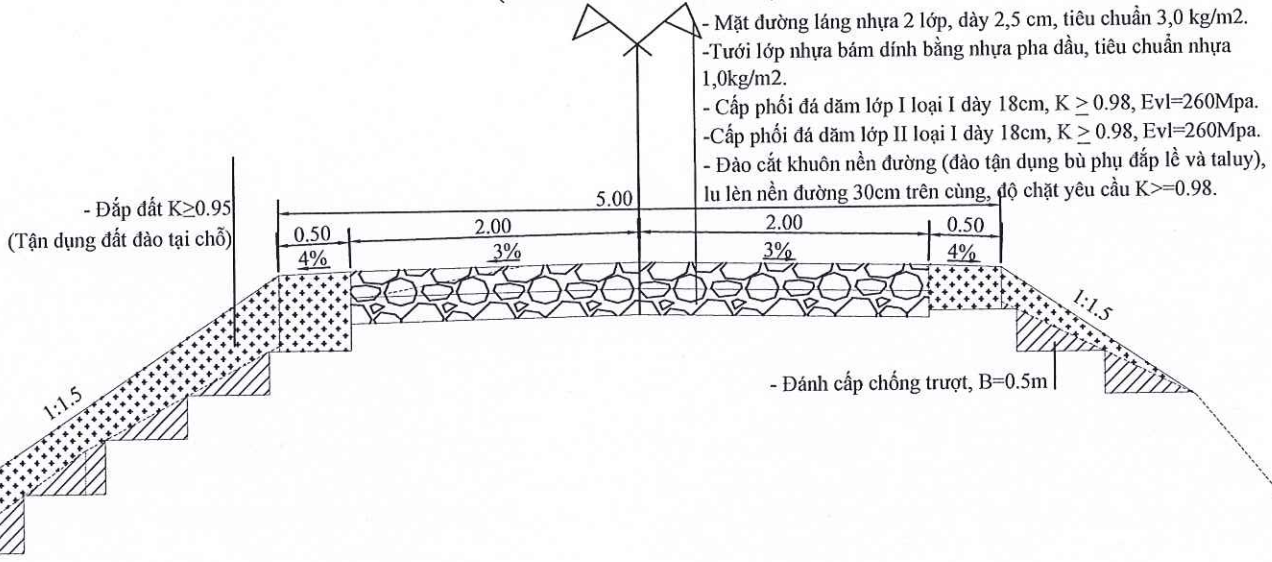
TRẮC NGANG ĐIỆN HÌNH ĐOẠN MẶT ĐƯỜNG LÁNG NHỰA TẠI VỊ TRÍ CỐNG BẰNG ĐƯỜNG



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHAI ĐĂNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCT/14.26
Ngày 16 tháng 04 năm 2016.
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh

TRẮC NGANG ĐIỆN HÌNH ĐOẠN MẶT ĐƯỜNG LÁNG NHỰA
(Km0+000÷Km3+990.92)



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH
PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số: 1289.....
Ngày 21 tháng 04 năm 2016.
Người phê duyệt ký tên:
Đương Văn Việt

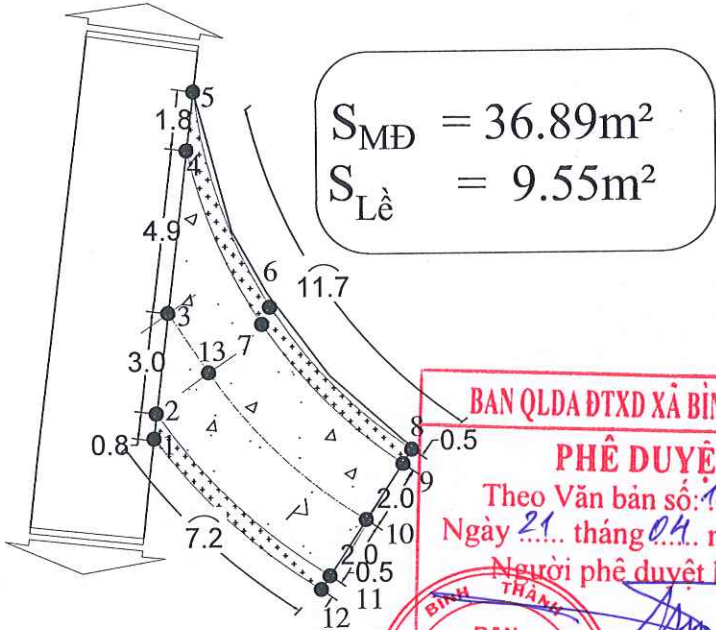
Ghi chú
- Kích thước trên bản vẽ đơn vị meters (m), milimet (mm)

Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương	CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA Đ/c: 1182049408 - C.T. N.H.H P. KHÁNH HẬU - T. TÂY NINH	CHỦ ĐẦU TƯ	MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN	
	Thiết kế	Hoàng Minh Thông			Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: MCDD - 2/2
	Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương			Tỷ lệ: 1/200	Ký hiệu bản vẽ:

NÚT GIAO ĐẦU TUYẾN (NHỰA)

Tên điểm	CĐTN (m)	CĐTK (m)
1	4.19	4.19
2	4.2	4.2
3	5.1	5.1
4	4.9	4.9
5	4.89	4.89
6	4.09	4.86
7	4.1	4.88
8	3.4	4.38
9	3.41	4.4
10	3.4	4.46
11	3.38	4.4
12	3.37	4.38
13	4.19	4.94
CĐTB	4.0477	4.6138
ĐỘ CHỀNH TB	0.5662	
KL BÙ MẶT ĐƯỜNG(M3)	36.89 * (0.36-0.5662)=7.607	



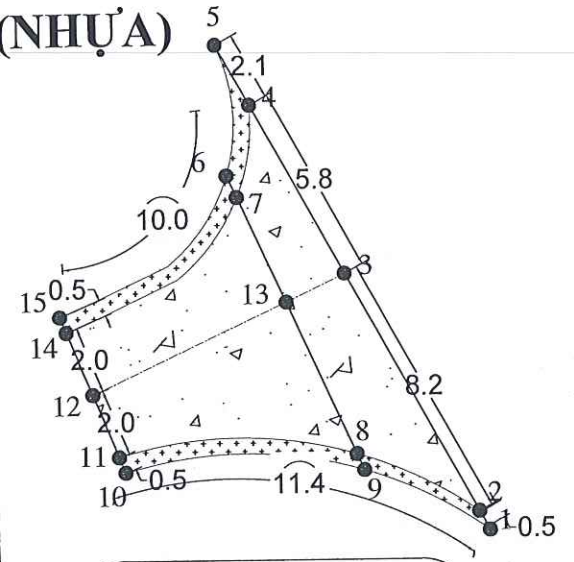
BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH
PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số: 1289/.....
Ngày 21 tháng 04 năm 2026...
Người phê duyệt ký tên:



Dương Văn Việt

NÚT GIAO SỐ 2 (NHỰA)

Tên điểm	CĐTN (m)	CĐTK (m)
1	3.90	4
2	4.05	4.02
3	4.2	4.2
4	4.1	4.065
5	4	4.045
6	4.11	4.12
7	4.1	4.14
8	4.05	4.12
9	4.08	4.1
10	3.75	4.01
11	3.76	4.03
12	3.78	4.09
13	4.2	4.2
14	3.76	4.03
15	3.75	4.01
CĐTB	3.9727	4.0787
ĐỘ CHỀNH TB	0.1060	
KL ĐÀO MẶT ĐƯỜNG(M3)	55.13 * (0.36-0.1060)=14	



S_MĐ = 55.13m²
S_Lề = 9.69m²

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHẢI ĐĂNG

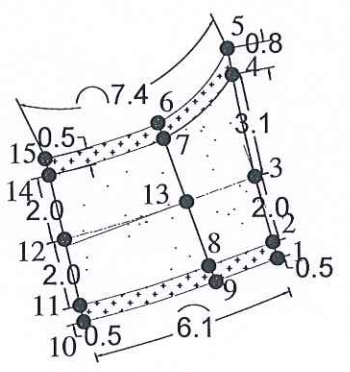
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 2718/CIT/KĐ.ĐG
Ngày 16 tháng 04 năm 2026...
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh

NÚT GIAO SỐ 4 (NHỰA)

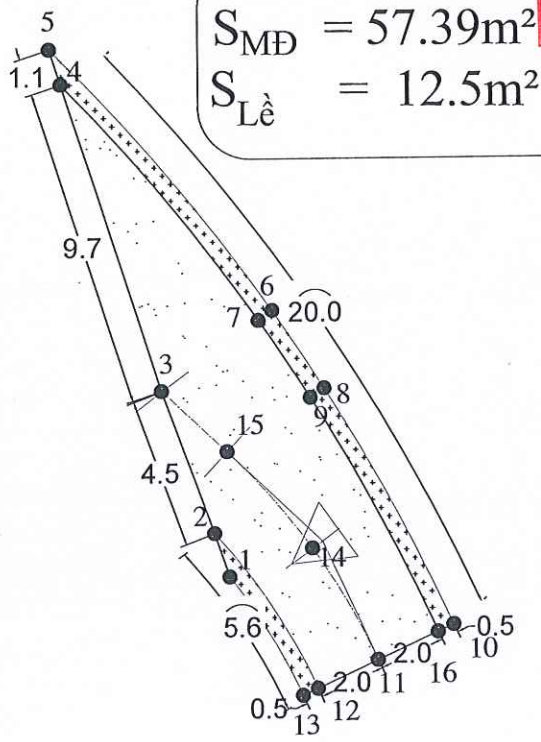
Tên điểm	CĐTN (m)	CĐTK (m)
1	4.35	4.07
2	4.3	4.09
3	4.15	4.15
4	4.15	4.06
5	3.93	4.04
6	3.78	3.96
7	3.79	3.98
8	3.96	3.98
9	3.95	3.96
10	3.45	3.77
11	3.46	3.79
12	3.58	3.85
13	4	4.04
14	3.55	3.79
15	3.54	3.77
CĐTB	3.8627	3.9533
ĐỘ CHỀNH TB	0.0907	
KL ĐÀO MẶT ĐƯỜNG(M3)	25.14 * (0.36-0.0907)=6.77	

S_MĐ = 25.14m²
S_Lề = 6.33m²



NÚT GIAO SỐ 3 (NHỰA)

Tên điểm	CĐTN (m)	CĐTK (m)
1	4	3.87
2	4.1	4.02
3	4.19	4.19
4	3.9	3.9
5	3.9	3.86
6	4.16	4.11
7	4.16	4.13
8	3.9	4
9	4.05	4.02
10	3.9	3.67
11	3.78	3.75
12	4.05	3.69
13	5.05	3.67
14	4	3.97
15	4.1	4.08
16	4	3.69
CĐTB	4.0775	3.9138
ĐỘ CHỀNH TB	-0.1638	
KL ĐÀO MẶT ĐƯỜNG(M3)	57.39 * (0.36+0.1638)=30.06	

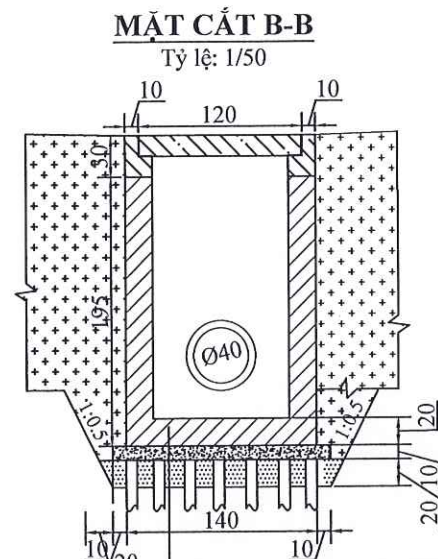


S_MĐ = 57.39m²
S_Lề = 12.5m²

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG: NHỰA

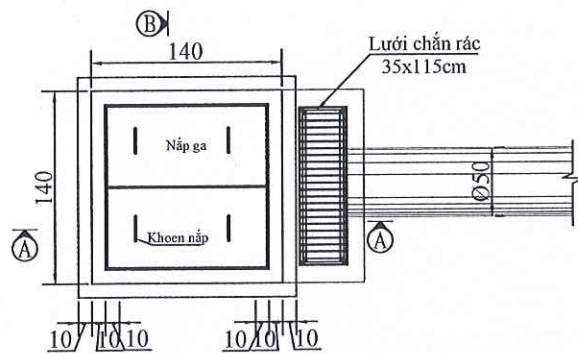
KẾT CẤU LỀ, TALUY ĐƯỜNG:

GHI CHÚ:
- Kích thước trên bản vẽ đơn vị mét (m)

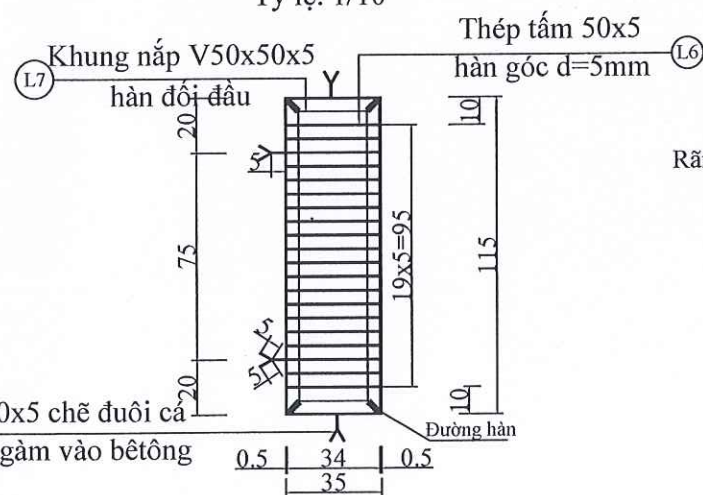


- Hố ga BTXM mác 200 đá 1x2 độ sụt (10±2)cm
- Bê tông lót mác 150 đá 1x2 độ sụt (10±2)cm dày 10cm
- Cát đệm đầu cừ dày 20cm
- Cừ tràm gia cố dài 3m, Ø góc = (8÷10)cm, Ø ngon = (4÷4.5)cm, mật độ 25 cây/m²

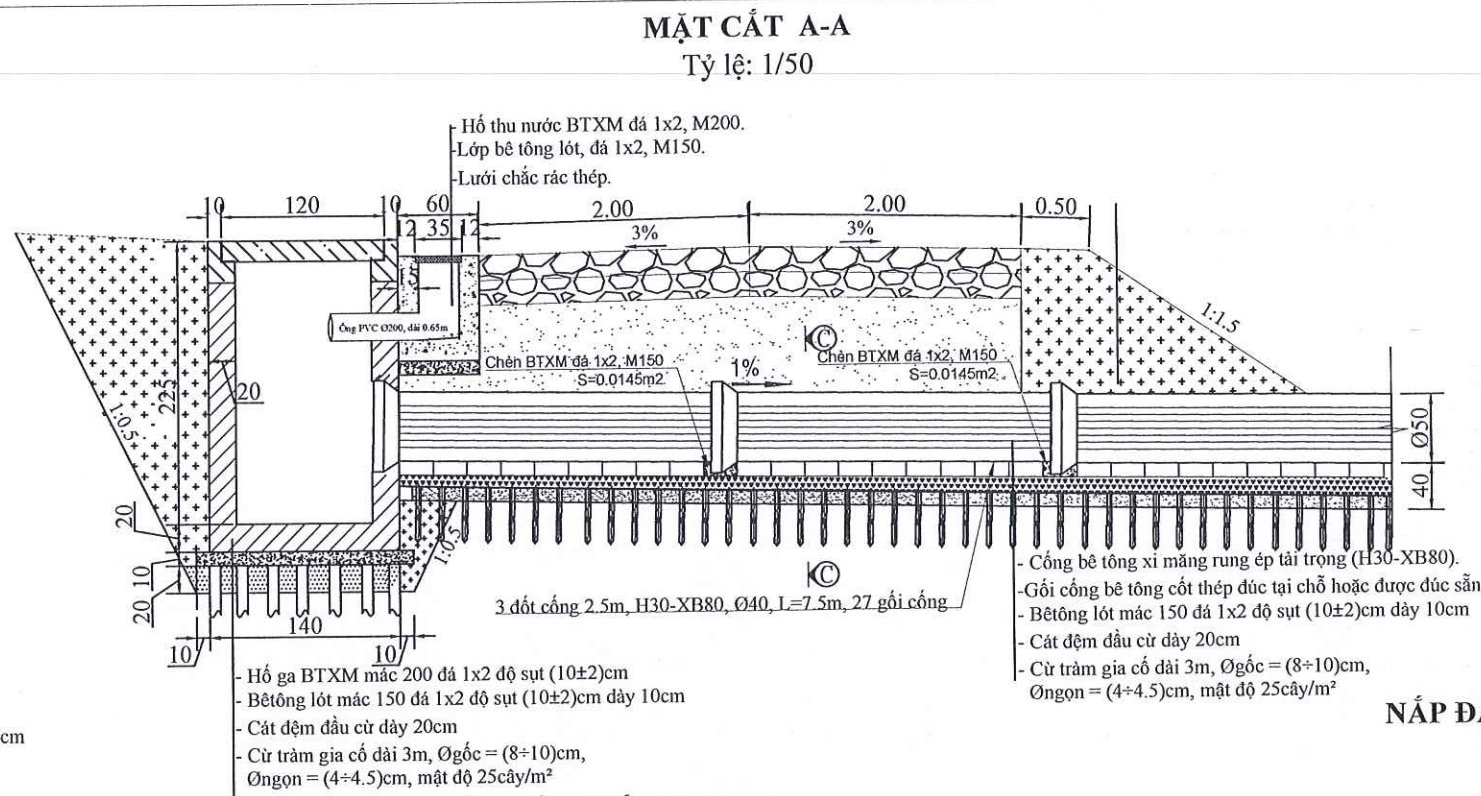
MẶT BẰNG HỐ GA
Tỷ lệ: 1/50



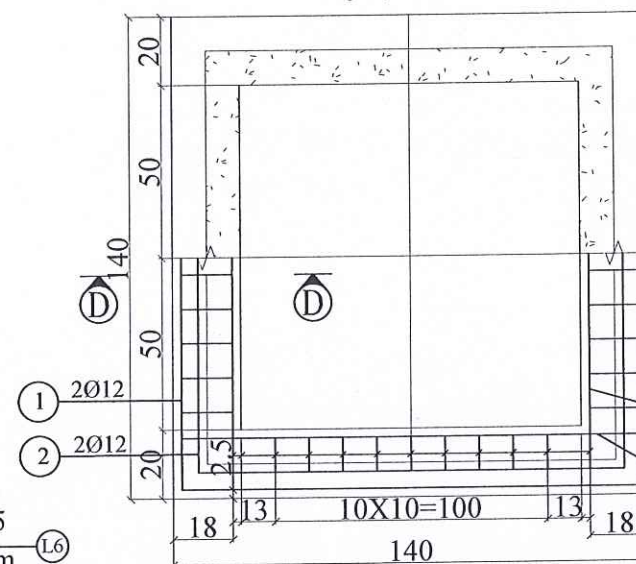
LƯỚI CHẮN RÁC 35x115CM
Tỷ lệ: 1/10



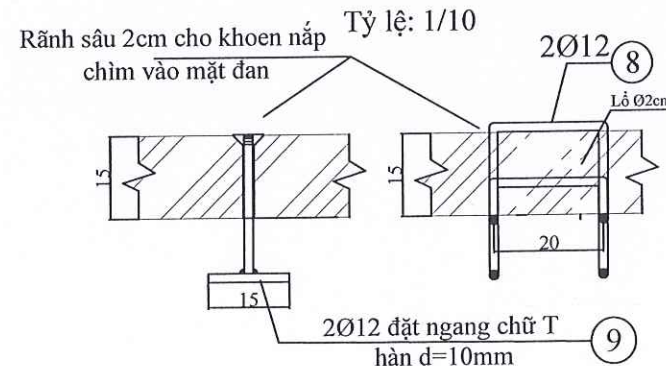
- Thép tấm 100x50x5 chế đuôi cá
- Hàn vào khung ngầm vào bê tông



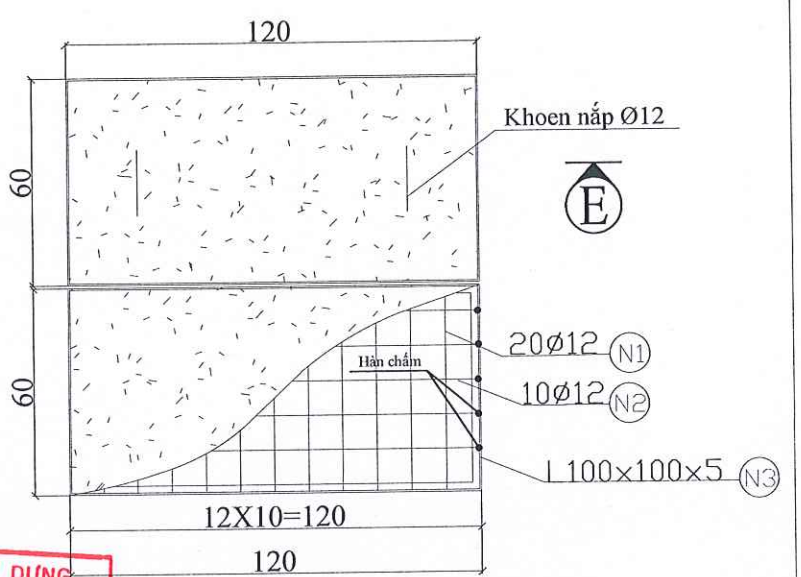
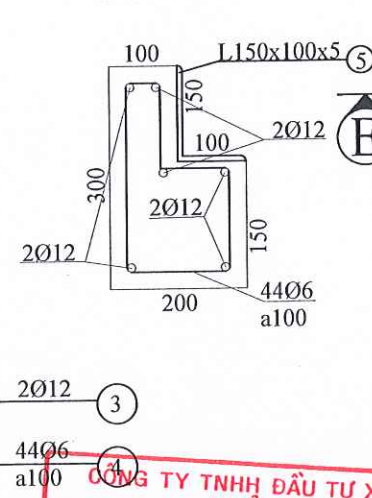
KHUÔN HÀM HỐ GA LOẠI I
Tỷ lệ: 1/20



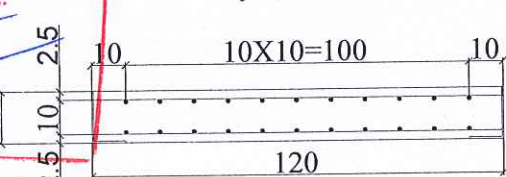
CHI TIẾT KHOEN NẮP
Tỷ lệ: 1/10



MẶT CẮT D-D
Tỷ lệ: 1/10

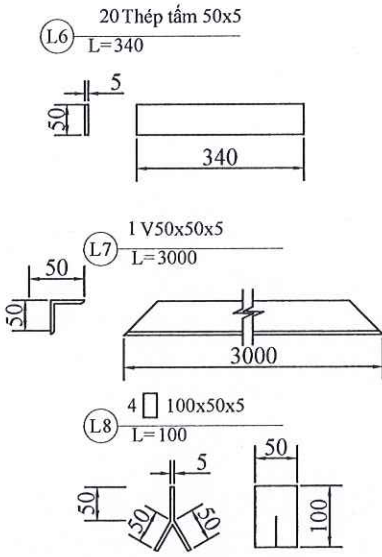
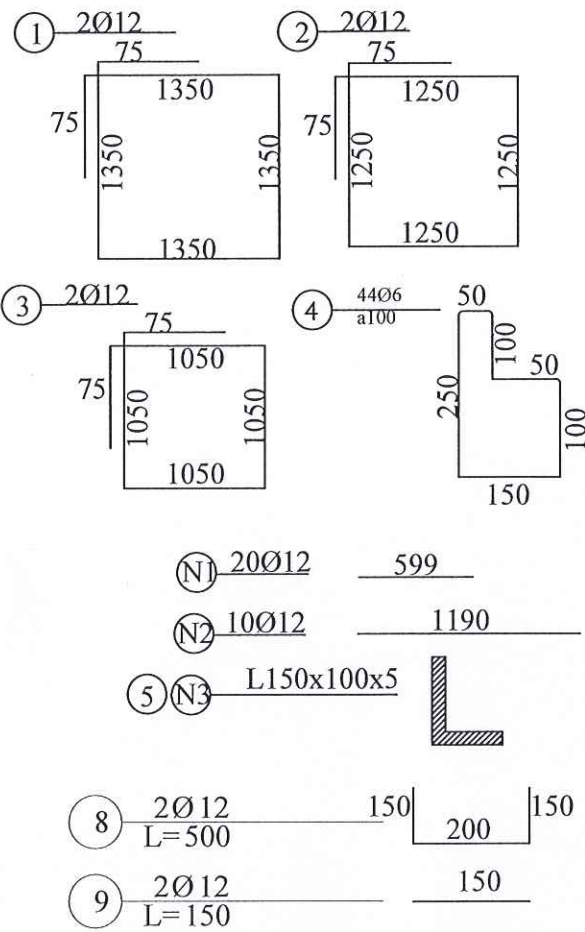


MẶT CẮT E-E
Tỷ lệ: 1/10



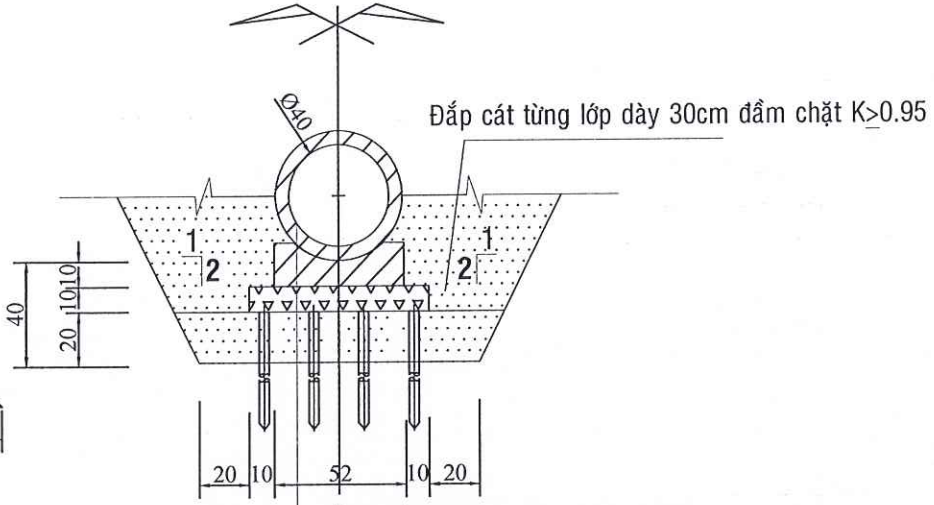
- GHI CHÚ:**
- Kích thước trên bản vẽ đơn vị centimet (cm)
 - Thép là milimet (mm)

CHI TIẾT CỐT THÉP



MẶT CẮT C-C

Tỷ lệ :1/50



- Ống cống rung ép loại H30-XB80
- Gối cống đúc sẵn bê tông cốt thép.
- Lớp bê tông đá 1x2 M150 (B12,5) độ sụt (10±2)cm dày 10cm.
- Lớp cát lấp đệm đầu cừ dày 20cm.
- Cừ tràm gia cố đất nền đóng mật độ 25cây/m².

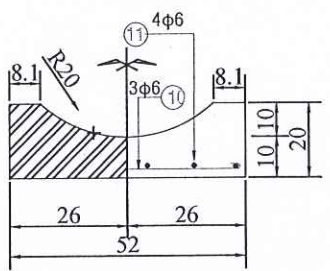
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 1 GA

Bộ phận	Tên thanh	Đường kính	Chiều dài	Số thanh	Tổng chiều dài	Tổng khối lượng
		(mm)	(mm)		(m)	(Kg)
Khuôn hàm	1	12	5550	2	11.10	9.855
	2	12	5150	2	10.30	9.144
	3	12	4350	2	8.70	7.724
	4	6	700	44	30.80	6.836
	5	L150x100x5	4*1200	1	4.80	18.096
Nắp ga	N1	12	599	20	11.98	10.636
	N2	12	1190	10	11.90	10.565
	N3	L150x100x5	3600	1	3.60	13.572
	8	12	500	2	1.00	0.888
	9	12	150	2	0.30	0.266
Chân rác 35x115cm	L6	Thép tấm 50x5	340	20	6.80	13.328
	L7	V50x50x5	3000	1	3.00	11.310
	L8	100x50x5	100	4	0.40	0.784
Cốt thép		Ø6				6.8360
		Ø12				37.358
		L150x100x5				31.668
		V50x50x5				11.310
		100x50x5				0.784
		□Thép tấm 50x5				13.328

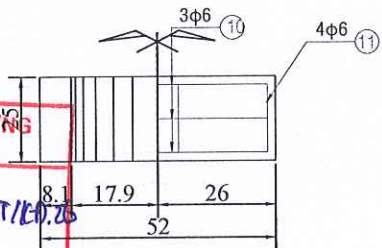
GỐI CỐNG Ø400 - RUNG ÉP

(CẤU KIỆN ĐÚC SẴN)

MẶT CẮT

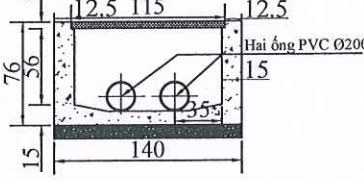


MẶT BẰNG

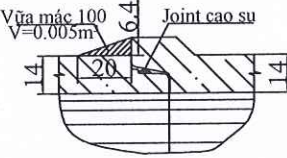


MẶT CẮT F-F

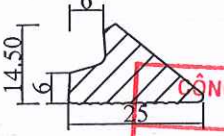
Tỷ lệ: 1/50



MỎI NÓI CỐNG



JOINT CAO SU



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐÀNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 041/BCT/18.06.2026
Ngày: 16 tháng 04 năm 2026
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh

GHI CHÚ:
- Kích thước trên bản vẽ đơn vị centimet (cm)
- Thép là milimet (mm)

BAN QLDA ĐTXD VÀ BÌNH THÀNH
PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số: 1289/.....
Ngày 21 tháng 04 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:
BỘ CÔNG TRÌNH
QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG
Dương Văn Việt

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 1 GỐI CỐNG RUNG ÉP Ø40CM

Tên thanh	Đường kính	Chiều dài	Số thanh	Tổng chiều dài	Tổng khối lượng
		(mm)		(m)	(Kg)
10	6	470	3	1.41	0.313
11	6	200	4	0.80	0.178
Cốt thép	Ø6				0.491
	Tổng cộng (kg)				0.491

Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dẫu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdanghoaccompany@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI) ĐOẠN KM0+00 ĐẾN KM3+990.92

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK

Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế

Hoàng Minh Thông

Kiểm tra

Nguyễn Quốc Vương

GIÁM ĐỐC

CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ GA CHI TIẾT

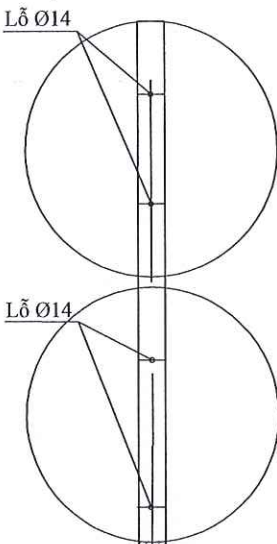
Hoàn thành: / /2026 Bản vẽ số: HGCT - 2/2

Tỷ lệ: Theo bản vẽ Ký hiệu bản vẽ:

QUY CÁCH BIỂN BÁO

TỶ LỆ : 1/20

TRỤ ĐỠ BIỂN BÁO LOẠI I

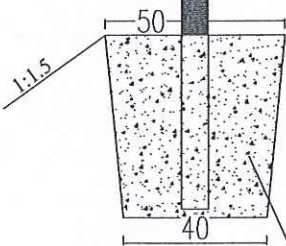


Cột đỡ biển báo

ống STK Ø=90mm,
d=3mm, L=4.10m

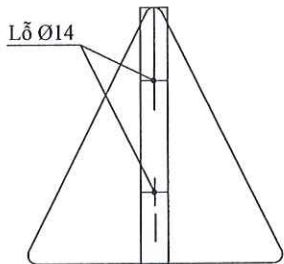
Sơn phản quang màu trắng

Sơn phản quang màu đỏ



Bê tông để cột
đá 1x2 mac 150

TRỤ ĐỠ BIỂN BÁO LOẠI II



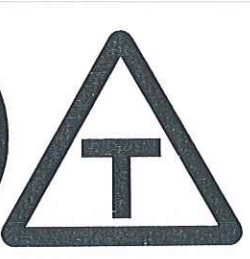
700mm



P.115



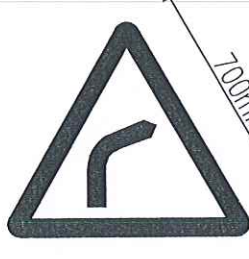
P.127



W.205d



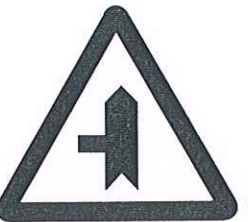
W.212



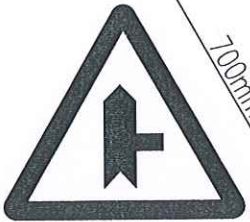
W.207b



W.207a



W.207c



W.207b

700mm

BẢNG TỔNG HỢP BIỂN BÁO

STT	Tên chi tiết	Số lượng	Vị trí
1	Hạn chế trọng tải toàn bộ xe (P.115)	5	Xem bình đồ
2	Biển báo hạn chế tốc độ (P.127)	5	Xem bình đồ
3	Biển báo đường giao nhau (W.205d)	5	Xem bình đồ
4	Biển báo đường cong (W.207a,207b)	2	Xem bình đồ
5	Biển báo đường hẹp (W.212)	6	Xem bình đồ
6	Biển báo giao với đường không ưu tiên (W.207b, W.207c)	2	
Tổng:		25	

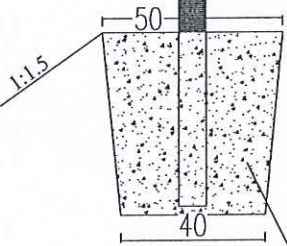
BẢNG TỔNG HỢP TRỤ ĐỠ BIỂN BÁO

STT	Tên chi tiết	Số lượng	Vị trí bố trí	
			Lý trình	Ghi chú
1	Trụ đỡ biển báo	20	Xem bình đồ	

Cột đỡ biển báo
ống STK Ø=90mm, d=3mm, L=3.70m

Sơn phản quang màu trắng

Sơn phản quang màu đỏ

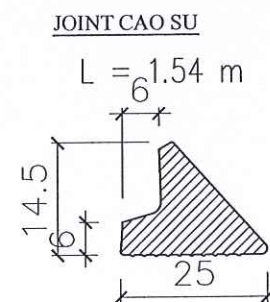
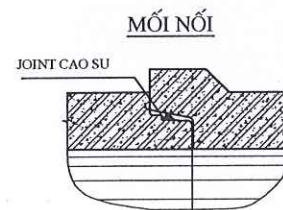
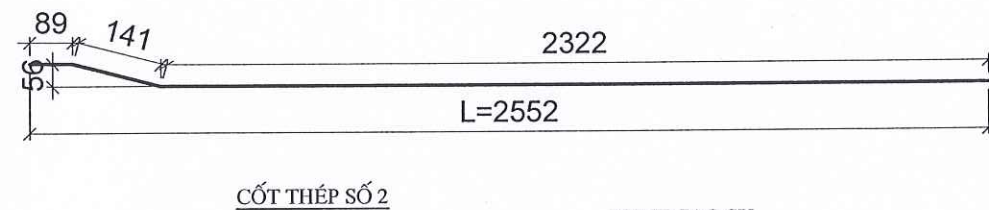
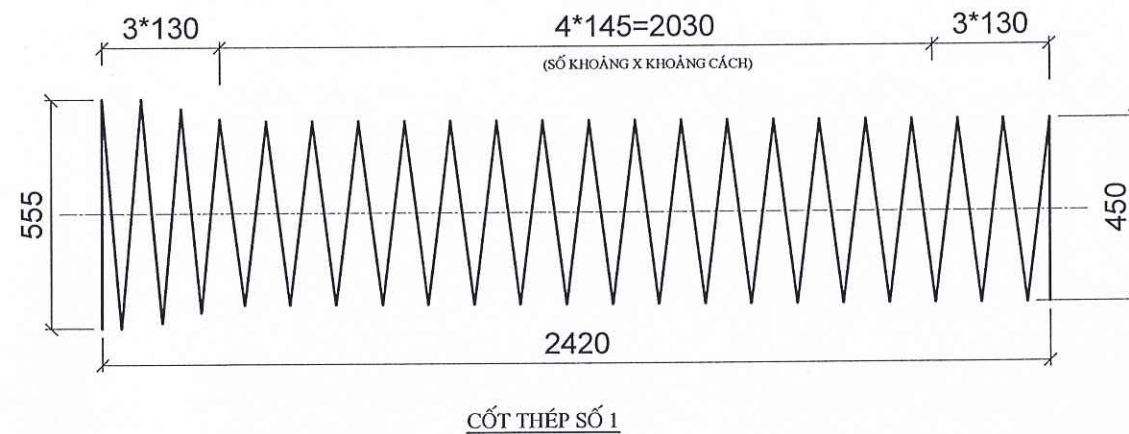
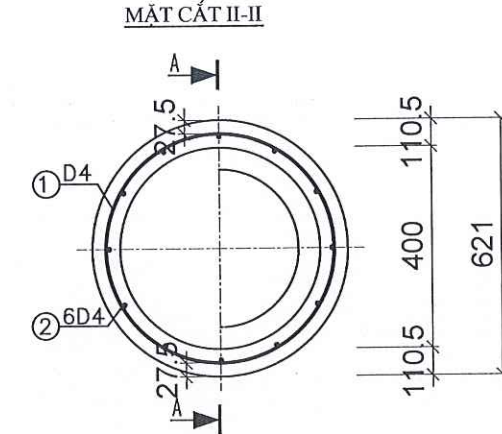
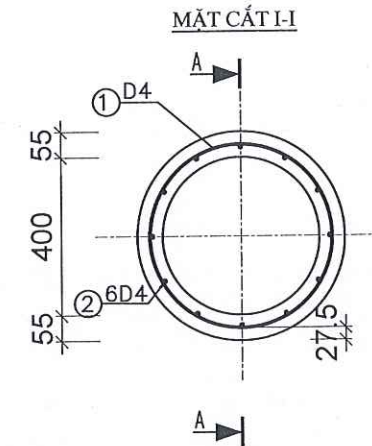
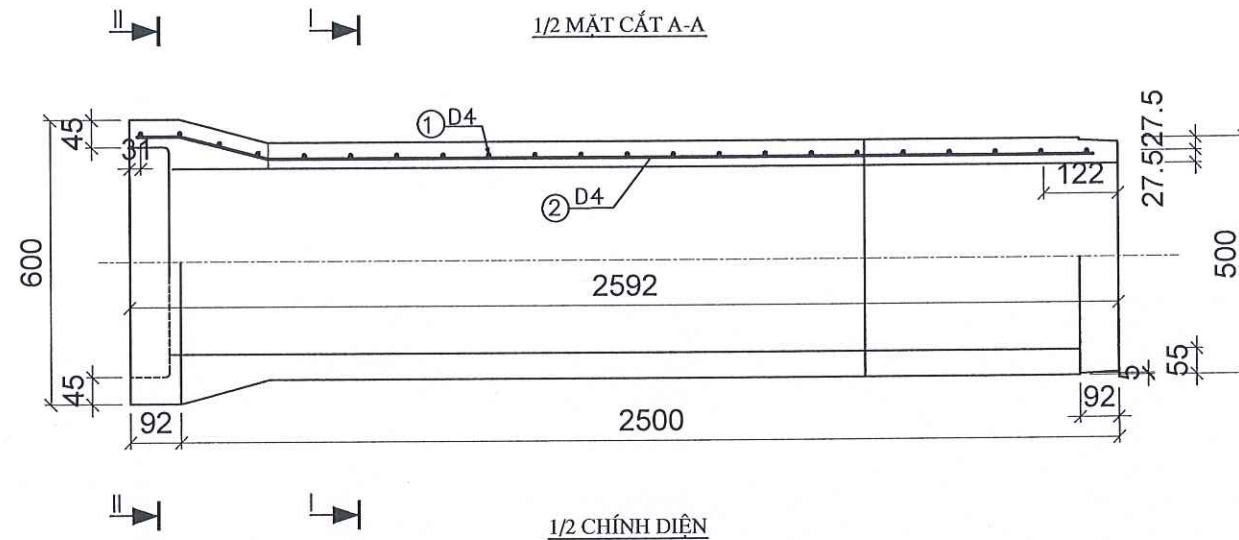


Bê tông để cột
đá 1x2 mac 150



Nguyễn Lê Phúc Anh

Ghi chú
- Đơn vị bản vẽ dùng mm, trừ trường hợp ghi cụ thể.
- Biển báo P.115 và P.127 dùng chung 1 cột đỡ, trụ biển báo loại I
- Trụ biển báo loại II dùng cho các biển báo còn lại.
- Bản vẽ thiết kế theo "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ" QCVN 41:2019/BGTVT



THỐNG KÊ VẬT TƯ

KÝ HIỆU	QUY CÁCH	SỐ	CHIỀU DÀI	TỔNG	TỔNG	GHI CHÚ
	VẬT TƯ	THANH	MỘT THANH	CHIỀU DÀI	TRỌNG LƯỢNG	
	(MM)	(TH)	(MM)	(M)	(KG)	
①	D4	1	26573	26.57	2.62	
②	D4	6	2562	30.74	3.03	
	CỘNG				5.65	
	BÊ TÔNG M200				0.215M3/1ĐỐT CỐNG	

GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ GHI BẰNG MM
- LIÊN KẾT NHỮNG THANH CỐT THÉP ĐƯỢC TIẾN HÀNH BẰNG MÁY HÀN TỰ ĐỘNG HAY BƯỚC.
- CỐT THÉP KÉO NGUỘI CÓ RA = 3800KG/CM²
- BÊ TÔNG CÓ CƯỜNG ĐỘ NÉN QUY ĐỊNH FC=27.6MPA.
- CHIỀU CAO ĐẤT ĐÁP TRÊN CỐNG TỪ 0.6 - 4.0 M
- CỐNG ĐẶT DƯỚI ĐƯỜNG Ô TÔ (HOẠT TẢI H30-XB80)
- CỐNG ĐƯỢC CHẾ TẠO BẰNG CÔNG NGHỆ LY TÂM



CHI TIẾT CỐNG Ø40CM

Công trình: ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh)



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

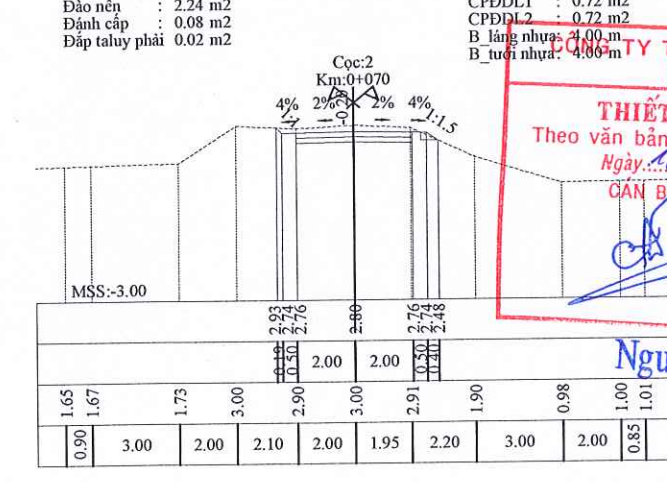
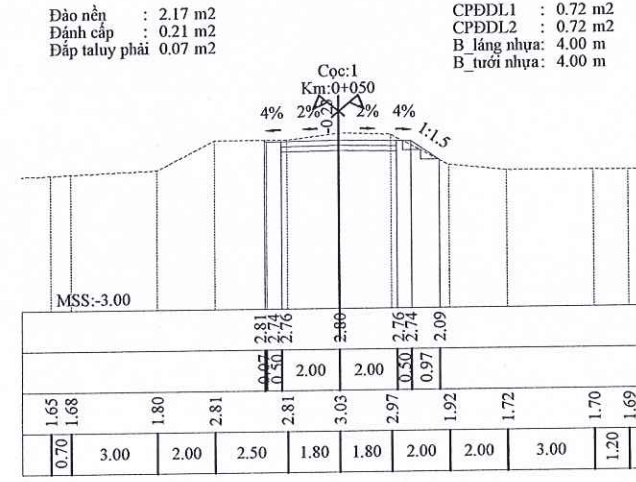
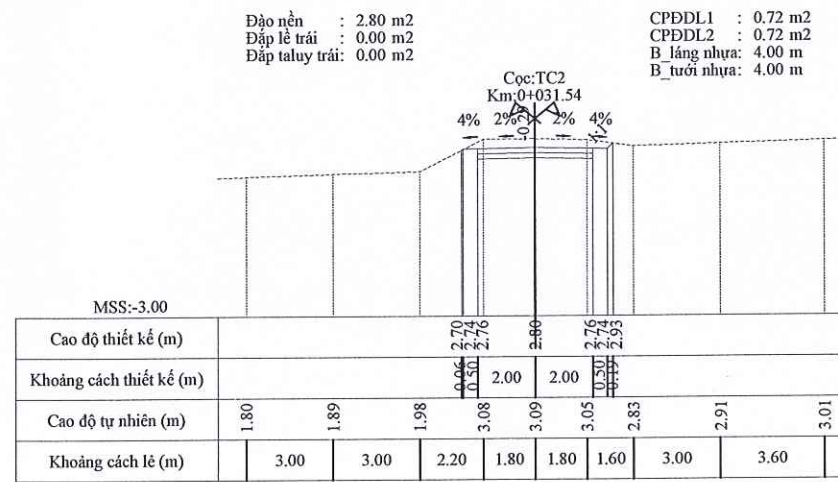
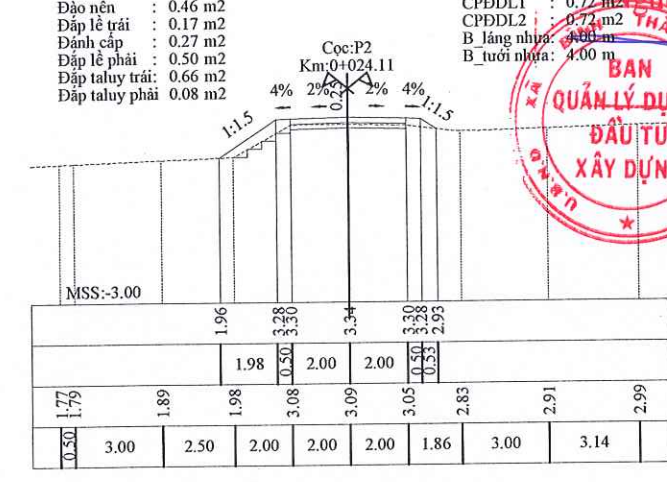
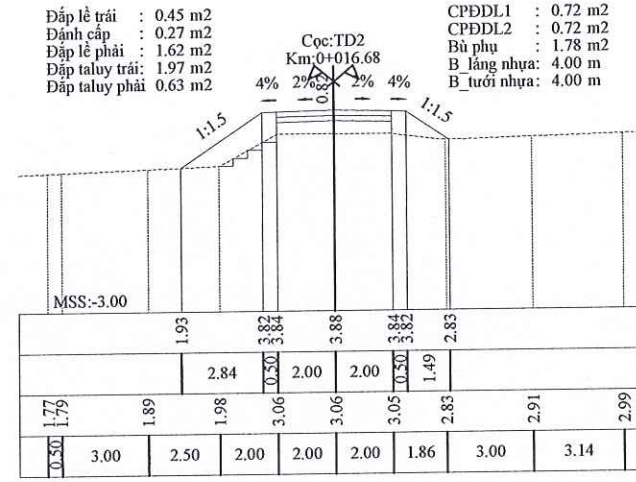
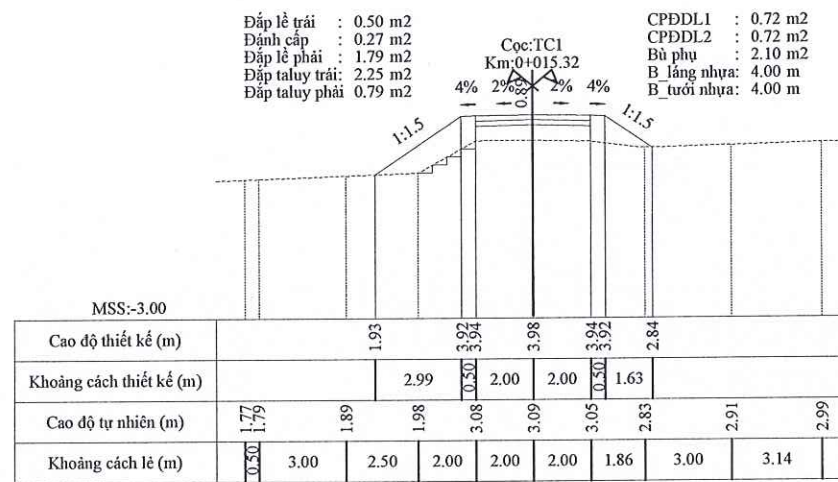
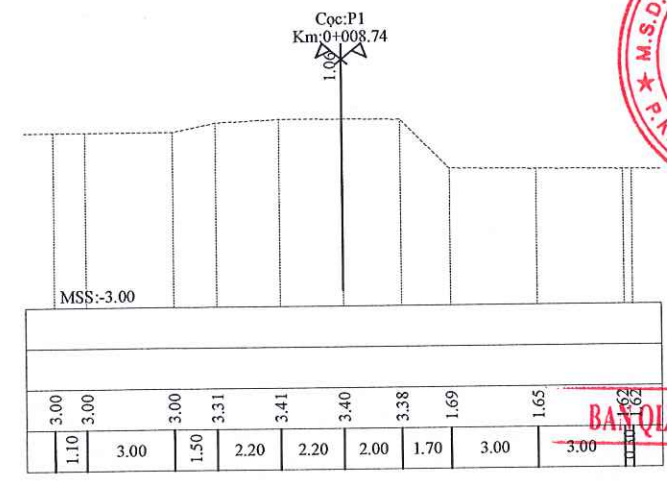
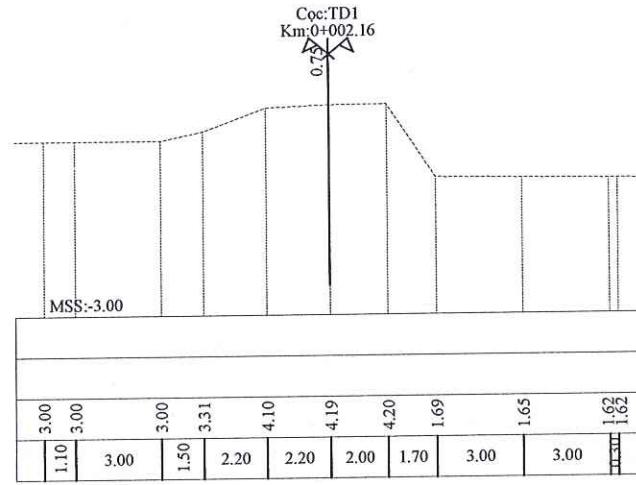
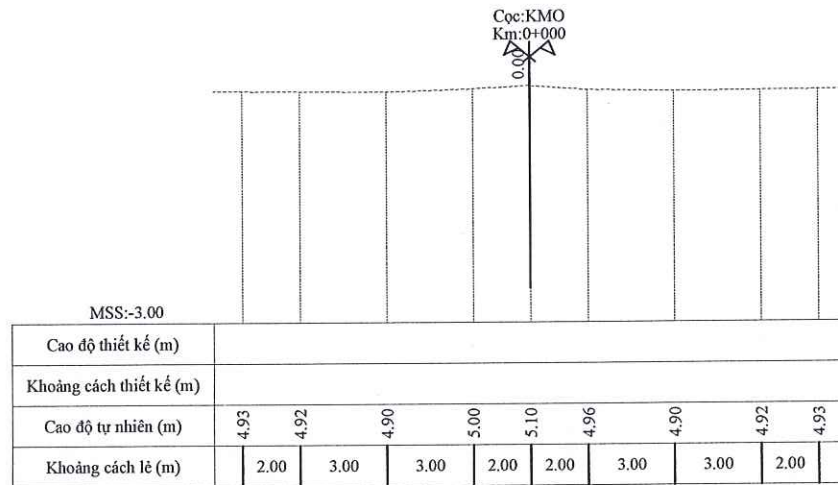
PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1289/.....
Ngày 21 tháng 01 năm 2016.

Người phê duyệt ký tên:

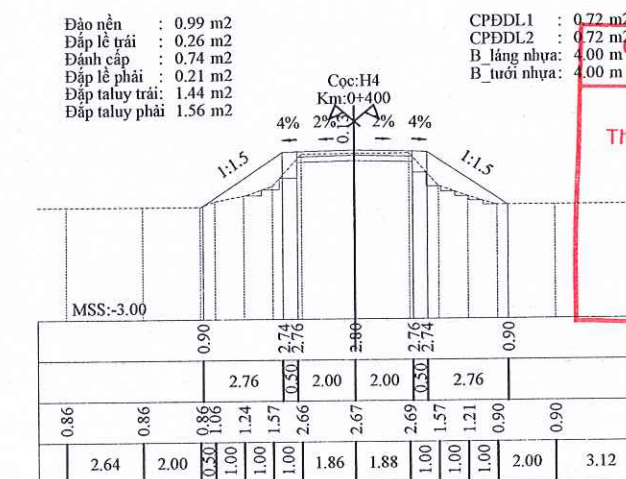
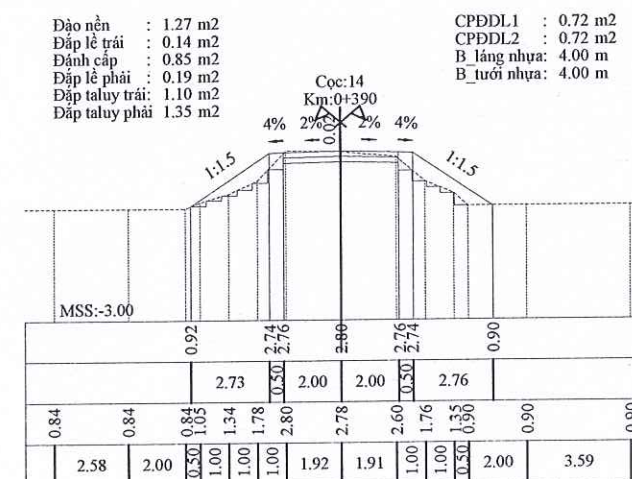
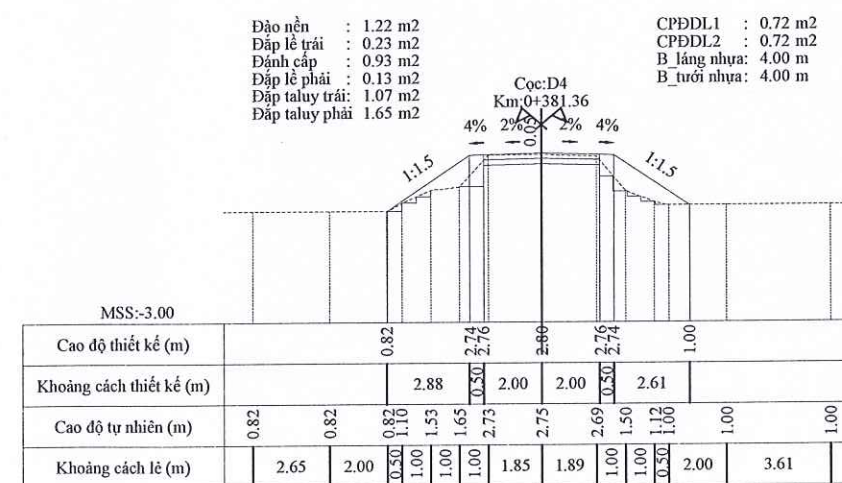
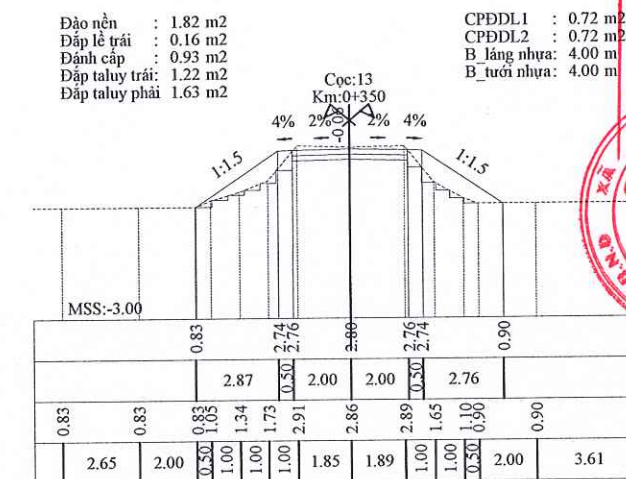
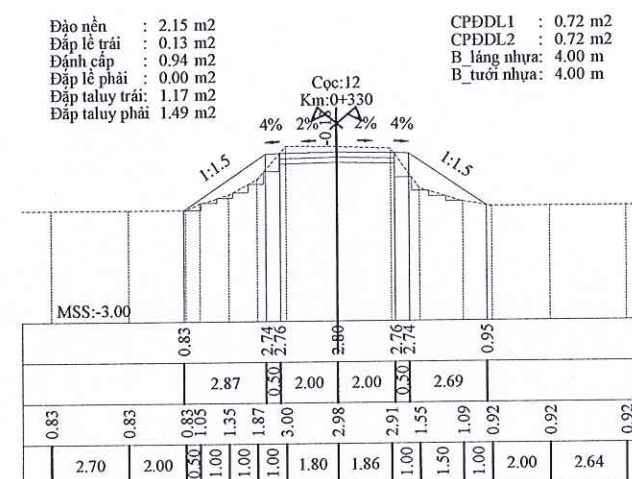
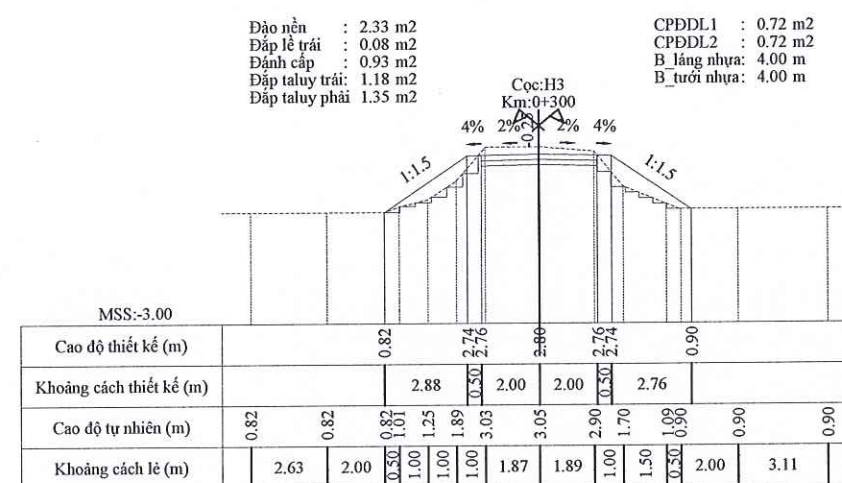
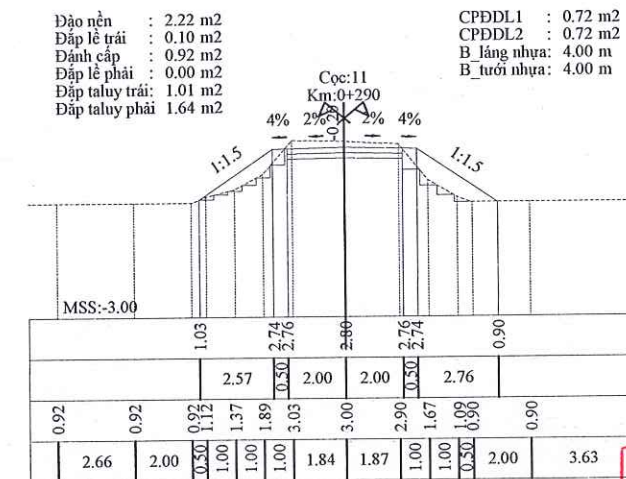
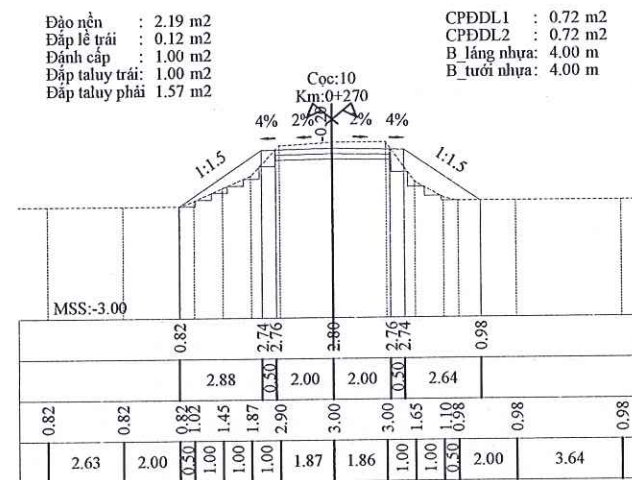
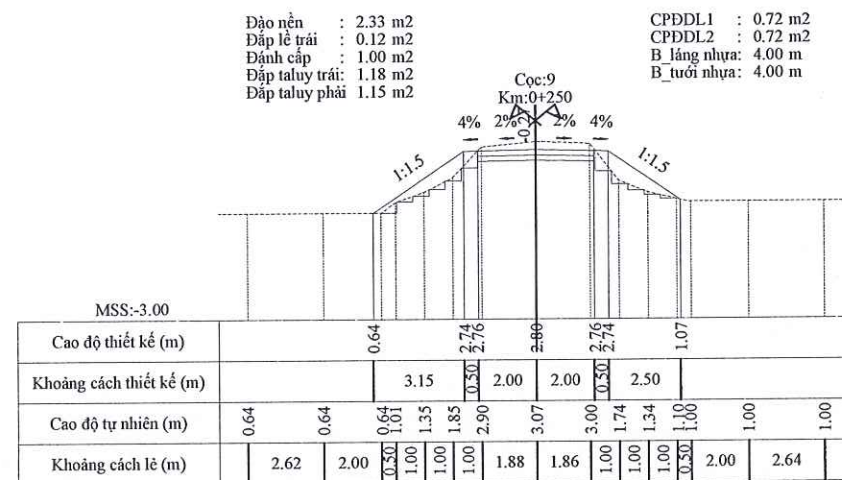


Đương Văn Việt



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG
THIẾT KẾ ĐÀ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCTT/KD.26
Ngày 16 tháng 01 năm 2016
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1289/.....

Ngày 21. tháng 04. năm 2026.

Người phê duyệt ký tên:

 **Dương Văn Việt**

Dương Văn Việt

2 m
0 m
0 m

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHẢI ĐĂNG**

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCTT/KĐ. 2G
Ngày 16 tháng 04 năm 2022

Ngày.....tháng.....năm 2020.
CÁN BỘ CHỈ TRỊ THẨM TRA

CAN BỘ CHỦ TRÌ THAM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh



Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương
------------	-------------------

Thiết kế	Hoàng Minh Thông
----------	------------------

Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương
----------	-------------------

CHẤM ĐỌC

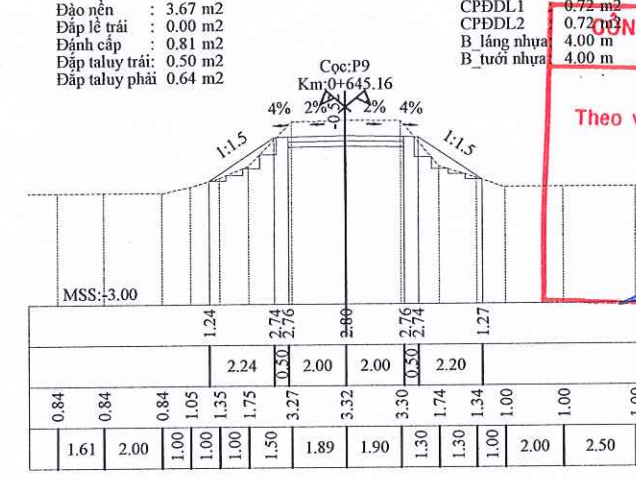
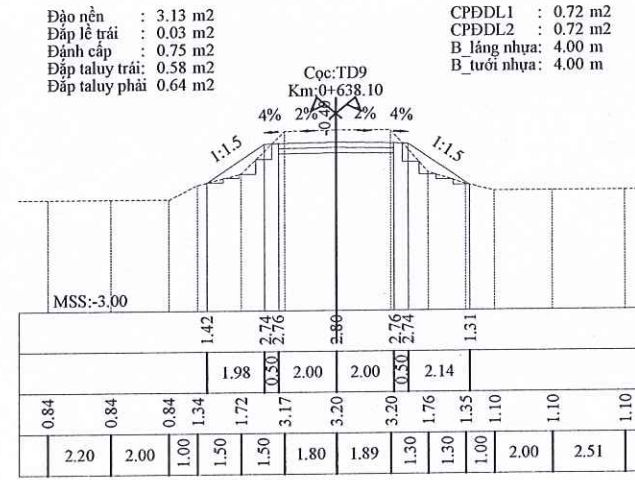
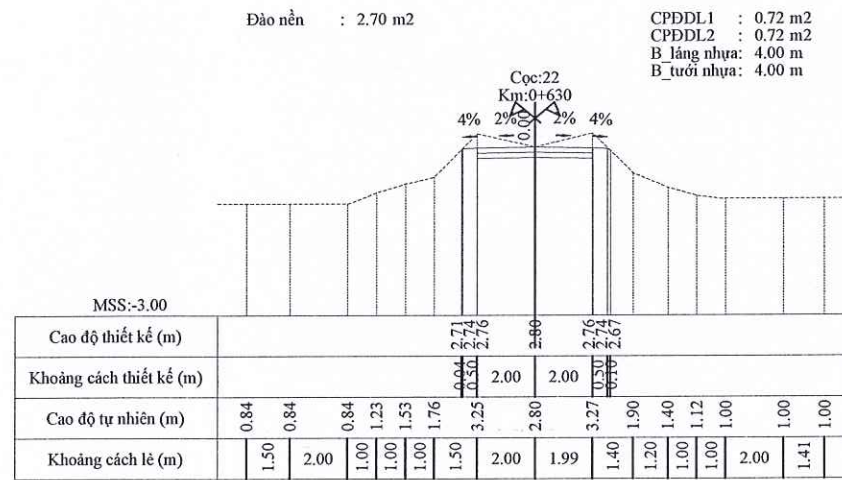
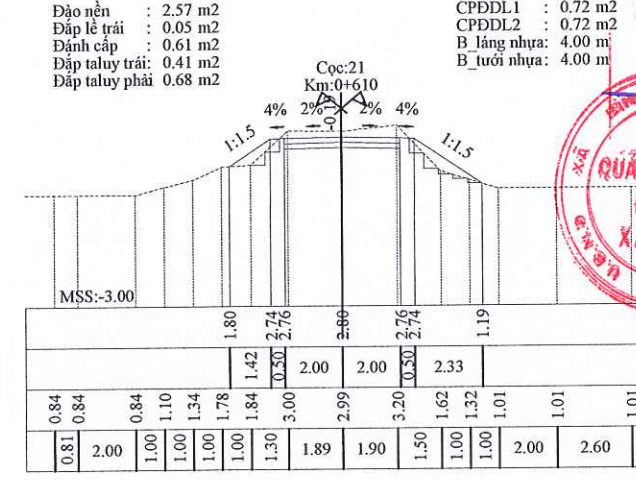
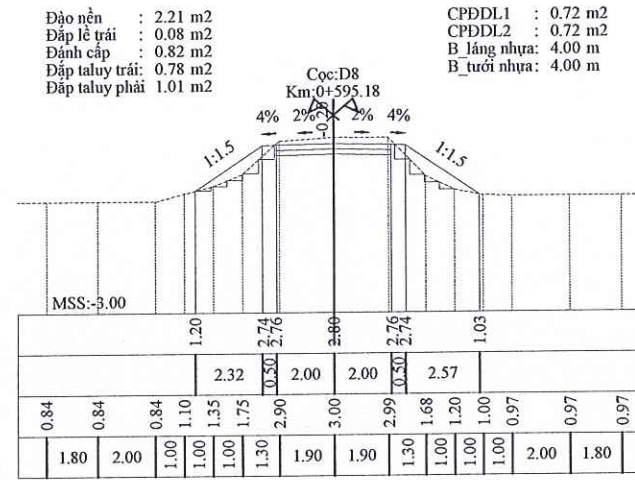
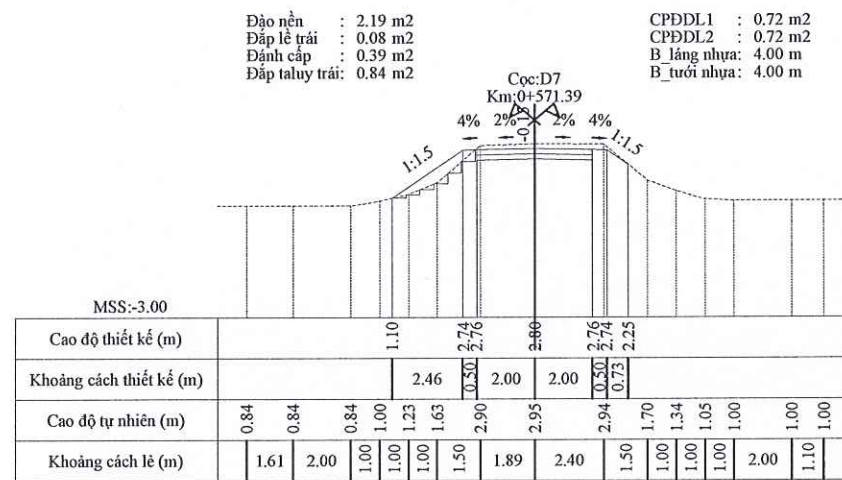
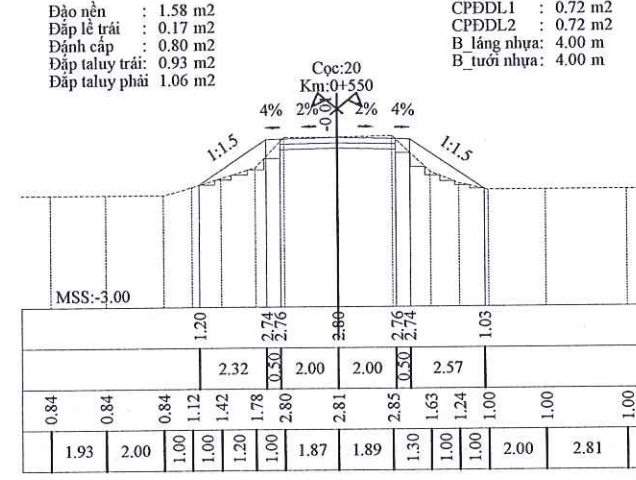
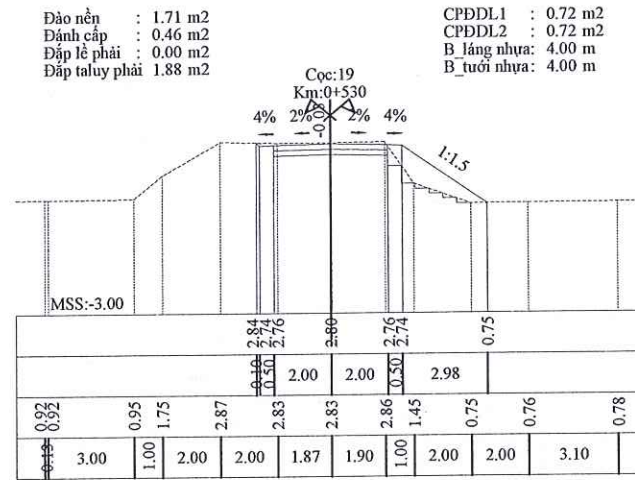
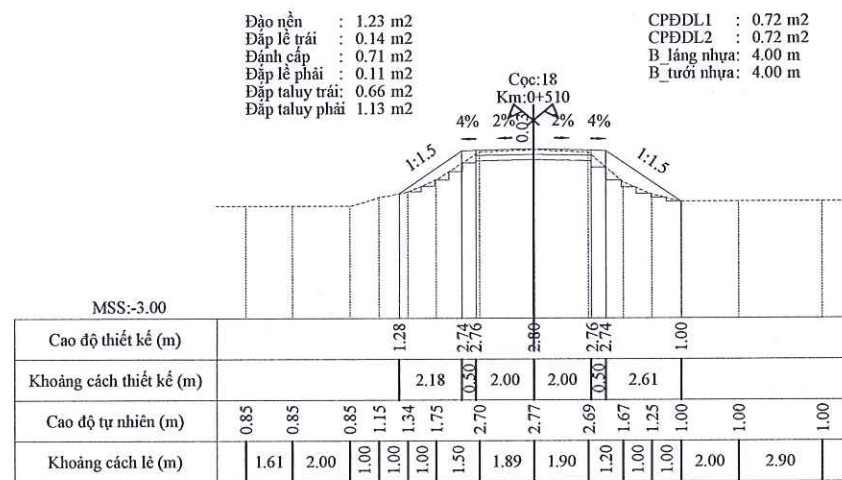
**MẶT CẮT CHI TIẾT
(ĐOẠN LẮNG NHỰA)**

Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: MCCT - 3/48
---------------------	------------------------

Tỷ lệ: 1/200	Ký hiệu bản vẽ:
--------------	-----------------

**CÔNG TY
TNHH XD
HOÀNG ĐẰNG
KHOA**

CHẤM ĐỌC



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1289/.....
Ngày 21 tháng 04 năm 2026.
Người phê duyệt ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Dương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCTT/KD-26
Ngày 16 tháng 04 năm 2026.
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh

HOÀNG ĐĂNG KHOA
Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoa@gmail.com

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÈNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK: Nguyễn Quốc Vương
Thiết kế: Hoàng Minh Thông
Kiểm tra: Nguyễn Quốc Vương

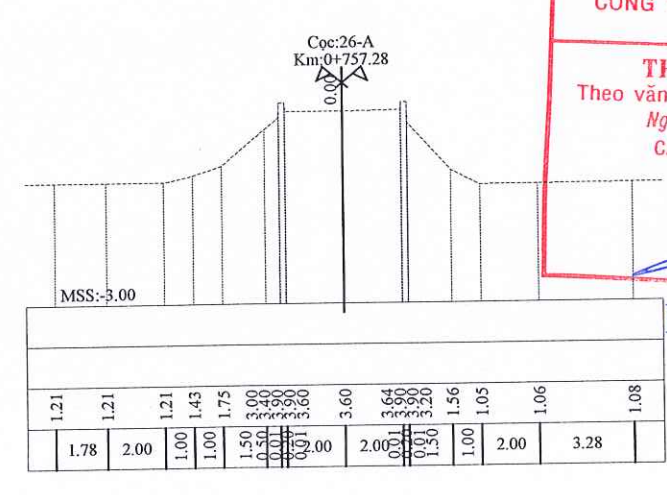
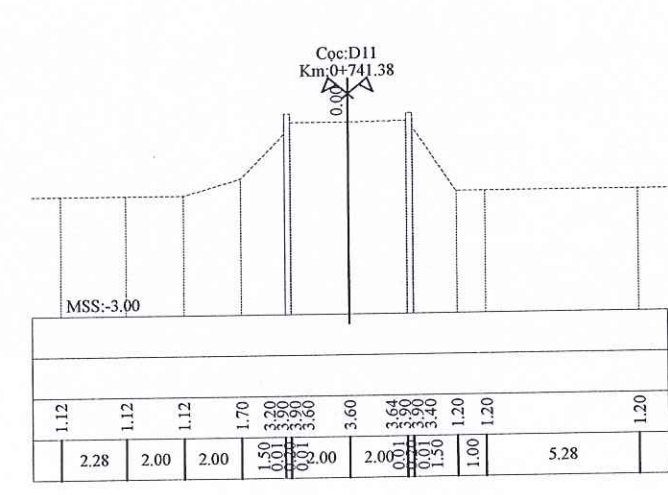
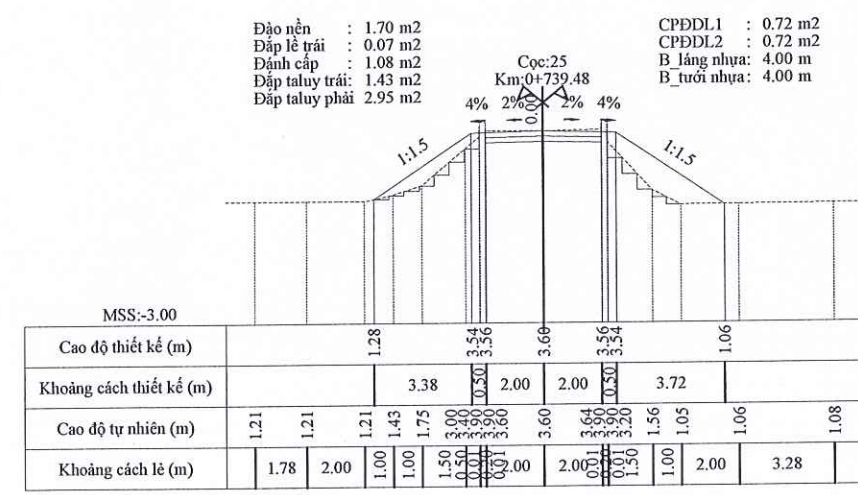
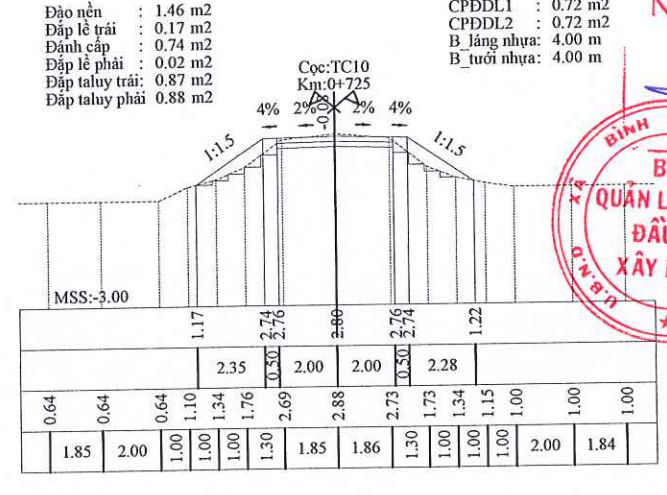
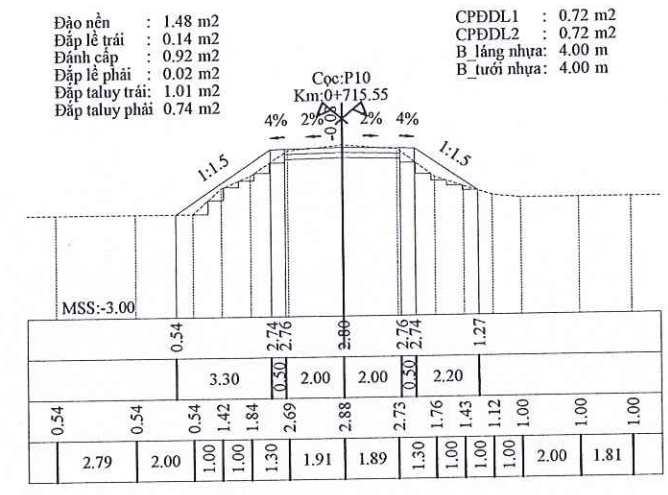
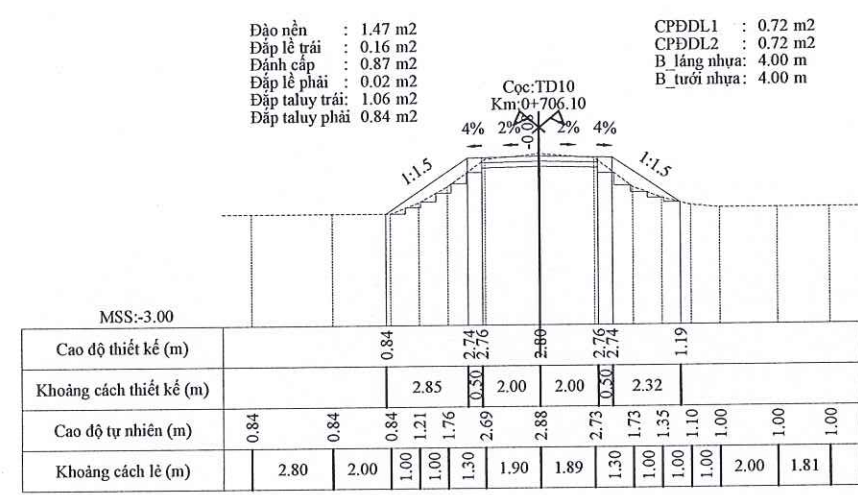
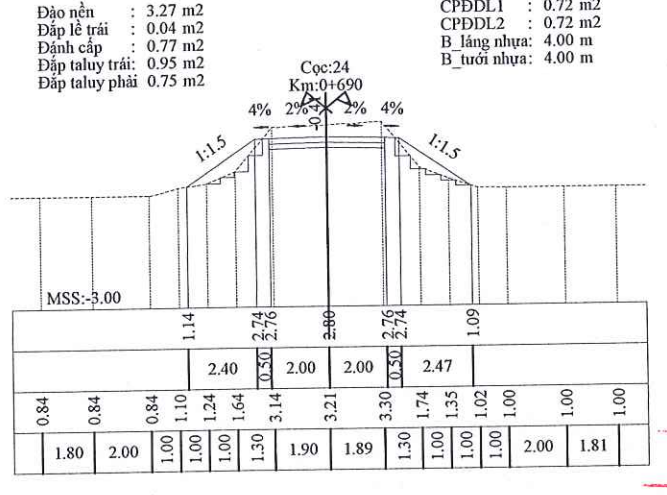
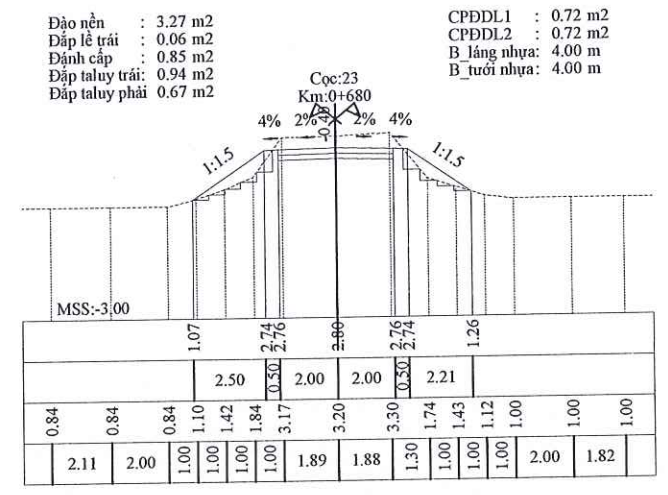
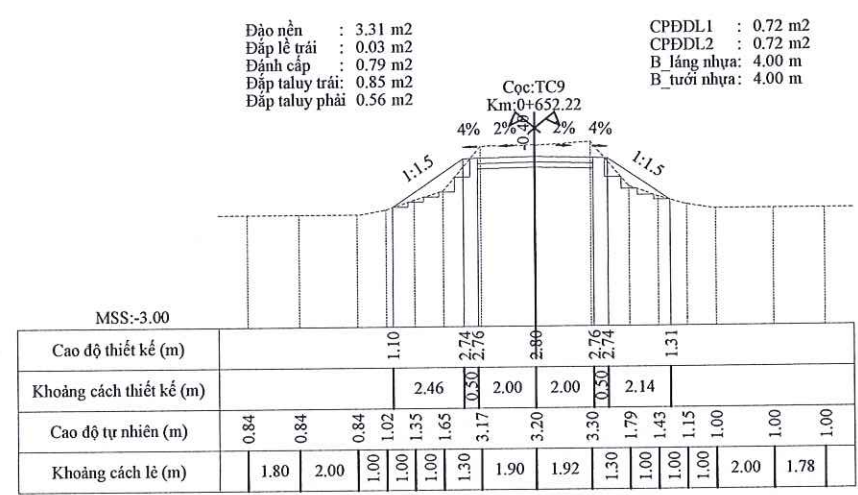
CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA
Đỗ Hoàng Anh

CHỦ ĐẦU TƯ

MẬT CẮT CHI TIẾT (ĐOẠN LÁNG NHỰA)

Hoàn thành: / /2026 Bản vẽ số: MCCT- 5/48

Tỷ lệ: 1/200 Ký hiệu bản vẽ:



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

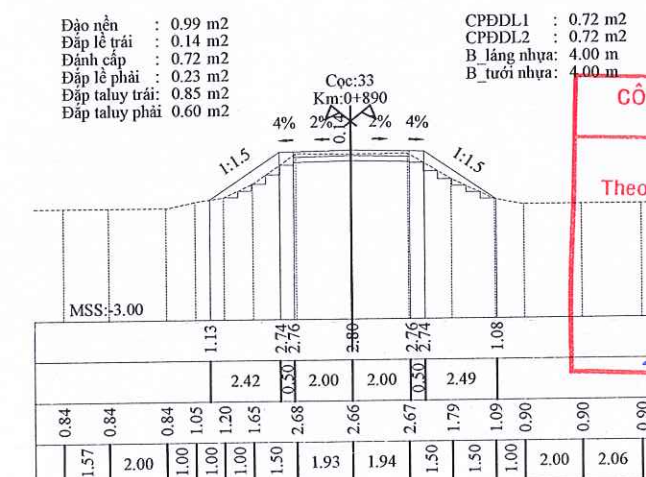
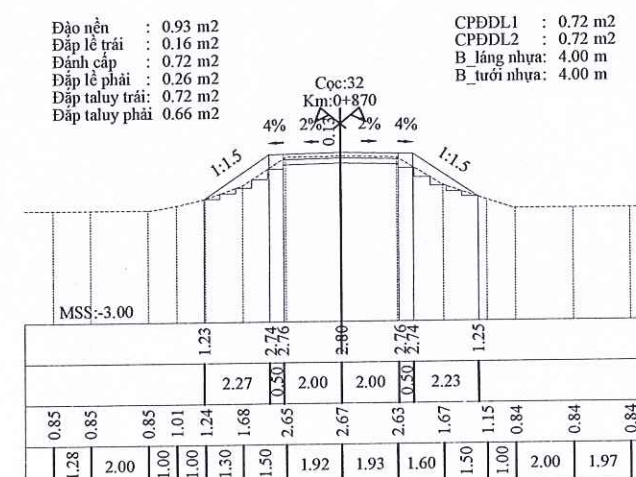
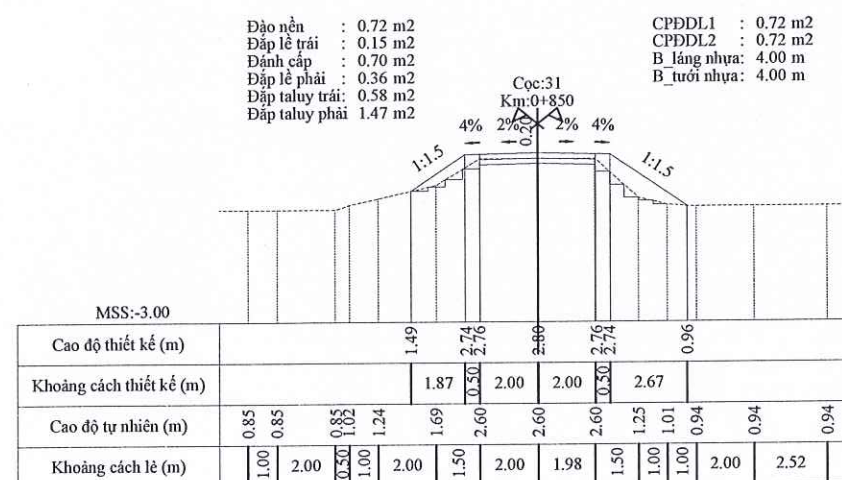
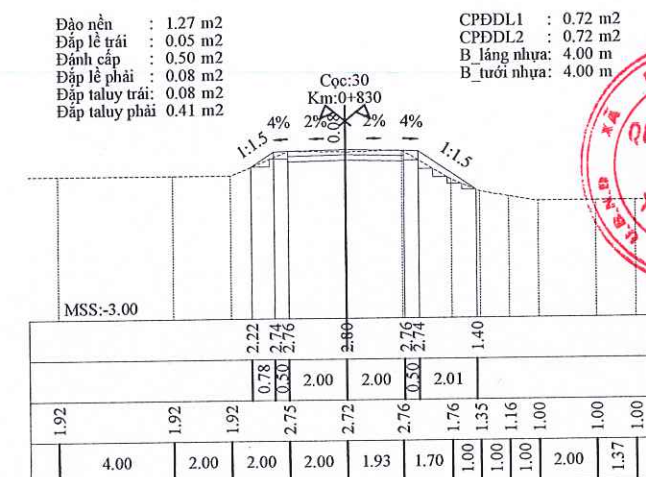
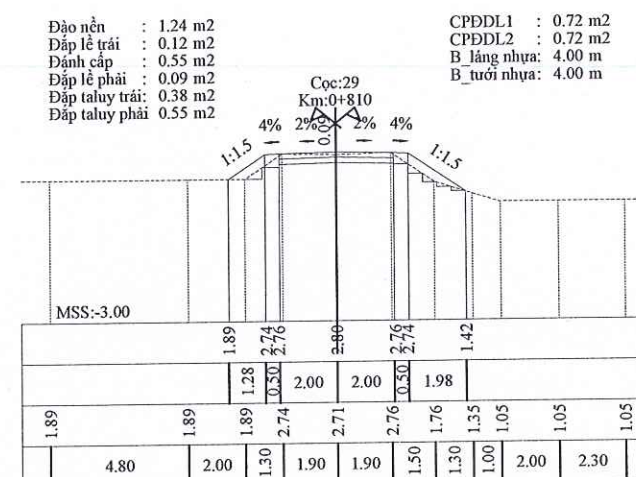
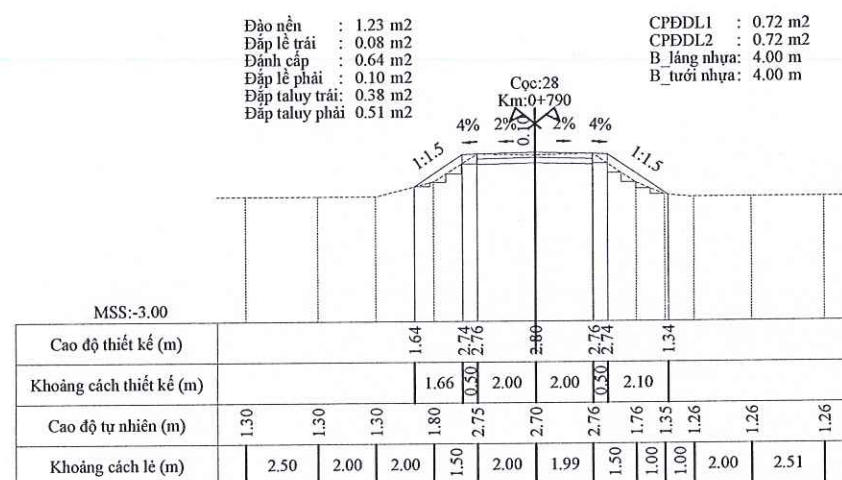
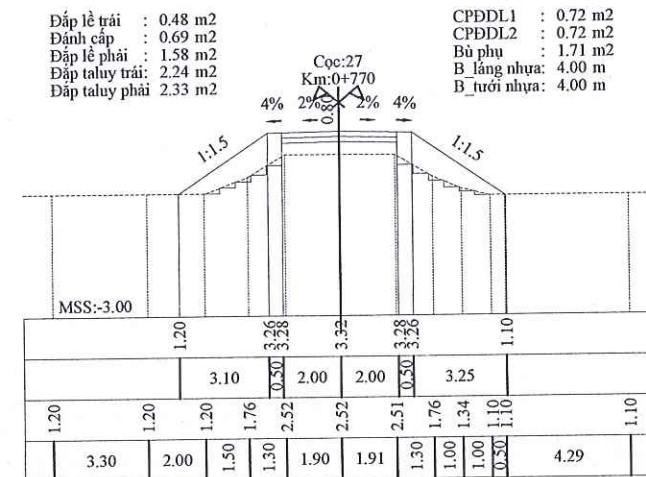
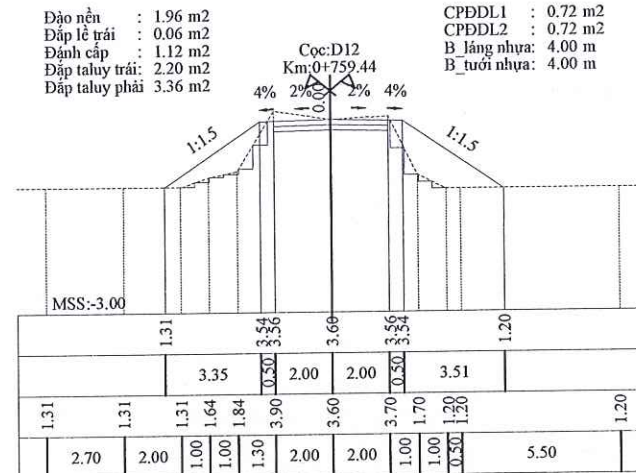
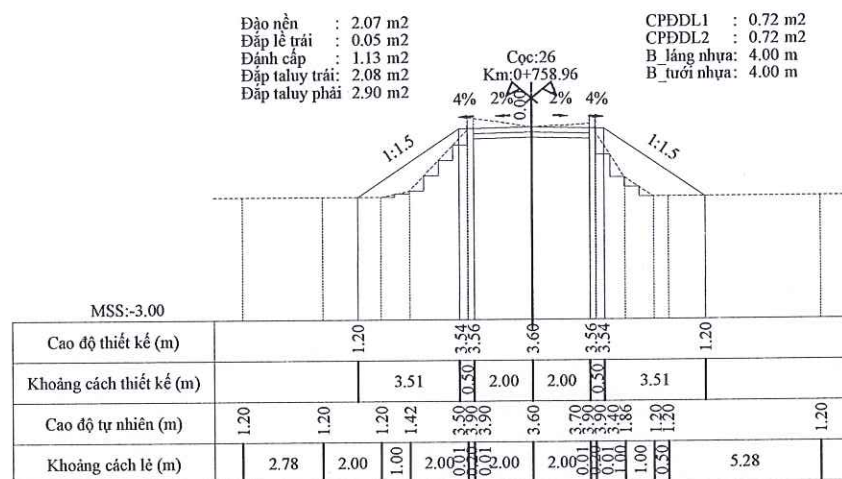
PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số: 1289/.....
Ngày 21. tháng 04. năm 2026.
Người phê duyệt ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
ĐƯƠNG VĂN VIỆT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 02/ĐCCT/KĐ 26
Ngày 16. tháng 04. năm 2026.
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA:

Nguyễn Lê Phúc Anh



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1289/.....
Ngày 21 tháng 04 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Dương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHẢI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCTT/KD.26
Ngày.....tháng.....năm 20.....
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh

Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.137.
Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK: Nguyễn Quốc Vương
Thiết kế: Hoàng Minh Thông
Kiểm tra: Nguyễn Quốc Vương

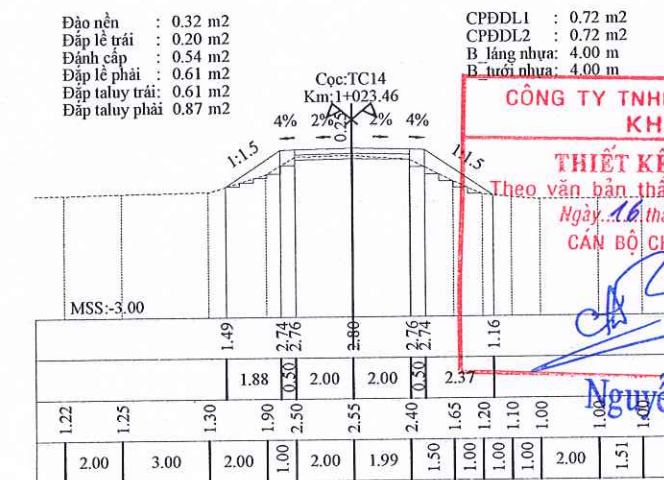
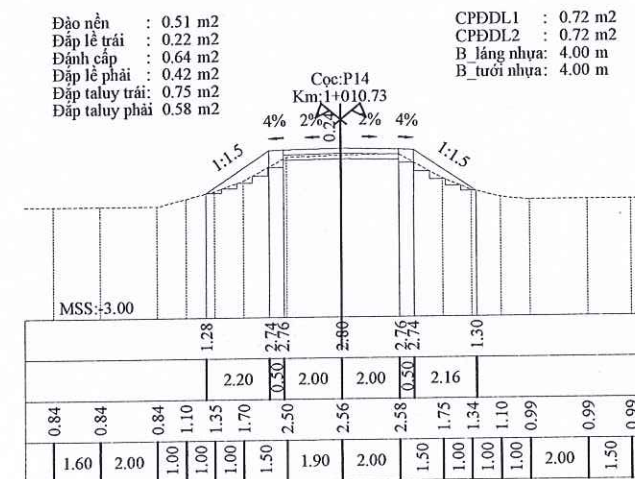
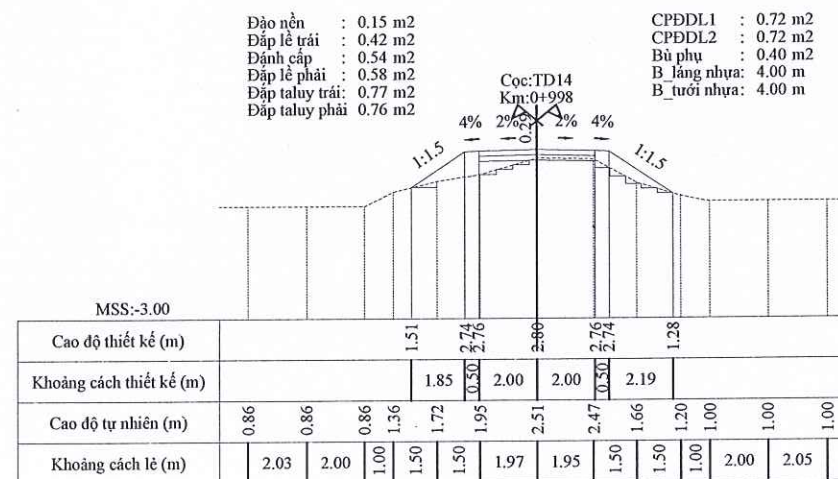
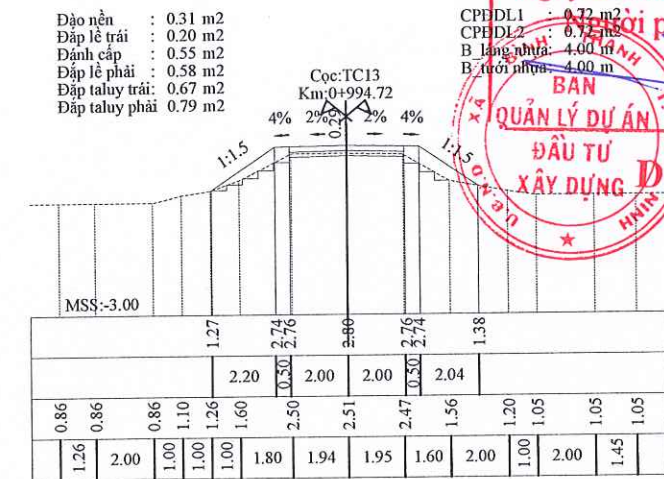
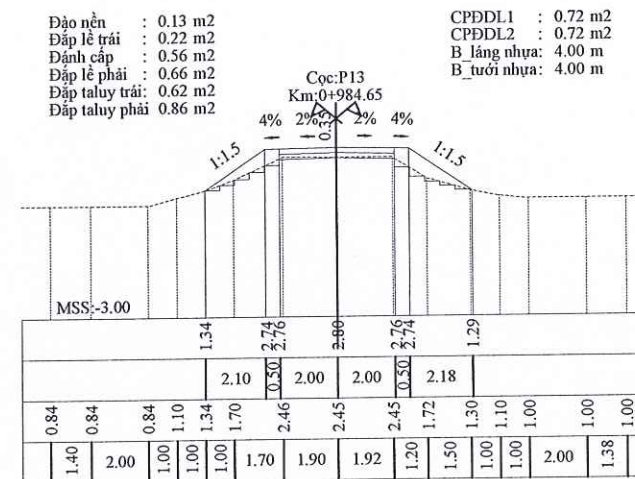
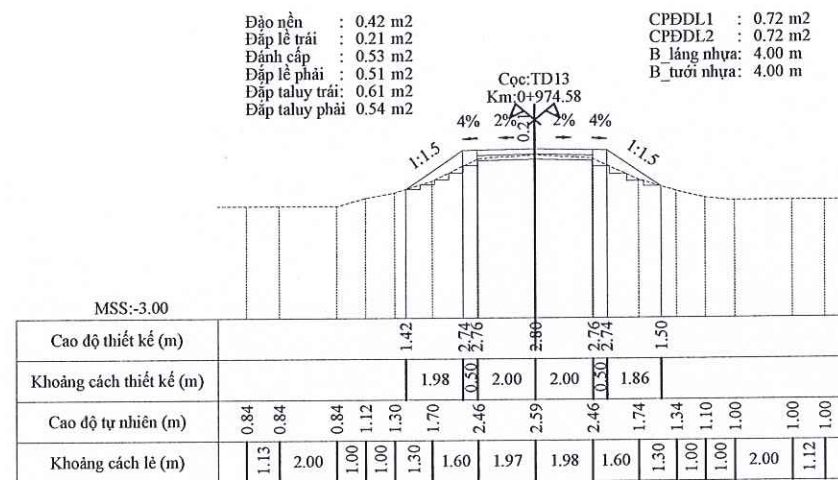
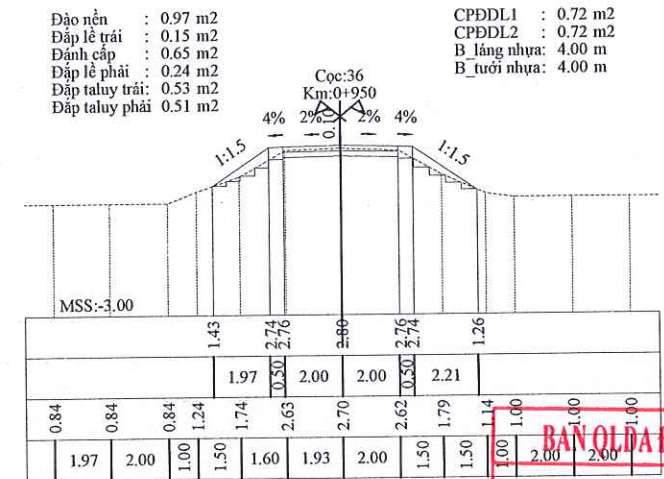
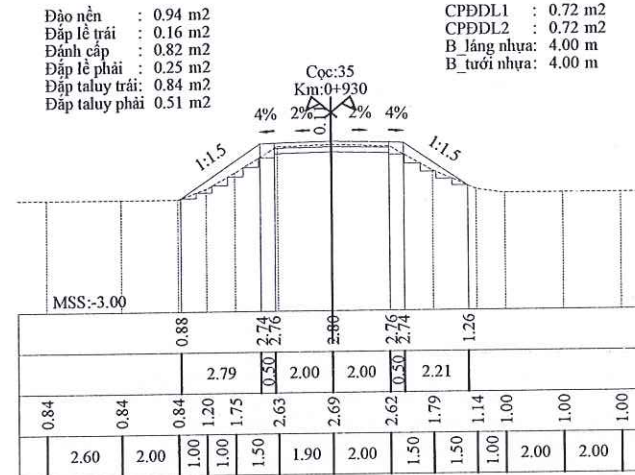
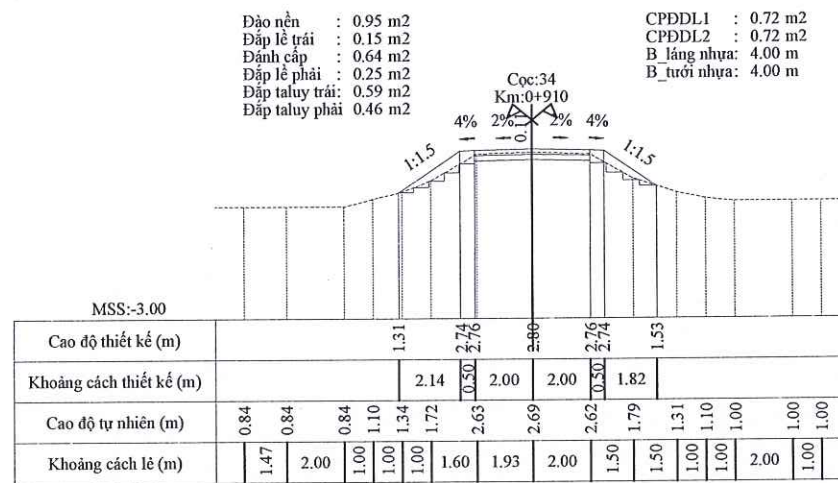
CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA
Đỗ Hoàng Anh

CHỦ ĐẦU TƯ

MẬT CẮT CHI TIẾT (ĐOẠN LÁNG NHỰA)

Hoàn thành: / /2026 Bản vẽ số: MCCT - 7/48

Tỷ lệ: 1/200 Ký hiệu bản vẽ:



BAN QLĐA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 12.891/.....

Ngày 2.1. tháng 04. năm 2026.

Người phê duyệt ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

ĐẦU TƯ

XÂY DỰNG

Dương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 07.18C/TT/04.16

Ngày 16. tháng 04. năm 2026.

CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.

ĐT: 0937.772.157.

Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GINT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙ)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK

Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế

Hoàng Minh Thông

Kiểm tra

Nguyễn Quốc Vương

CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA

CHỦ ĐẦU TƯ

Đỗ Hoàng Anh

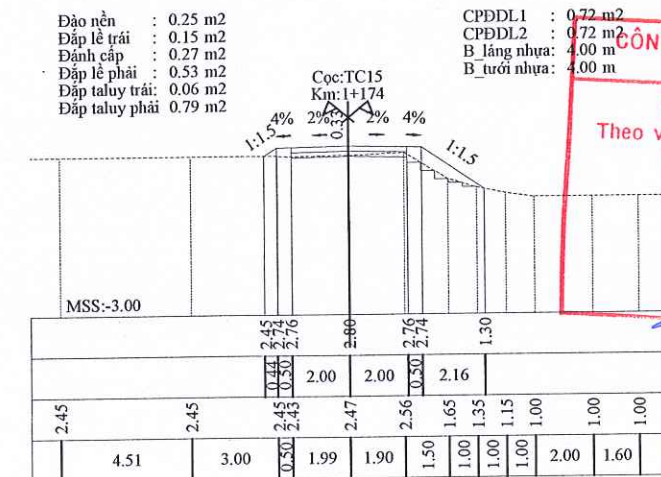
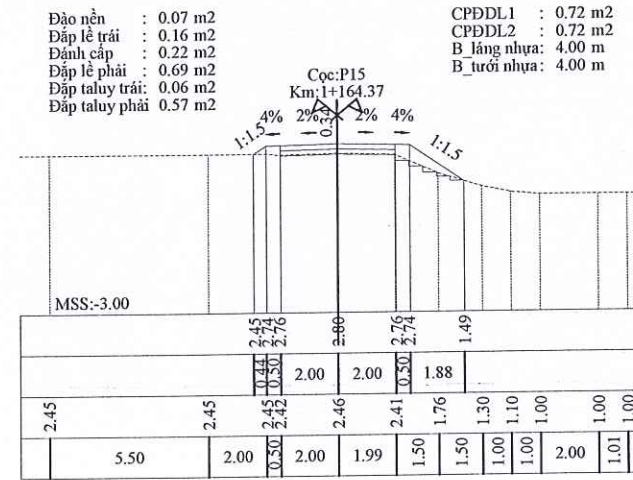
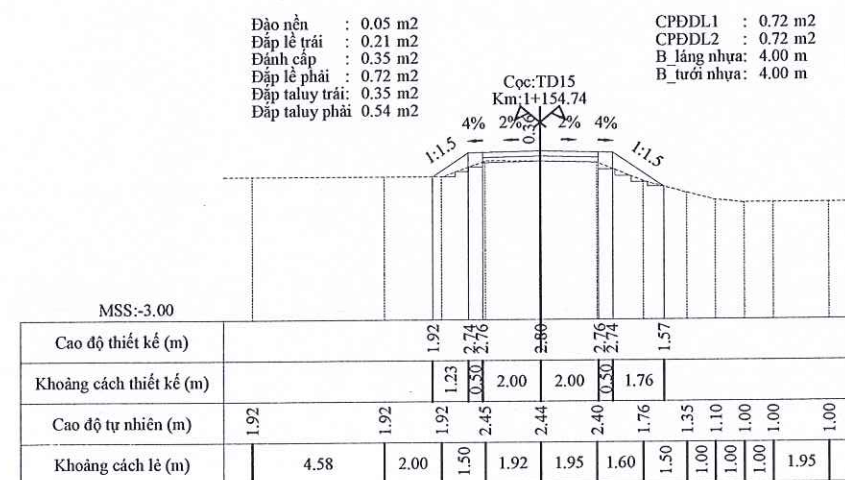
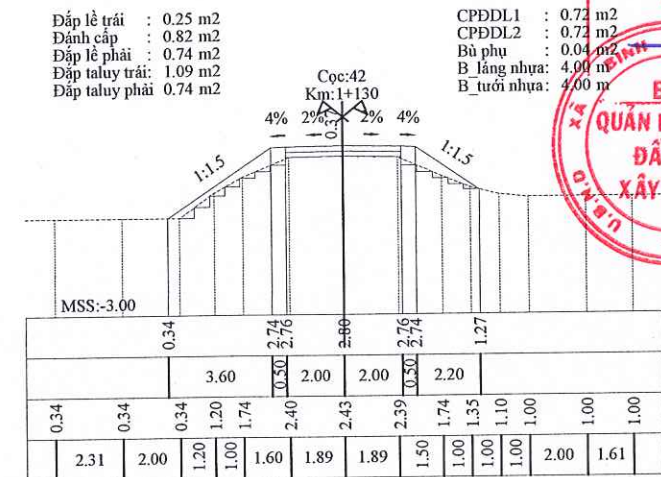
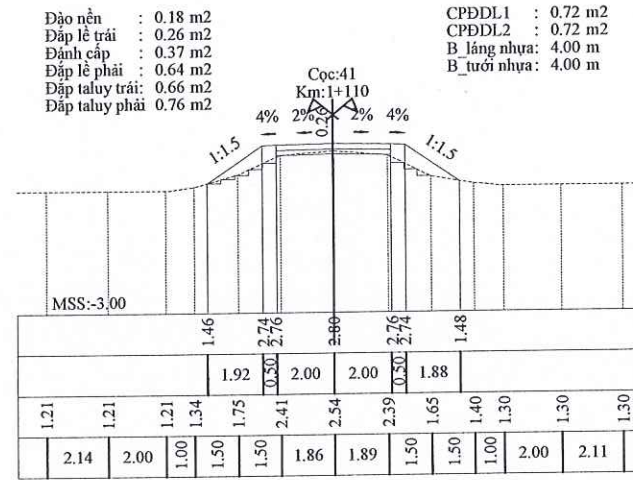
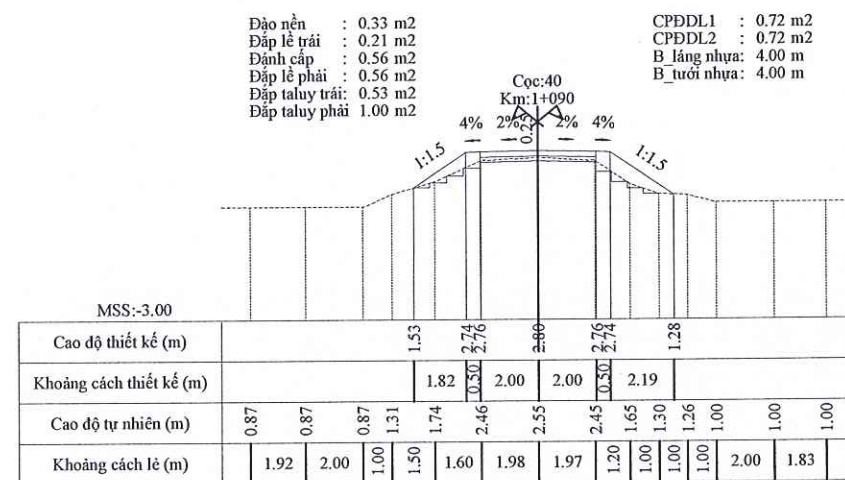
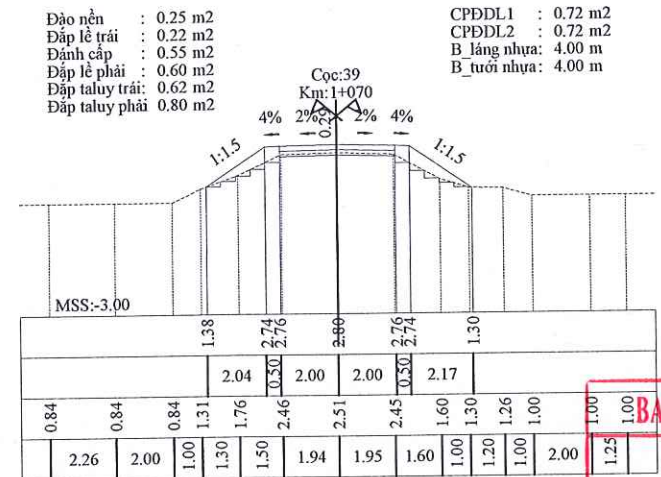
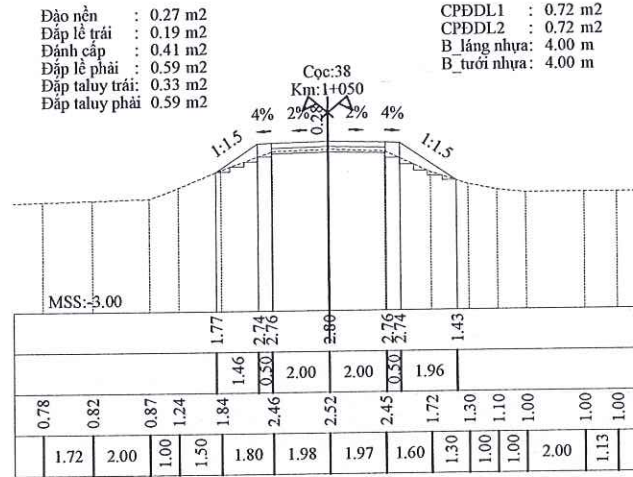
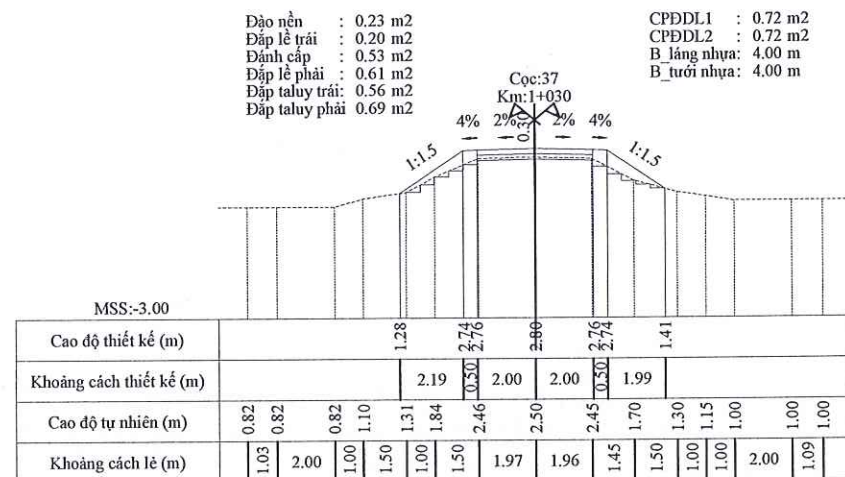
MẬT CẮT CHI TIẾT (ĐOẠN LÁNG NHỰA)

Hoàn thành: / /2026

Bản vẽ số: MCCT - 8/48

Tỷ lệ: 1/200

Ký hiệu bản vẽ:



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

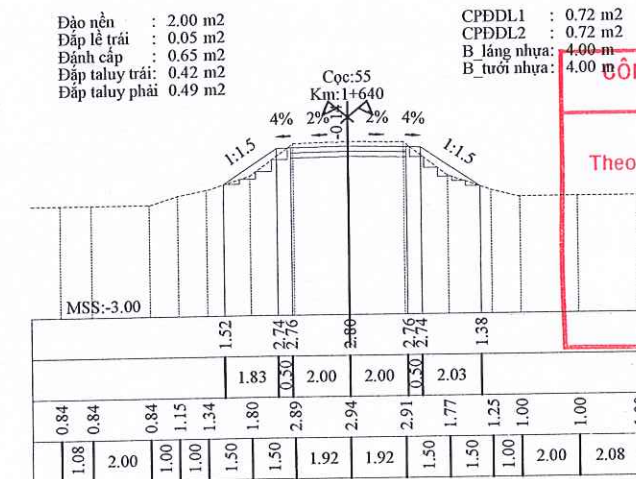
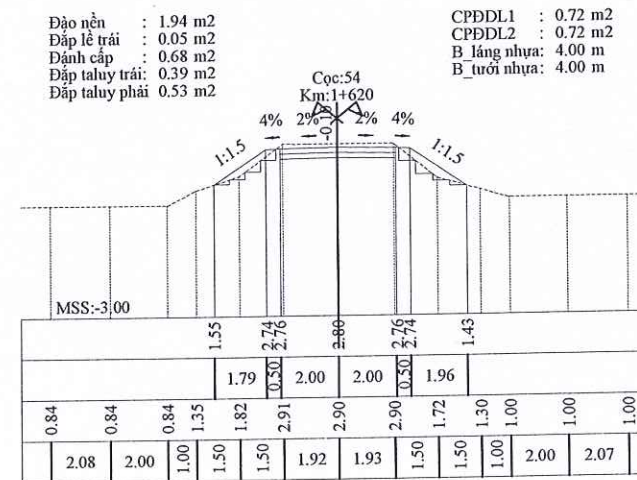
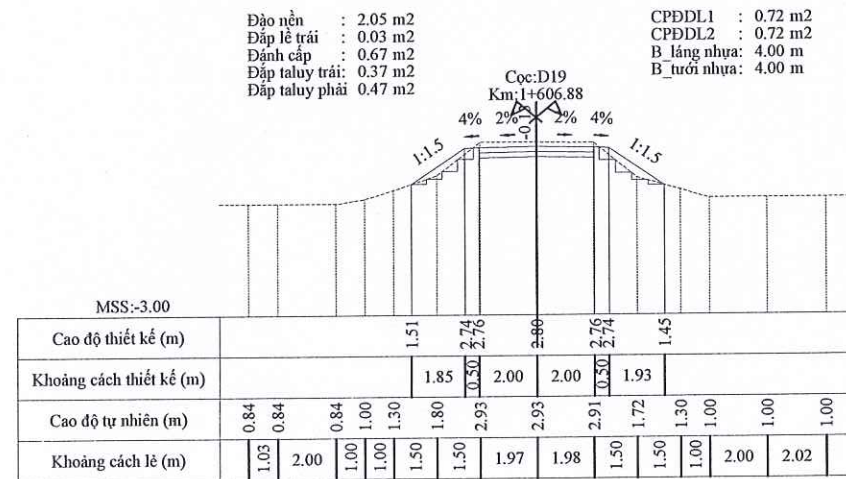
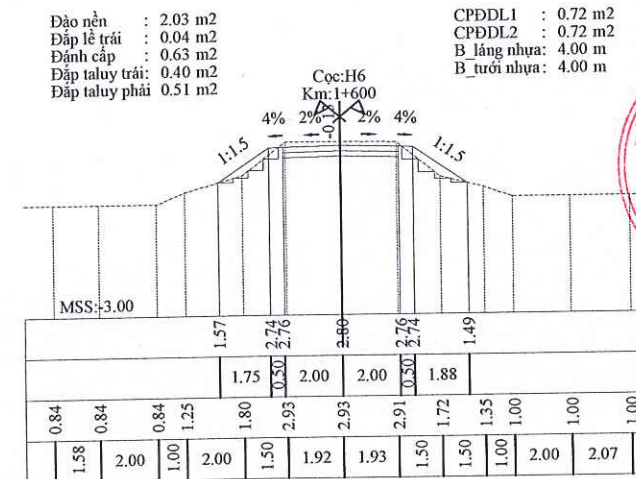
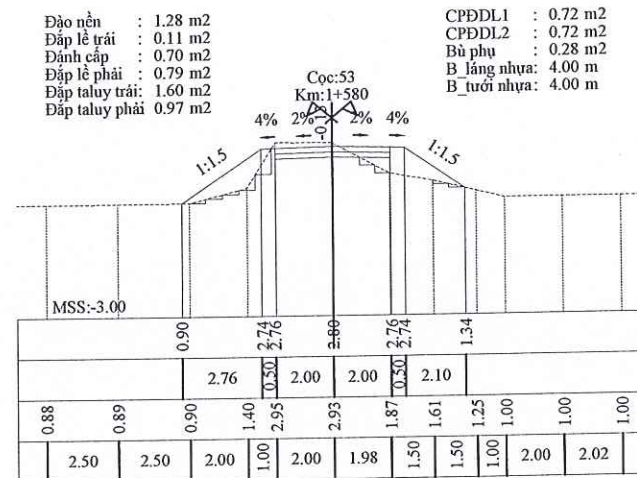
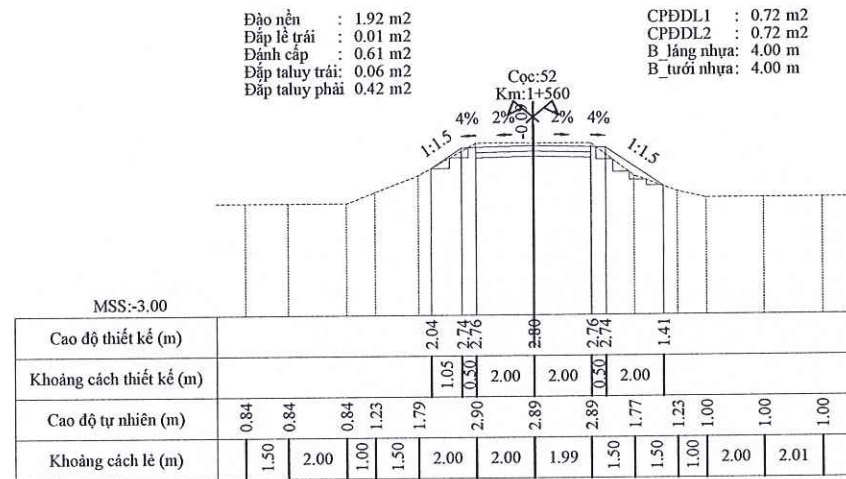
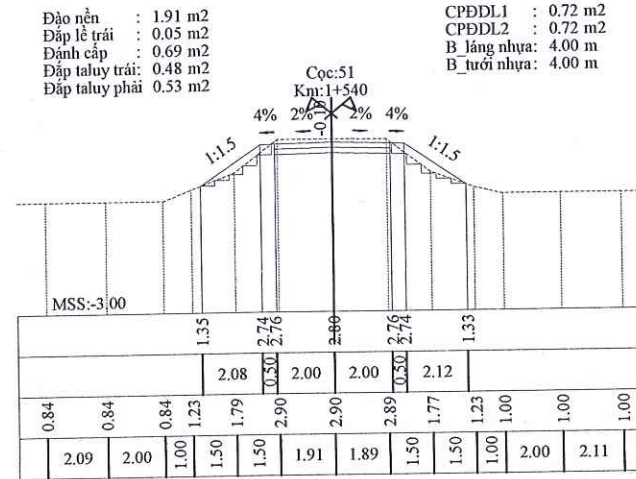
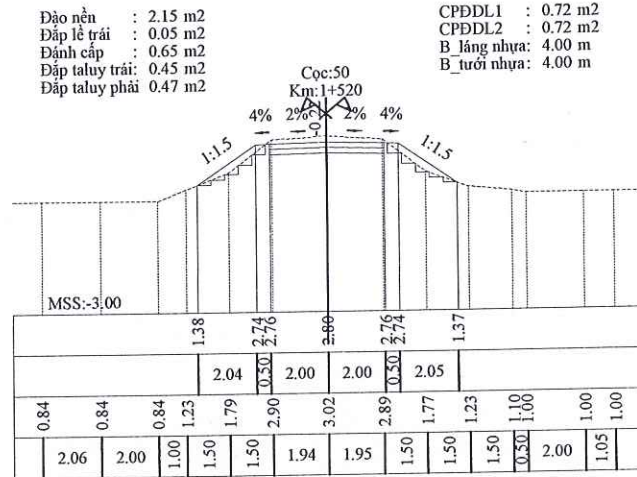
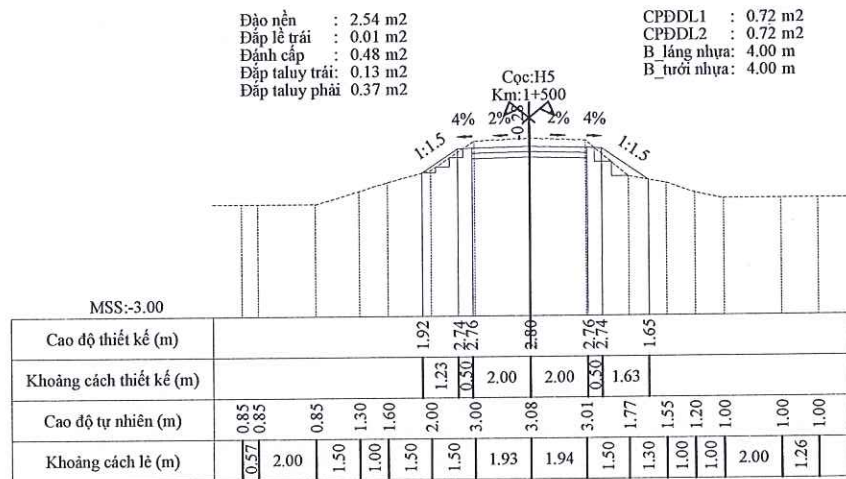
PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số: 189/.....
Ngày 2.1. tháng 04. năm 20.26
Người phê duyệt ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
ĐƯƠNG VĂN VIỆT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/BC TT/KD 26
Ngày 16. tháng 04. năm 20.26
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA:

NGUYỄN LÊ PHÚC ANH



BAN QLDA DTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số: 1089/.....
Ngày 11 tháng 04 năm 2016.
Người phê duyệt ký tên:



Dương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 071/CTT/KĐ 26
Ngày 10 tháng 04 năm 2016.
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh

Nguyễn Lê Phúc Anh



Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK: Nguyễn Quốc Vương
Thiết kế: Hoàng Minh Thông
Kiểm tra: Nguyễn Quốc Vương



CHỦ ĐẦU TƯ

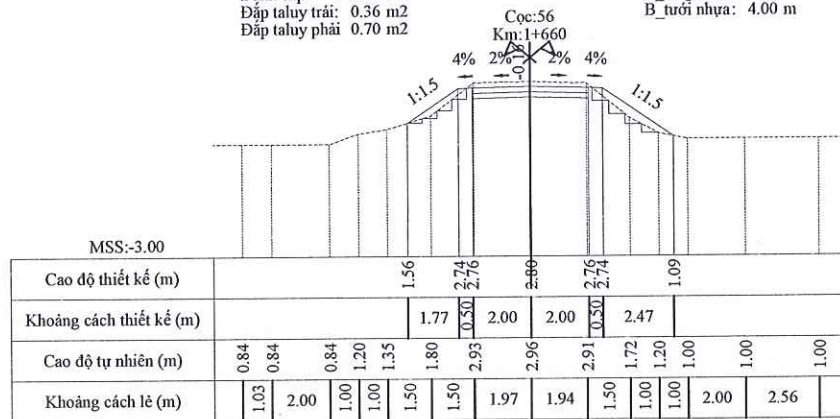
MẬT CẮT CHI TIẾT
(ĐOẠN LÁNG NHỰA)

Hoàn thành: / /2026 Bản vẽ số: MCCT - 12/48

Tỷ lệ: 1/200 Ký hiệu bản vẽ:

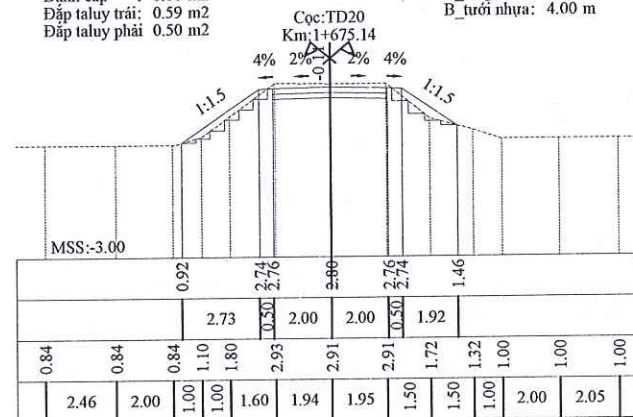
Đào nền : 2.10 m2
Đắp lề trái : 0.03 m2
Đắp taluy trái : 0.73 m2
Đắp taluy phải : 0.70 m2

CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa : 4.00 m
B tưới nhựa : 4.00 m



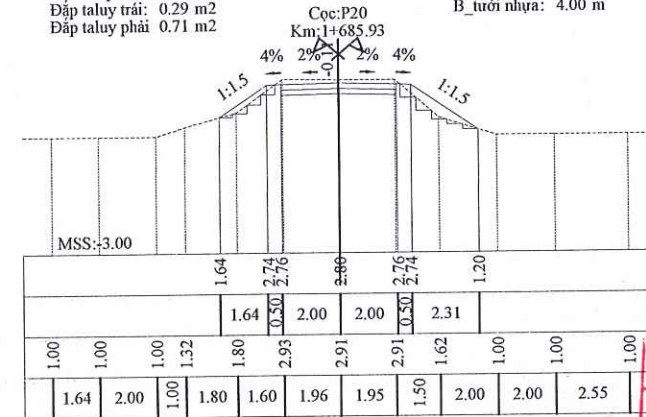
Đào nền : 2.00 m2
Đắp lề trái : 0.03 m2
Đắp taluy trái : 0.80 m2
Đắp taluy phải : 0.50 m2

CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa : 4.00 m
B tưới nhựa : 4.00 m



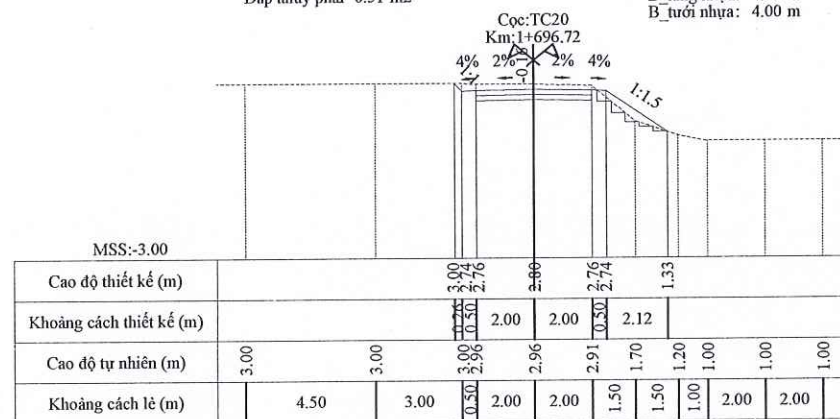
Đào nền : 2.00 m2
Đắp lề trái : 0.03 m2
Đắp taluy trái : 0.29 m2
Đắp taluy phải : 0.71 m2

CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa : 4.00 m
B tưới nhựa : 4.00 m



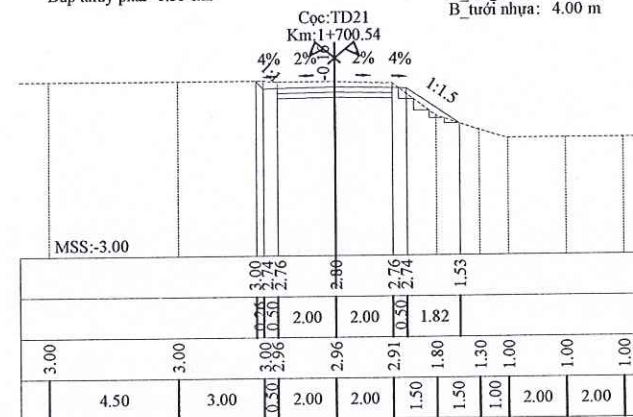
Đào nền : 2.27 m2
Đắp lề trái : 0.33 m2
Đắp taluy phải : 0.51 m2

CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa : 4.00 m
B tưới nhựa : 4.00 m



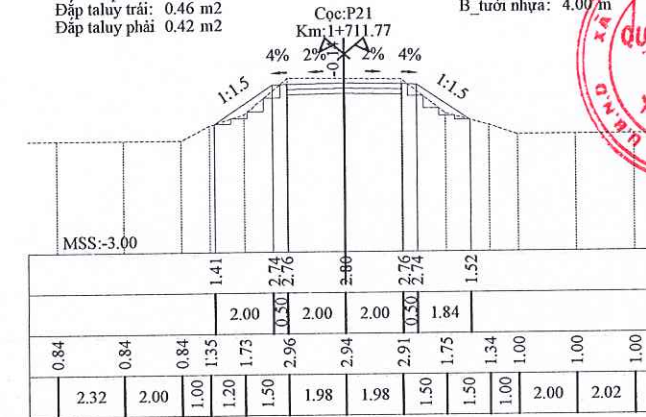
Đào nền : 2.27 m2
Đắp taluy phải : 0.35 m2

CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa : 4.00 m
B tưới nhựa : 4.00 m



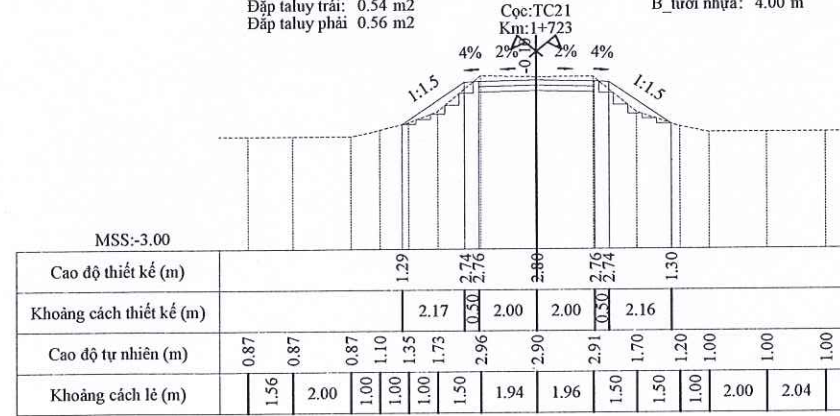
Đào nền : 2.10 m2
Đắp lề trái : 0.03 m2
Đắp taluy trái : 0.68 m2
Đắp taluy phải : 0.42 m2

CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa : 4.00 m
B tưới nhựa : 4.00 m



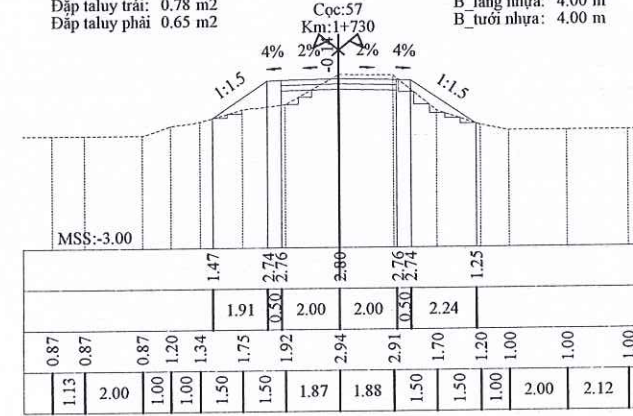
Đào nền : 2.01 m2
Đắp lề trái : 0.04 m2
Đắp taluy trái : 0.69 m2
Đắp taluy phải : 0.54 m2

CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa : 4.00 m
B tưới nhựa : 4.00 m



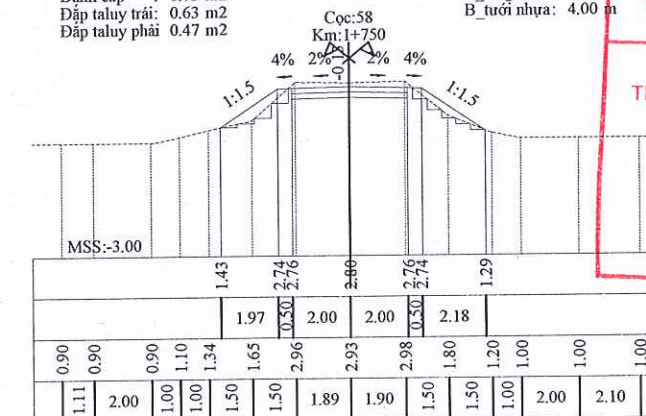
Đào nền : 1.24 m2
Đắp lề trái : 0.44 m2
Đắp taluy trái : 0.58 m2
Đắp taluy phải : 0.65 m2

CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
Bù phụ : 0.28 m2
B láng nhựa : 4.00 m
B tưới nhựa : 4.00 m



Đào nền : 2.13 m2
Đắp lề trái : 0.06 m2
Đắp taluy trái : 0.73 m2
Đắp taluy phải : 0.63 m2

CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa : 4.00 m
B tưới nhựa : 4.00 m



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1289/.....
Ngày 21. tháng 04. năm 2026.

Người phê duyệt ký tên:



Dương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHAI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCTT/KĐ.26
Ngày 16. tháng 04. năm 2026.
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh



Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dẫu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoa.com@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK: Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế: Hoàng Minh Thông

Kiểm tra: Nguyễn Quốc Vương



CHỦ ĐẦU TƯ

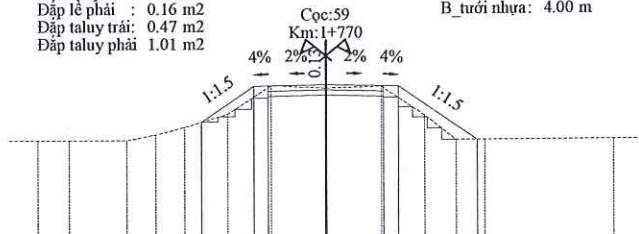
MẬT CẬT CHI TIẾT
(ĐOẠN LĂNG NHỰA)

Hoàn thành: / /2026 Bản vẽ số: MCCT - 13/48

Tỷ lệ: 1/200 Ký hiệu bản vẽ:

Đào nền : 1.15 m2
Đắp lê trái : 0.10 m2
Đắp lê phải : 0.78 m2
Đắp taluy trái : 0.16 m2
Đắp taluy phải : 1.01 m2

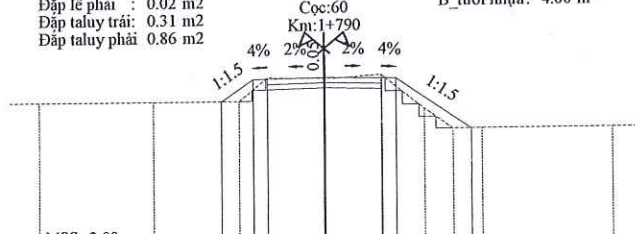
CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa: 4.00 m
B tưới nhựa: 4.00 m



Cao độ thiết kế (m)	1.53	2.74	2.74	2.74	0.90
Khoảng cách thiết kế (m)	1.82	2.00	2.00	2.76	
Cao độ tự nhiên (m)	0.90	0.90	0.90	1.10	1.35
Khoảng cách lê (m)	1.09	2.00	1.00	1.00	1.50

Đào nền : 1.50 m2
Đắp lê trái : 0.08 m2
Đắp lê phải : 0.69 m2
Đắp taluy trái : 0.31 m2
Đắp taluy phải : 0.86 m2

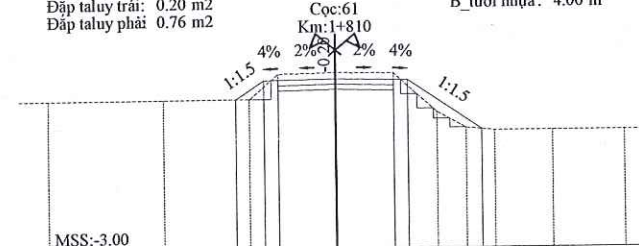
CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa: 4.00 m
B tưới nhựa: 4.00 m



Cao độ thiết kế (m)	2.00	2.74	2.74	2.74	1.00
Khoảng cách thiết kế (m)	2.00	2.00	2.00	2.61	
Cao độ tự nhiên (m)	2.00	2.00	2.00	2.75	2.87
Khoảng cách lê (m)	4.00	3.00	1.00	2.00	1.98

Đào nền : 2.31 m2
Đắp lê trái : 0.03 m2
Đắp lê phải : 0.70 m2
Đắp taluy trái : 0.20 m2
Đắp taluy phải : 0.76 m2

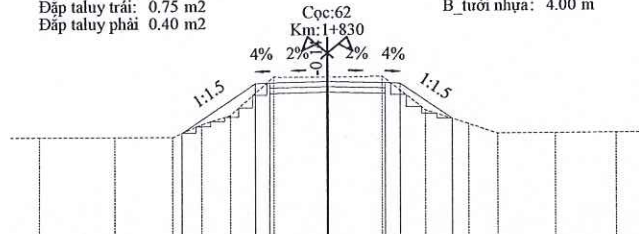
CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa: 4.00 m
B tưới nhựa: 4.00 m



Cao độ thiết kế (m)	2.10	2.74	2.74	2.74	1.05
Khoảng cách thiết kế (m)	2.10	2.00	2.00	2.54	
Cao độ tự nhiên (m)	2.10	2.10	2.10	2.98	1.65
Khoảng cách lê (m)	4.00	3.00	1.00	2.00	2.50

Đào nền : 2.15 m2
Đắp lê trái : 0.07 m2
Đắp lê phải : 0.73 m2
Đắp taluy trái : 0.75 m2
Đắp taluy phải : 0.40 m2

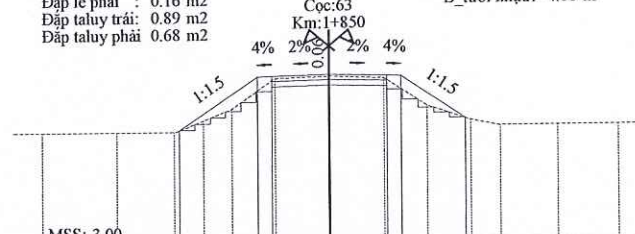
CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa: 4.00 m
B tưới nhựa: 4.00 m



Cao độ thiết kế (m)	1.04	2.74	2.74	2.74	1.52
Khoảng cách thiết kế (m)	2.55	2.00	2.00	1.83	
Cao độ tự nhiên (m)	0.90	0.90	0.90	1.34	1.65
Khoảng cách lê (m)	2.63	2.00	1.00	1.00	1.50

Đào nền : 1.14 m2
Đắp lê trái : 0.16 m2
Đắp lê phải : 0.79 m2
Đắp taluy trái : 0.16 m2
Đắp taluy phải : 0.89 m2

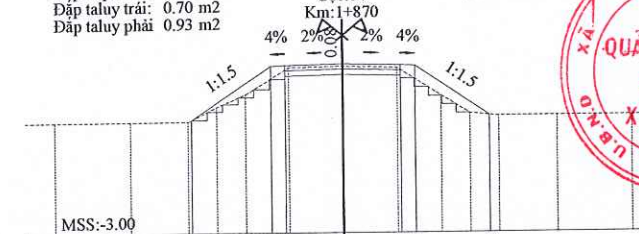
CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa: 4.00 m
B tưới nhựa: 4.00 m



Cao độ thiết kế (m)	0.93	2.74	2.74	2.74	1.26
Khoảng cách thiết kế (m)	2.72	2.00	2.00	2.22	
Cao độ tự nhiên (m)	0.86	0.86	0.86	1.25	1.65
Khoảng cách lê (m)	2.61	2.00	1.00	1.00	1.50

Đào nền : 1.10 m2
Đắp lê trái : 0.15 m2
Đắp lê phải : 0.82 m2
Đắp taluy trái : 0.18 m2
Đắp taluy phải : 0.93 m2

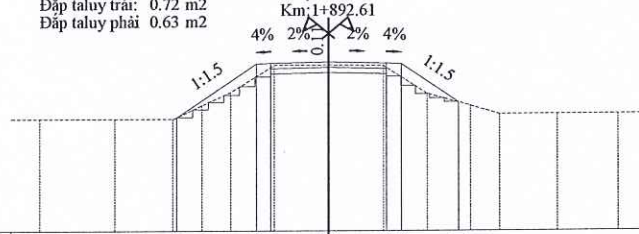
CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa: 4.00 m
B tưới nhựa: 4.00 m



Cao độ thiết kế (m)	0.90	2.74	2.74	2.74	1.03
Khoảng cách thiết kế (m)	2.76	2.00	2.00	2.56	
Cao độ tự nhiên (m)	0.84	0.84	0.84	1.34	1.76
Khoảng cách lê (m)	2.62	2.00	1.00	1.00	1.50

Đào nền : 1.04 m2
Đắp lê trái : 0.15 m2
Đắp lê phải : 0.75 m2
Đắp taluy trái : 0.20 m2
Đắp taluy phải : 0.63 m2

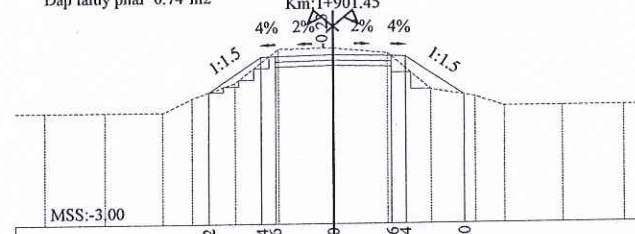
CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa: 4.00 m
B tưới nhựa: 4.00 m



Cao độ thiết kế (m)	0.90	2.74	2.74	2.74	1.41
Khoảng cách thiết kế (m)	2.75	2.00	2.00	1.99	
Cao độ tự nhiên (m)	0.84	0.84	0.84	1.31	1.76
Khoảng cách lê (m)	2.61	2.00	1.00	1.00	1.50

Đào nền : 2.23 m2
Đắp lê trái : 0.03 m2
Đắp lê phải : 0.71 m2
Đắp taluy trái : 0.35 m2
Đắp taluy phải : 0.74 m2

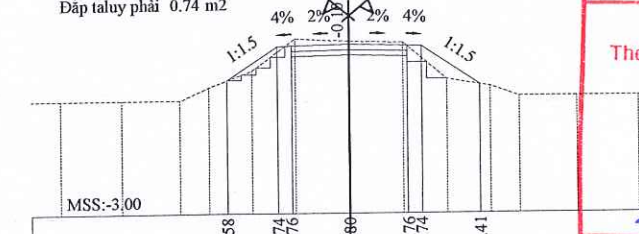
CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa: 4.00 m
B tưới nhựa: 4.00 m



Cao độ thiết kế (m)	1.52	2.74	2.74	2.74	1.40
Khoảng cách thiết kế (m)	1.83	2.00	2.00	2.01	
Cao độ tự nhiên (m)	0.84	0.84	0.84	1.32	1.85
Khoảng cách lê (m)	2.10	2.00	1.00	1.00	1.50

Đào nền : 1.99 m2
Đắp lê trái : 0.03 m2
Đắp lê phải : 0.68 m2
Đắp taluy trái : 0.31 m2
Đắp taluy phải : 0.74 m2

CPĐDL1 : 0.72 m2
CPĐDL2 : 0.72 m2
B láng nhựa: 4.00 m
B tưới nhựa: 4.00 m



Cao độ thiết kế (m)	1.58	2.74	2.74	2.74	1.41
Khoảng cách thiết kế (m)	1.74	2.00	2.00	1.99	
Cao độ tự nhiên (m)	0.89	0.89	0.89	1.34	1.90
Khoảng cách lê (m)	2.12	2.00	1.00	1.00	1.50

BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số: 1289/.....
Ngày 21 tháng 04 năm 2026.

Người phê duyệt ký tên:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
ĐƯƠNG VĂN VIỆT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 071/BCT/KD.26
Ngày 16 tháng 04 năm 2026.
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh


Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdanghoacompany@gmail.com.

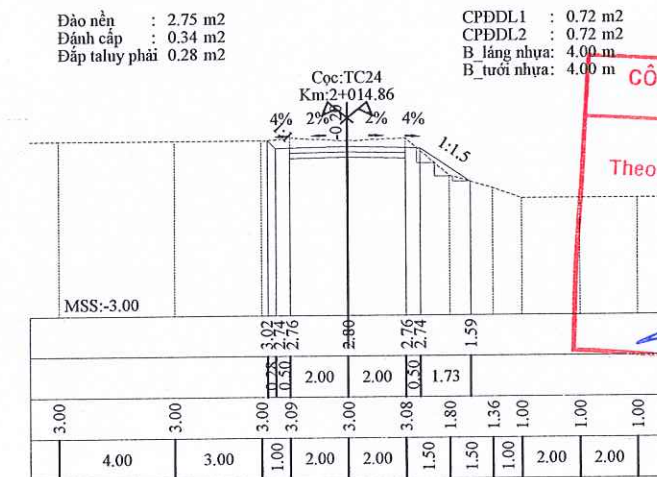
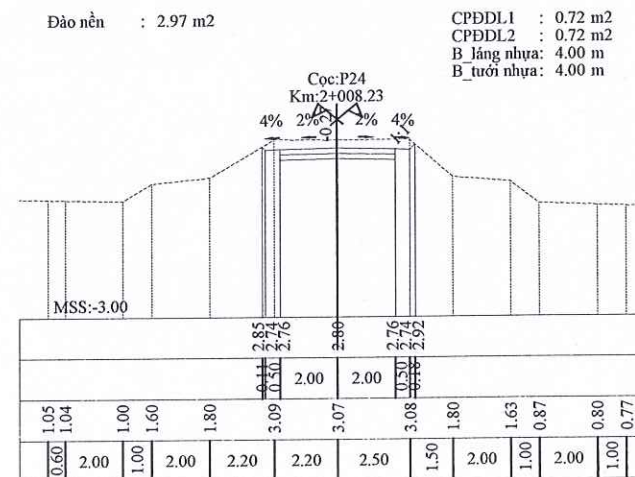
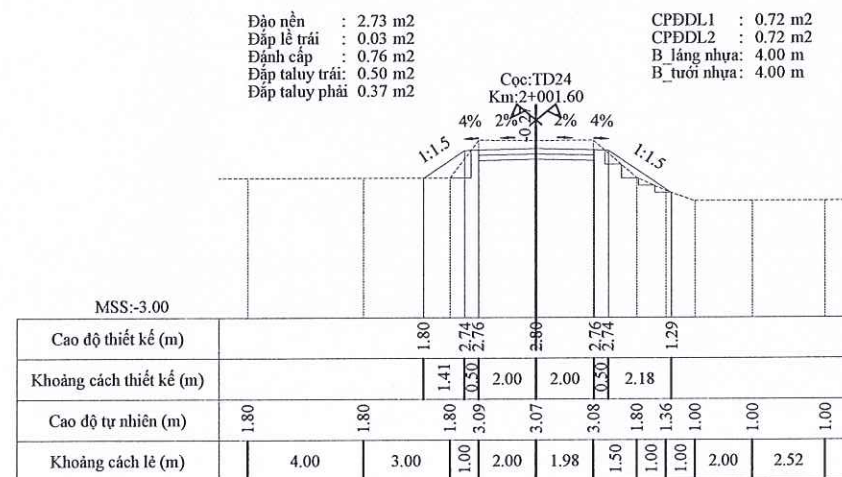
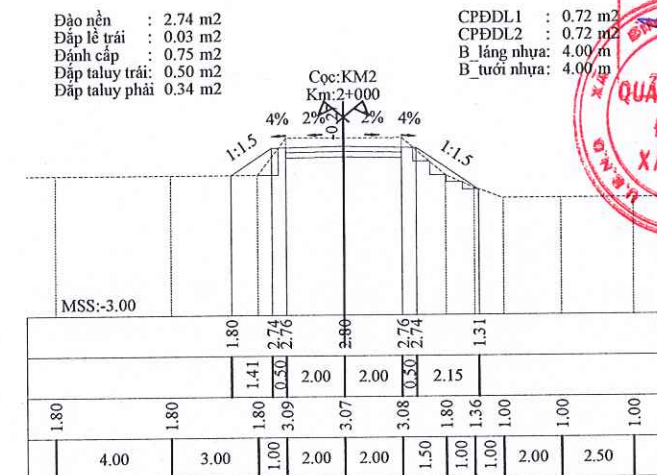
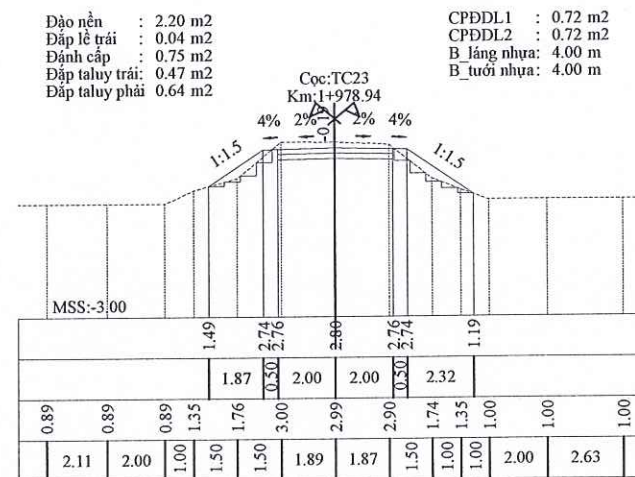
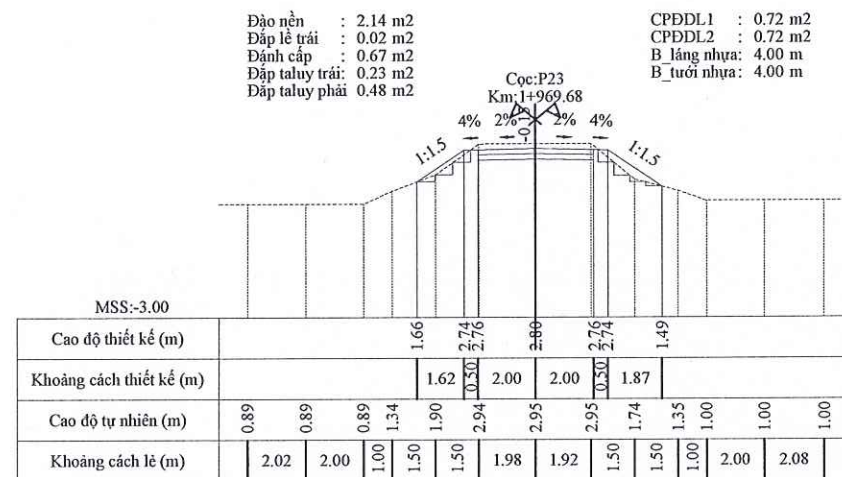
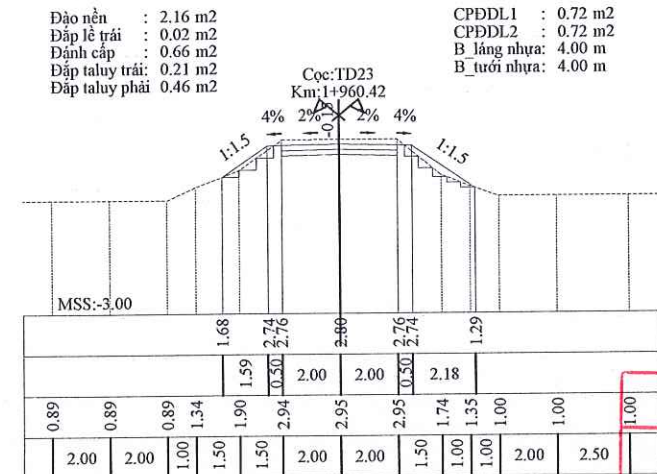
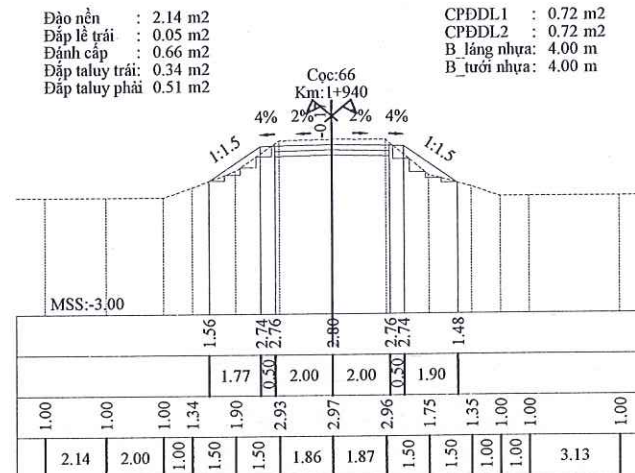
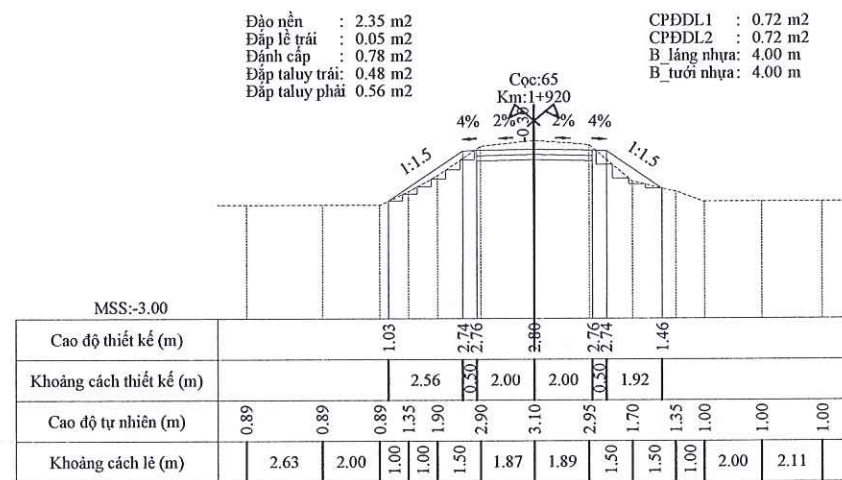
BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÈNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)
Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK: Nguyễn Quốc Vương
Thiết kế: Hoàng Minh Thông
Kiểm tra: Nguyễn Quốc Vương

CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA
ĐỒ HOÀNG ANH

CHỦ ĐẦU TƯ

MẬT CẮT CHI TIẾT (ĐOẠN LÁNG NHỰA)
Hoàn thành: / /2026 Bản vẽ số: MCCT - 14/48
Tỷ lệ: 1/200 Ký hiệu bản vẽ:



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1189.....
Ngày 21... tháng 04... năm 2016.
Người phê duyệt ký tên:



Đương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

THIẾT KẾ BẢ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCTT/KĐ.26
Ngày 16 tháng 04 năm 2016.
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh



Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoa.com@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÈNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK

Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế

Hoàng Minh Thông

Kiểm tra

Nguyễn Quốc Vương

GIÁM ĐỐC

CHỦ ĐẦU TƯ

MẬT CẮT CHI TIẾT
(ĐOẠN LÁNG NHỰA)

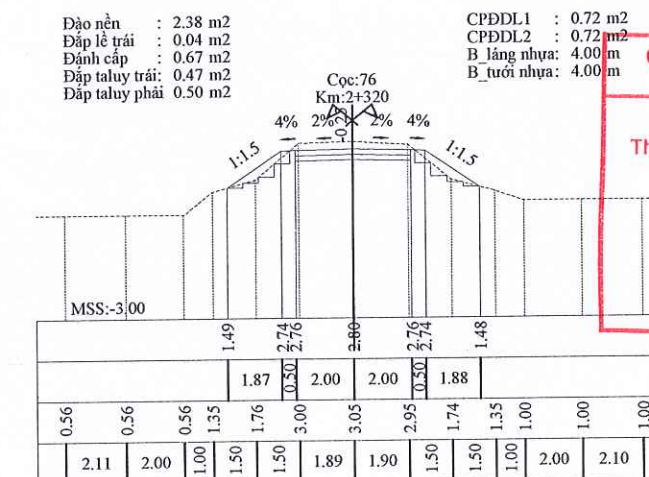
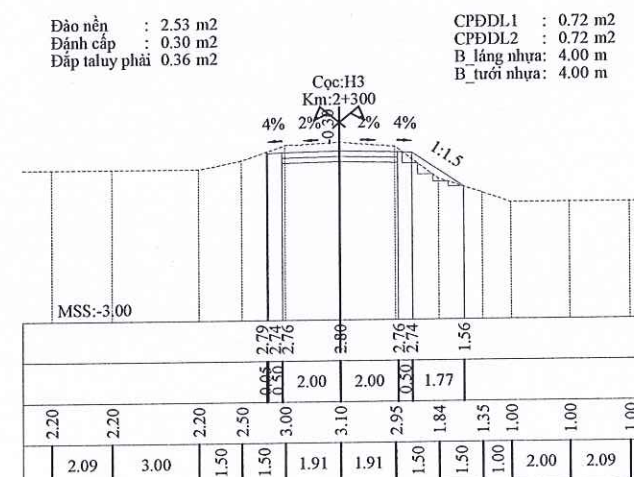
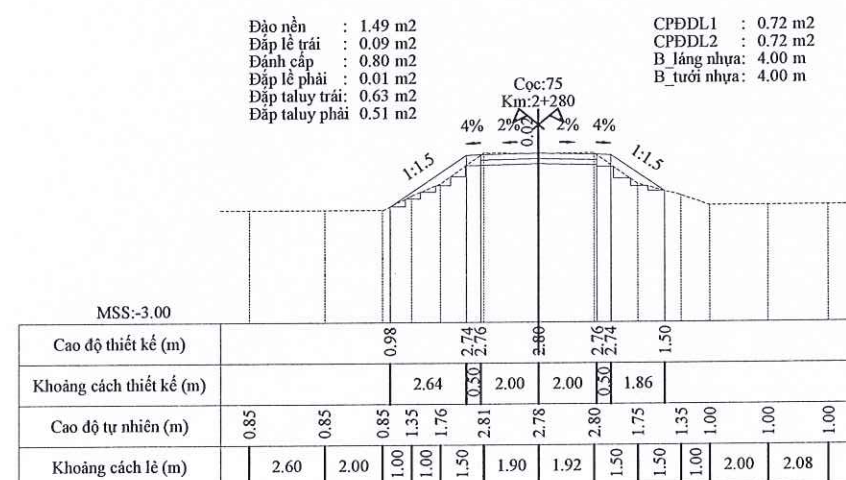
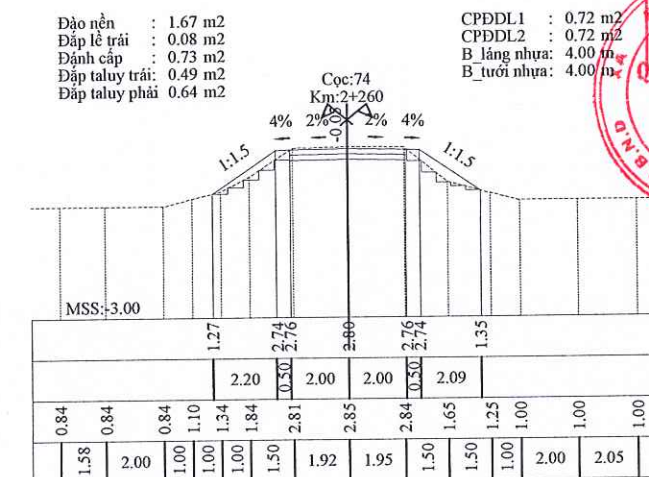
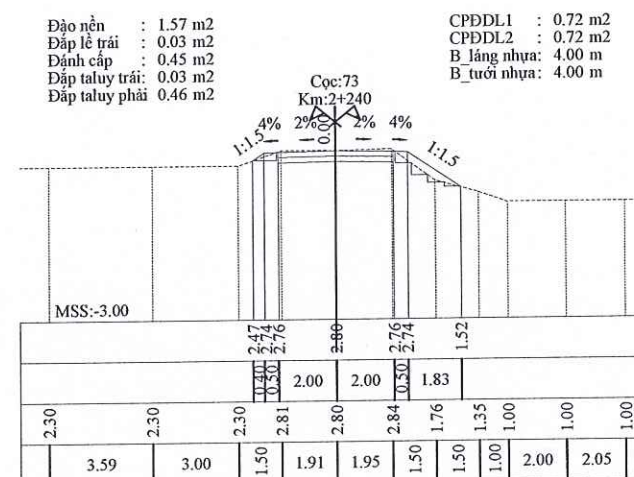
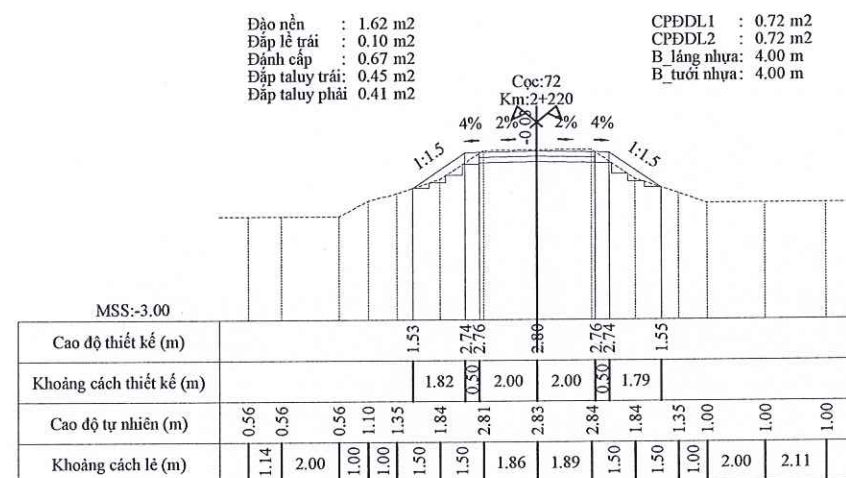
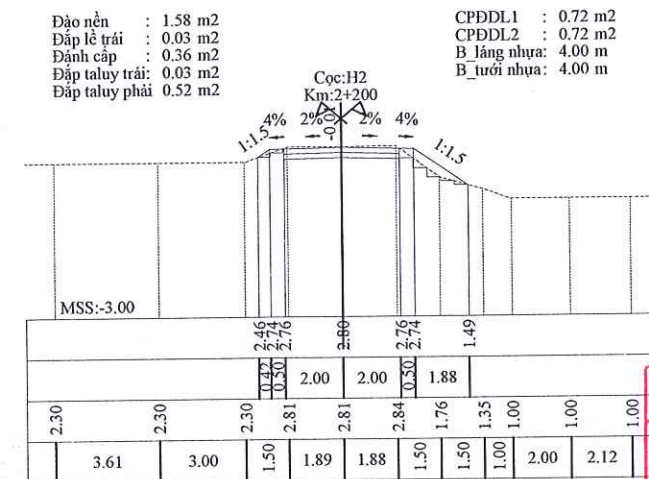
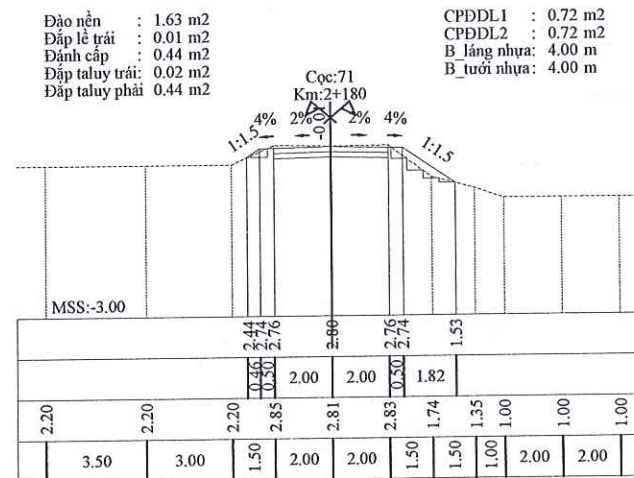
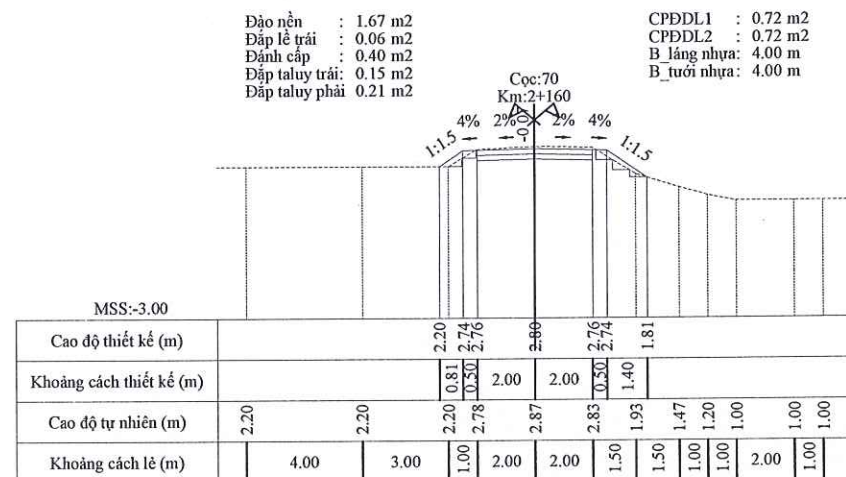
Hoàn thành: / /2026 Bản vẽ số: MCCT - 15/48

Tỷ lệ: 1/200 Ký hiệu bản vẽ:

CÔNG TY
TNHH XD
HOÀNG ĐĂNG
KHOA

Đỗ Hoàng Anh

Tỷ lệ: 1/200	Ký hiệu bản vẽ:
--------------	-----------------



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1284/.....
Ngày 21... tháng 04... năm 2026.

Người phê duyệt ký tên:

 Dương Văn Việt

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHẢI ĐĂNG**

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/SC TT/KS 26
Ngày 16 tháng 04 năm 2016
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh



Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK

Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế

Hoàng Minh Thông

Kiểm tra

Nguyễn Quốc Vương

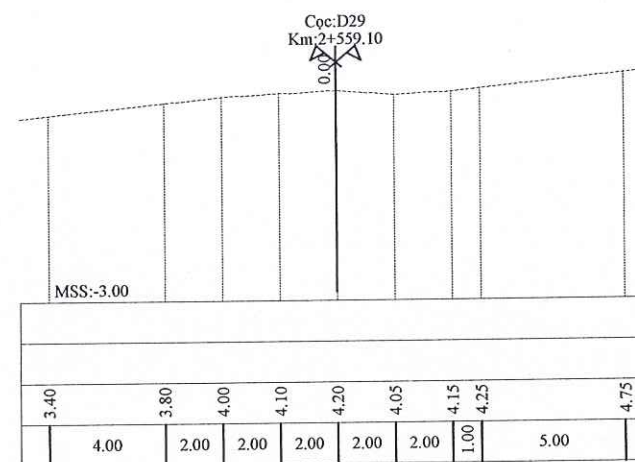
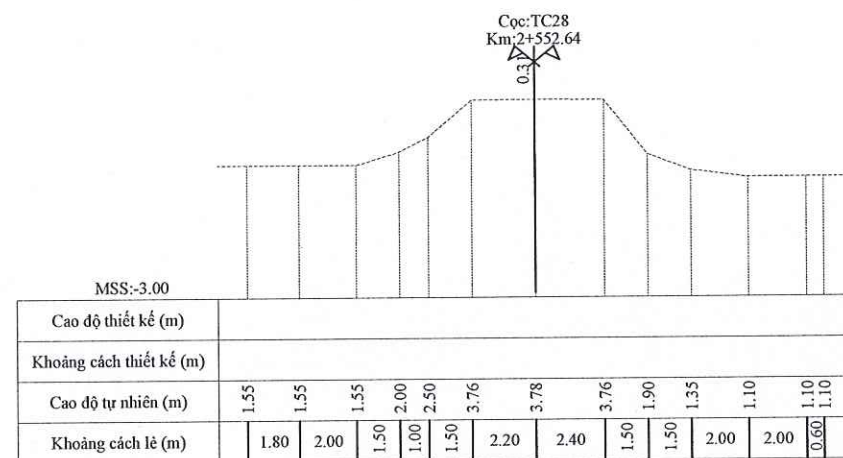
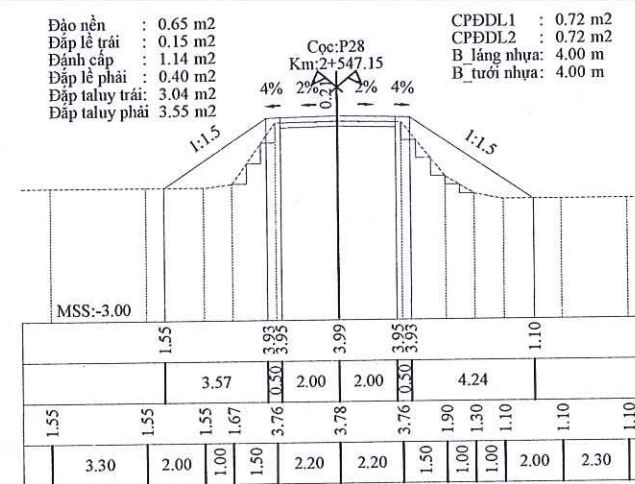
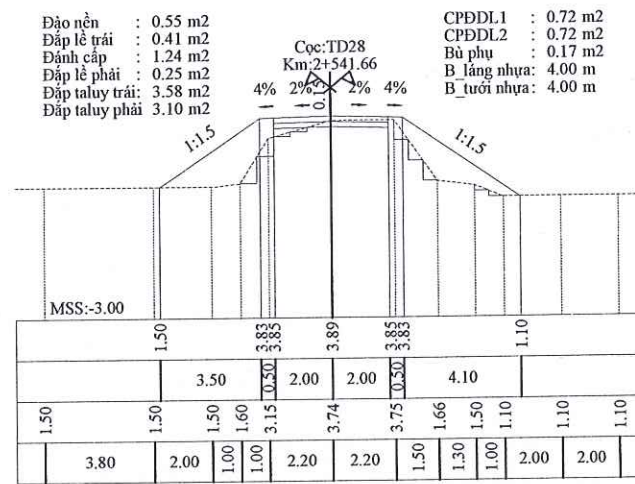
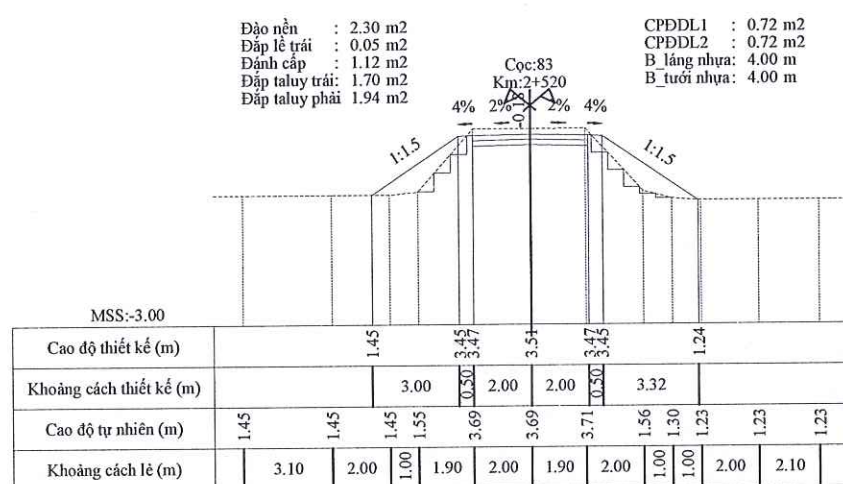
GIÁM ĐỐC

CHỦ ĐẦU TƯ

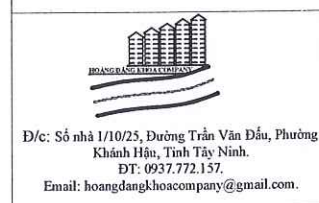
**MẶT CẮT CHI TIẾT
(ĐOẠN LẮNG NHỰA)**

Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: MCCT - 17/48
---------------------	-------------------------

Tỷ lệ: 1/200	Ký hiệu bản vẽ:
--------------	-----------------



Nguyễn Lê Phúc Anh



BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK: Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế: Hoàng Minh Thông

Kiểm tra: Nguyễn Quốc Vương

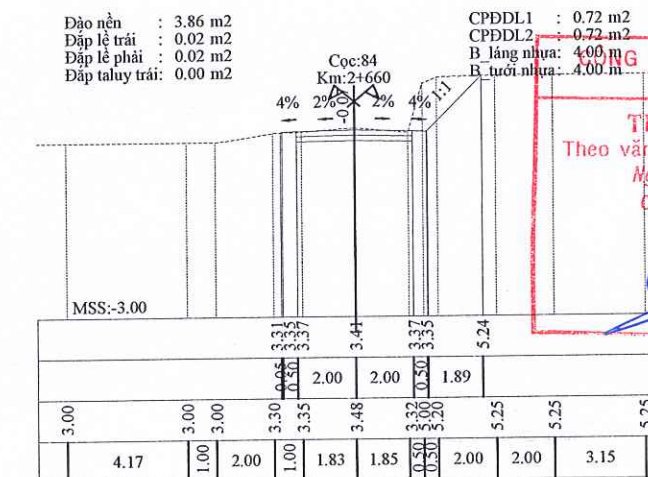
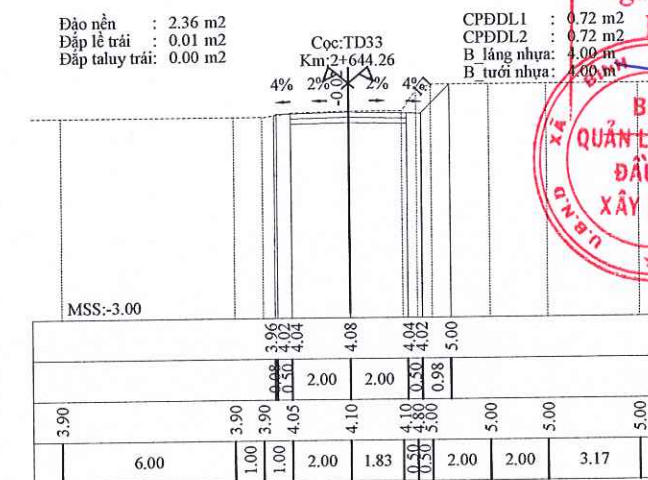
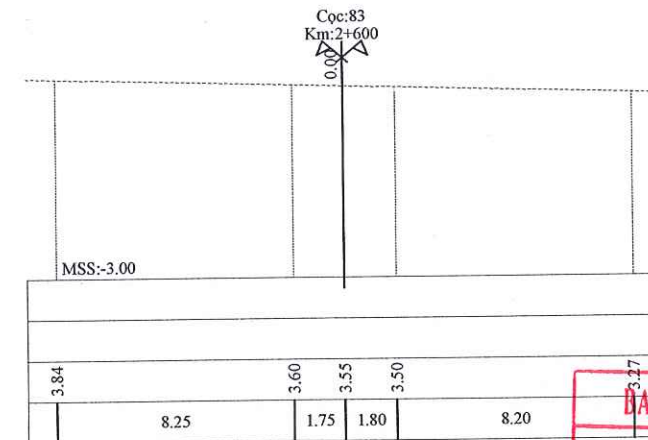


CHỦ ĐẦU TƯ

MẬT CẮT CHI THIẾT (ĐOẠN LÁNG NHỰA)

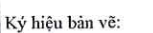
Hoàn thành: / / 2026 Bản vẽ số: MCCT - 19/48

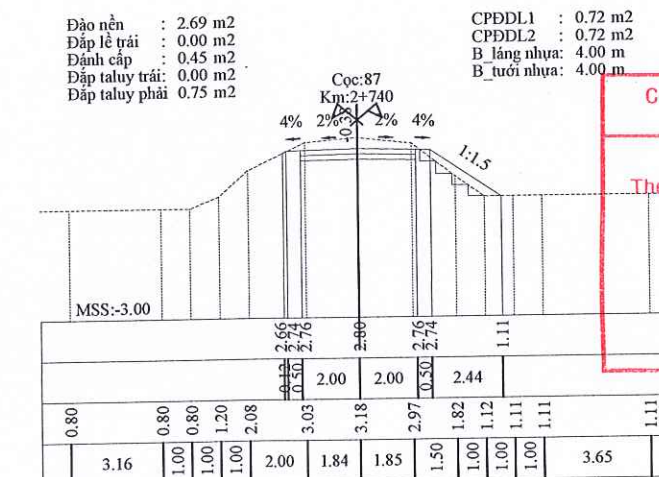
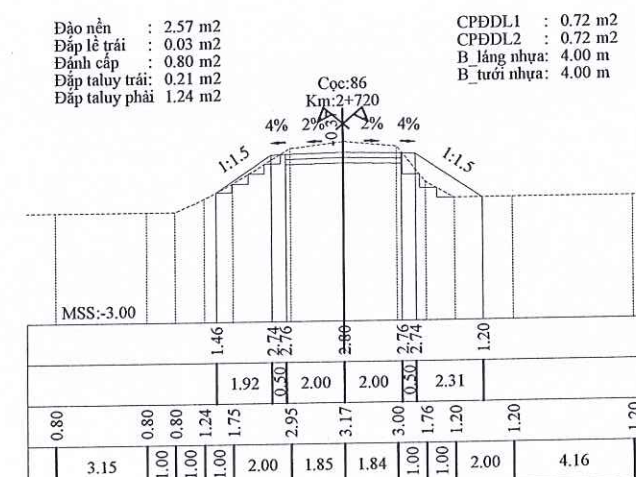
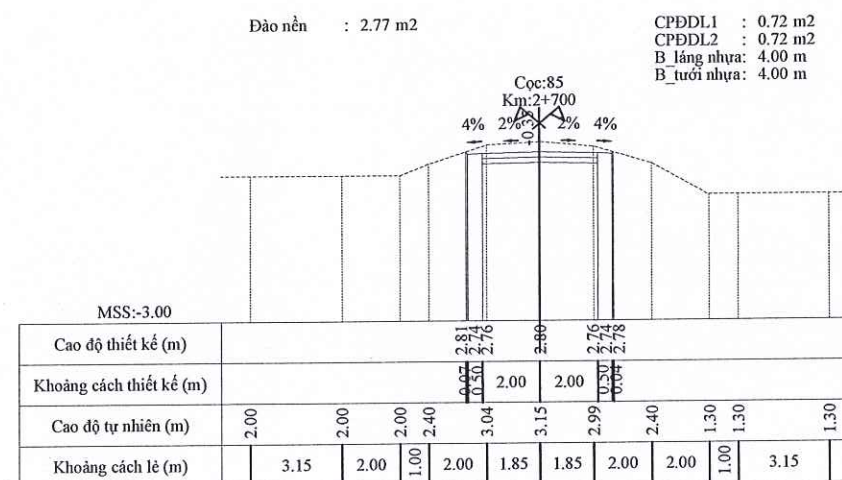
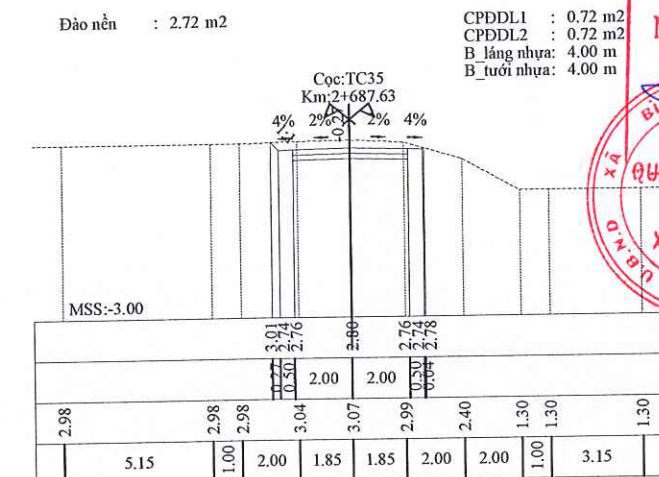
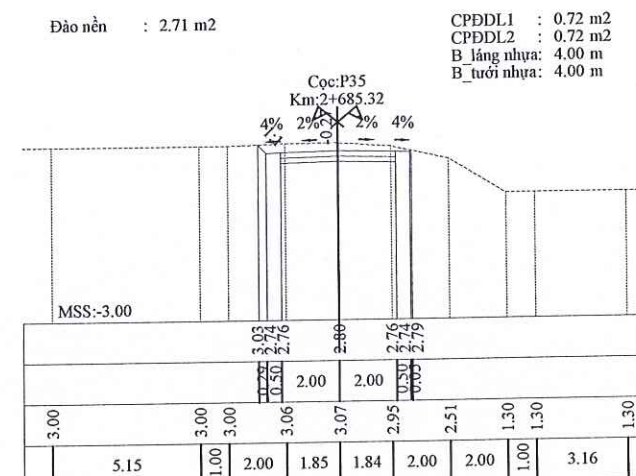
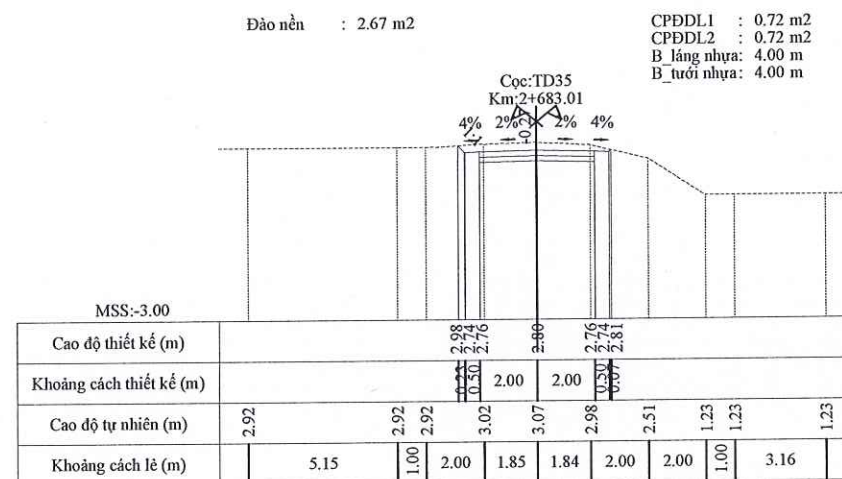
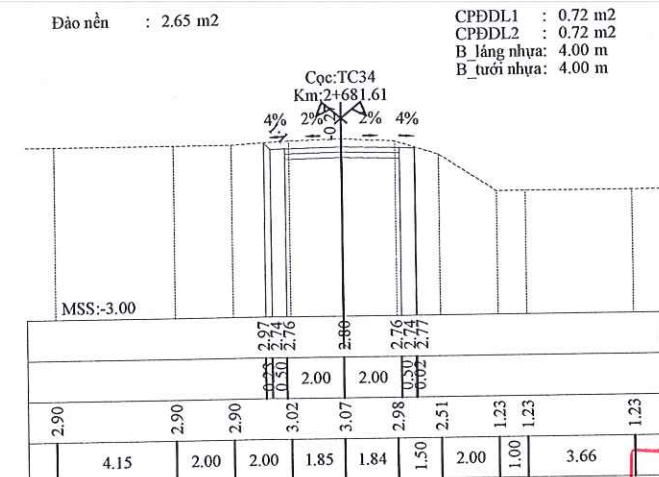
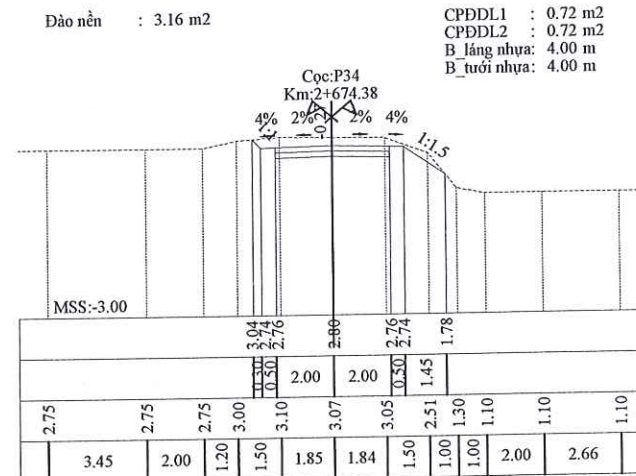
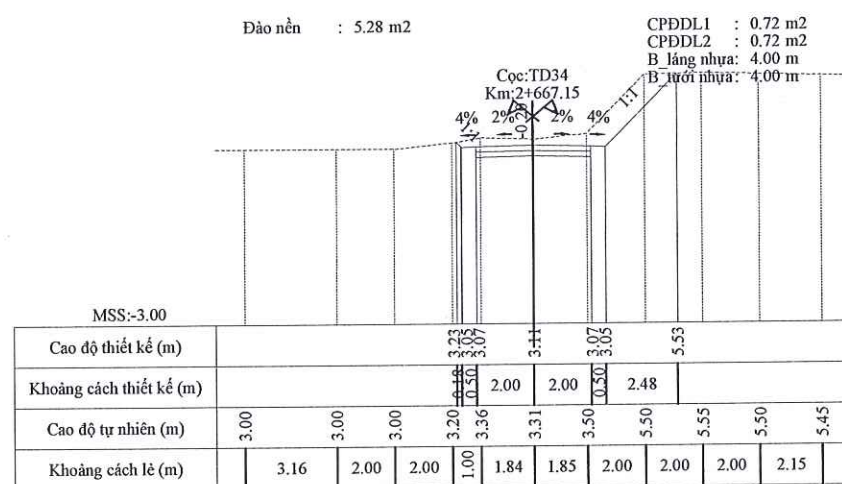
Tỷ lệ: 1/200 Ký hiệu bản vẽ:



Dương Văn Việt

Nguyễn Lê Phúc Anh





BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số: 1284.....
Ngày 21... tháng 04... năm 2026.
Người phê duyệt ký tên:

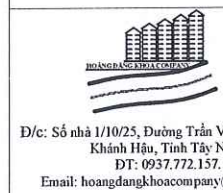
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Đương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

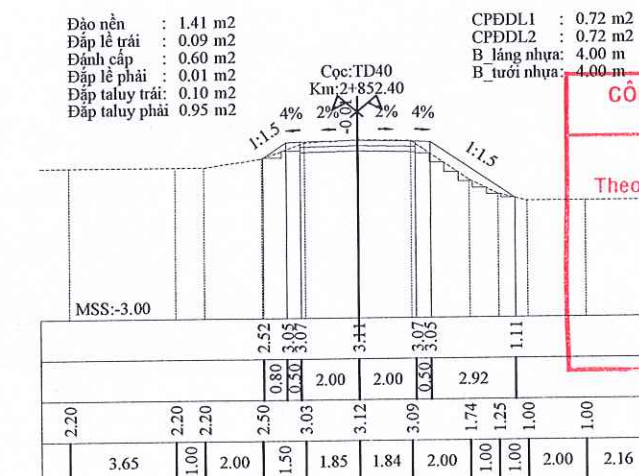
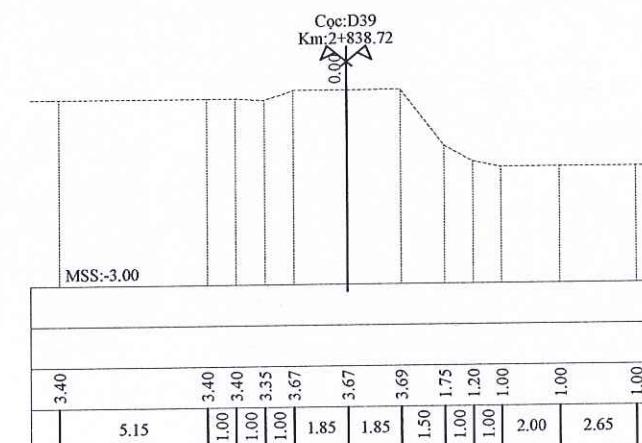
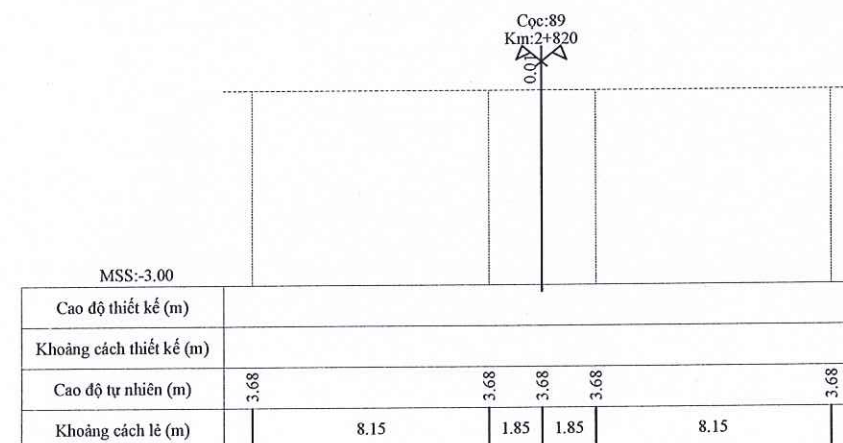
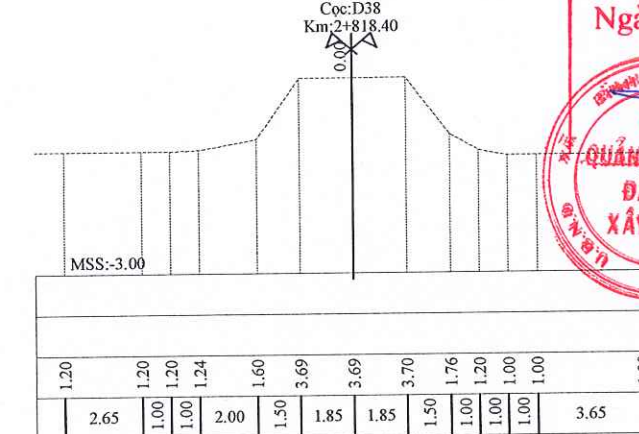
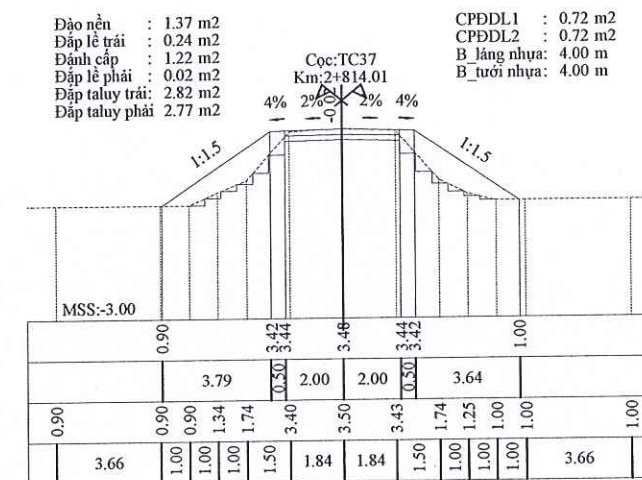
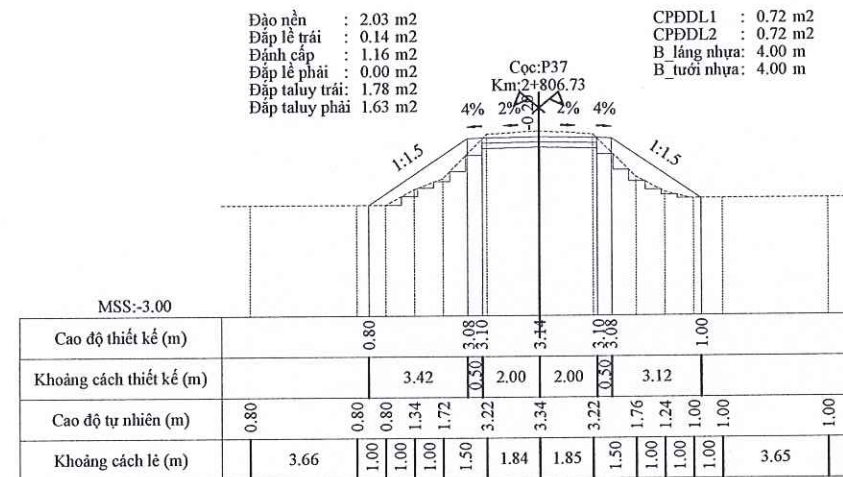
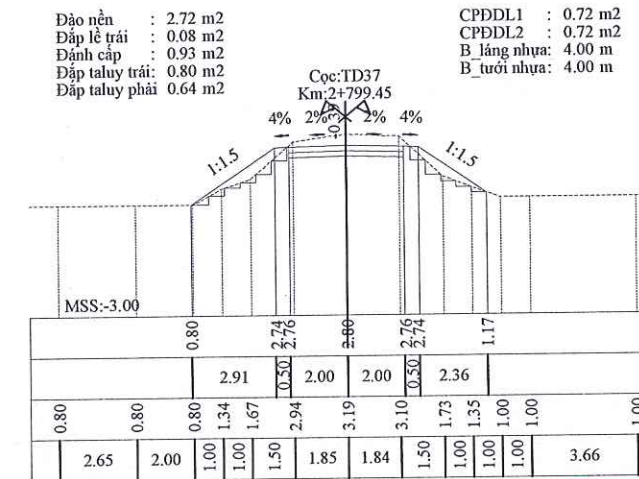
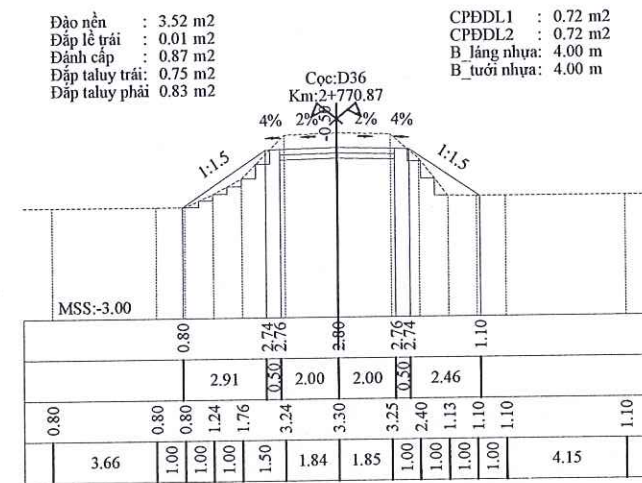
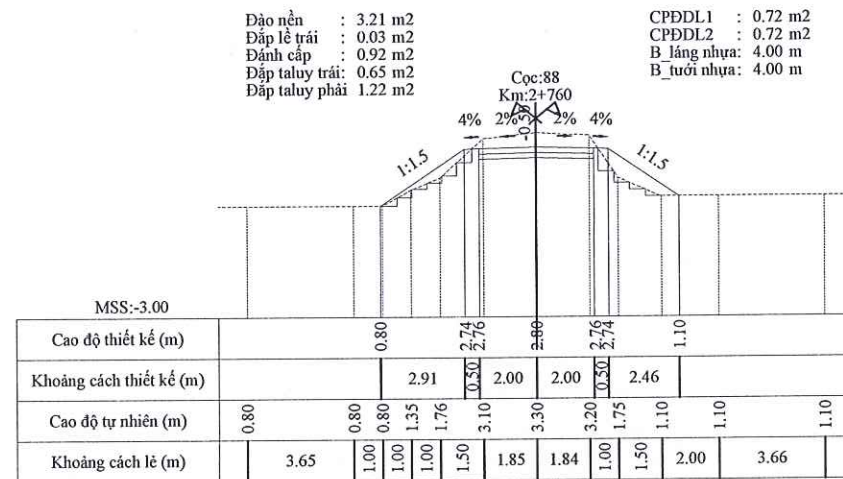
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/BETT/KĐ.26
Ngày 26... tháng 04... năm 2026.
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh



Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoacompany@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GTNT N5 (KÈNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI) Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh	Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương	GIÁM ĐỐC Đỗ Hoàng Anh	CHỦ ĐẦU TƯ	MẬT CẮT CHI TIẾT (ĐOẠN LÁNG NHỰA)	
	Thiết kế	Hoàng Minh Thông			Hoàn thành: / / 2026	Bản vẽ số: MCCT - 21/48
	Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương			Tỷ lệ: 1/200	Ký hiệu bản vẽ:



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1289/.....

Ngày 21 tháng 04 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

Dương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHẢI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 07/BC

Ngày 16 tháng 09 năm 2020.

CAN BỘ CHỦ TRÌ THAM TRẠ

1.00 Nguyễn Lê Phúc Anh



Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoanedangkhoacompany@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK

Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế

Hoàng Minh Thông

Kiểm tra

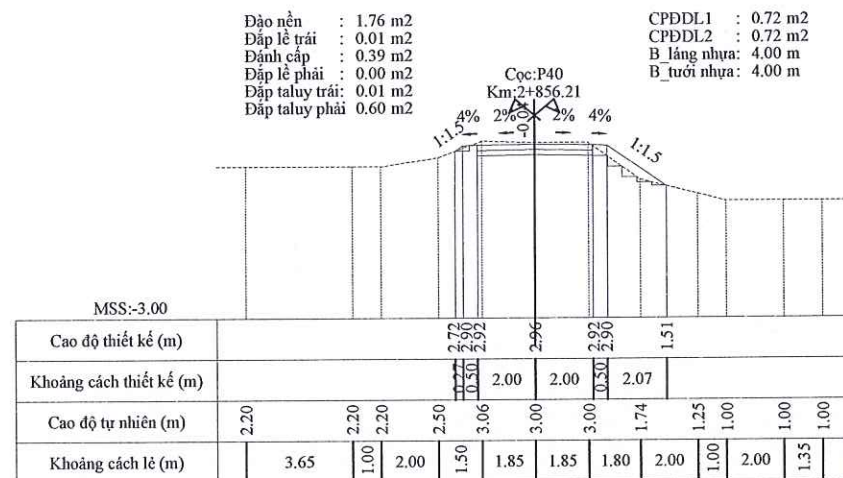
Nguyễn Quốc Vương

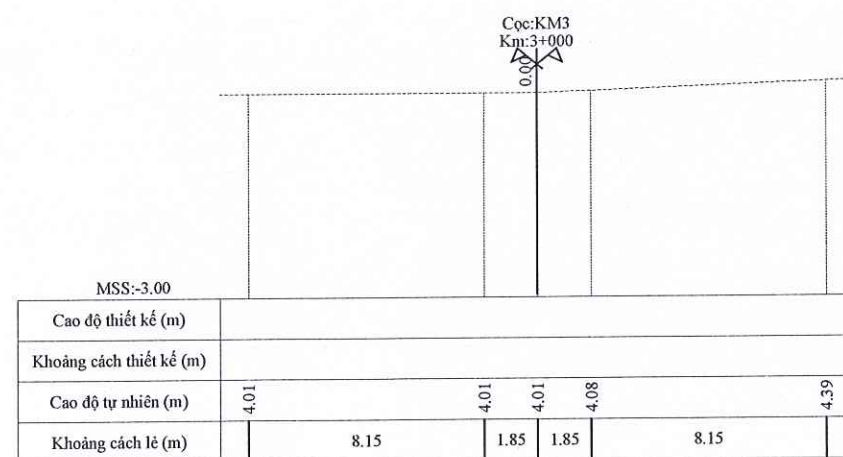
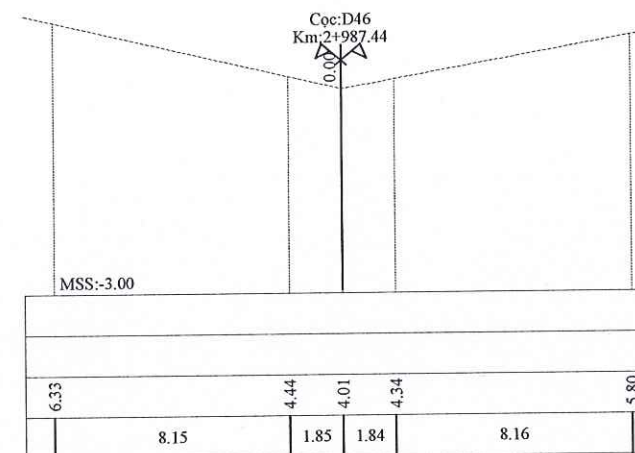
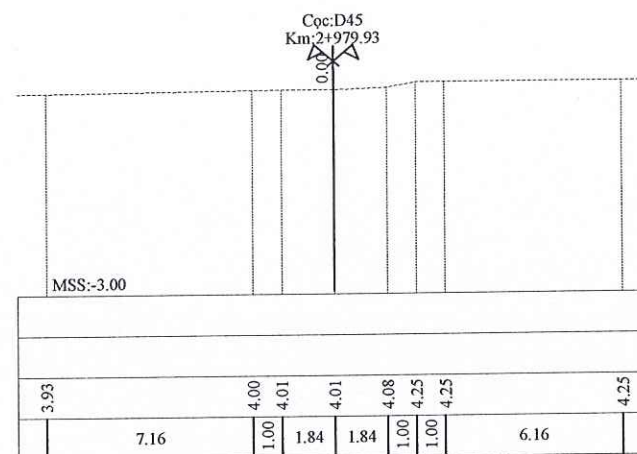
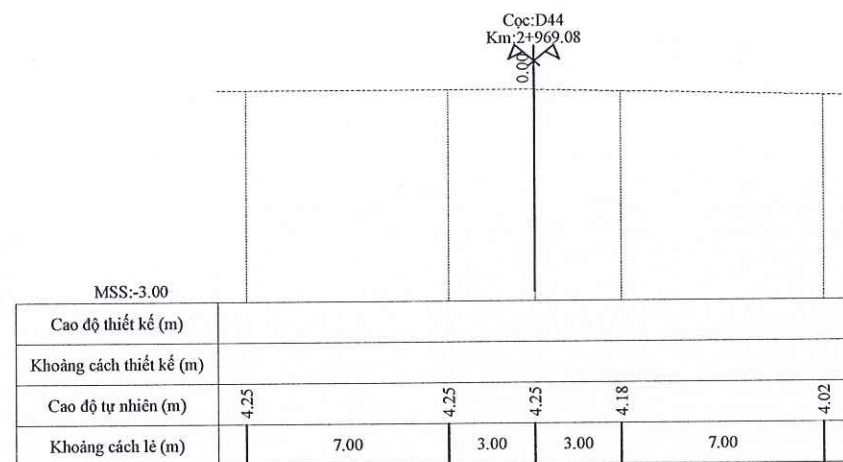
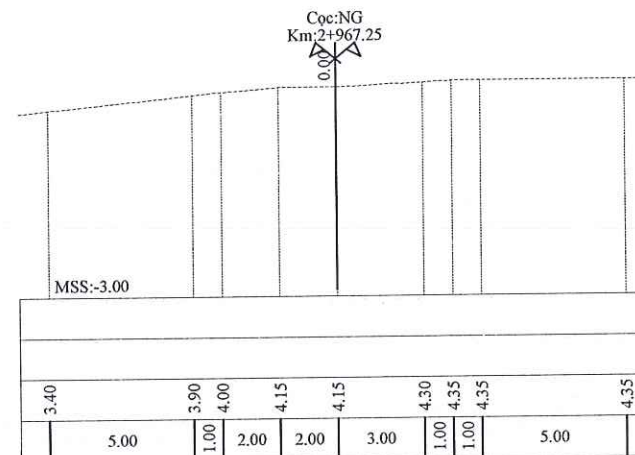
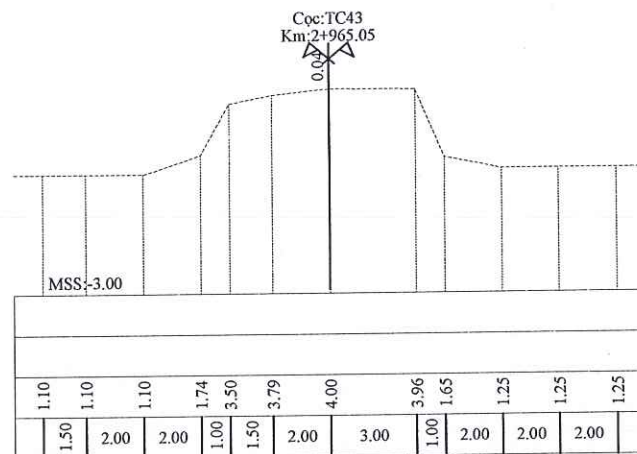
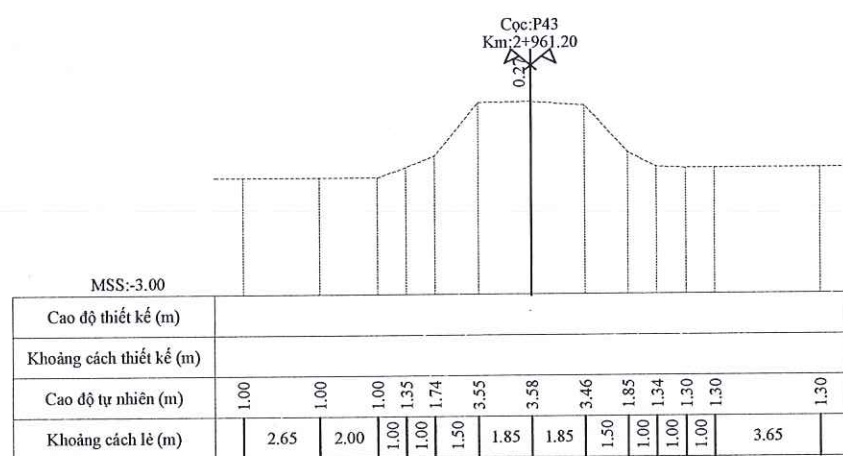
GIÁM ĐỐC

**MẬT CẮT CHI TIẾT
(ĐOẠN LẮNG NHỰA)**

Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: MCCT - 22/48
---------------------	-------------------------

Tỷ lệ: 1/200	Ký hiệu bản vẽ:
--------------	-----------------





BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1289/.....

Ngày 21... tháng 04... năm 2026...

Người phê duyệt ký tên:

Đương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCTT/KĐ.26

Ngày 16... tháng 04... năm 2026...

CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh


Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoa.com@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK

Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế

Hoàng Minh Thông

Kiểm tra

Nguyễn Quốc Vương

CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA

GIÁM ĐỐC

Đỗ Hoàng Anh

CHỦ ĐẦU TƯ

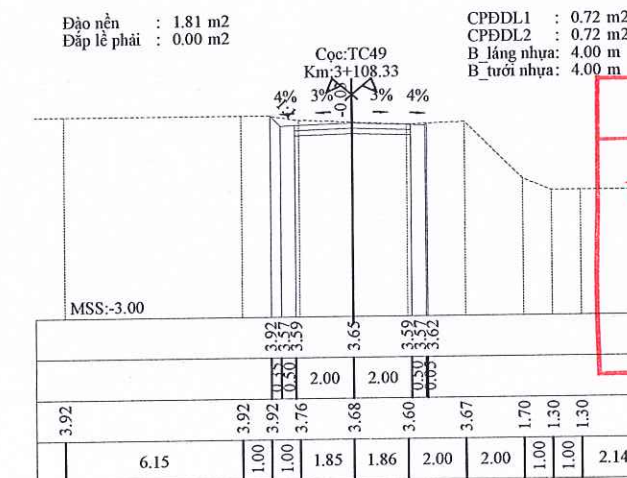
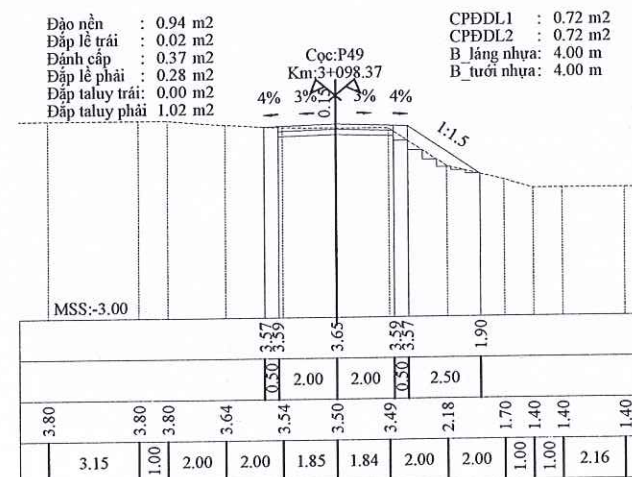
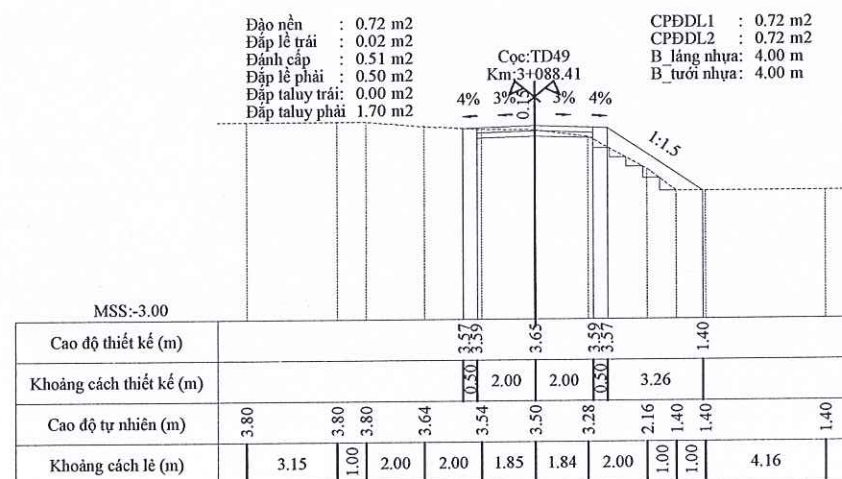
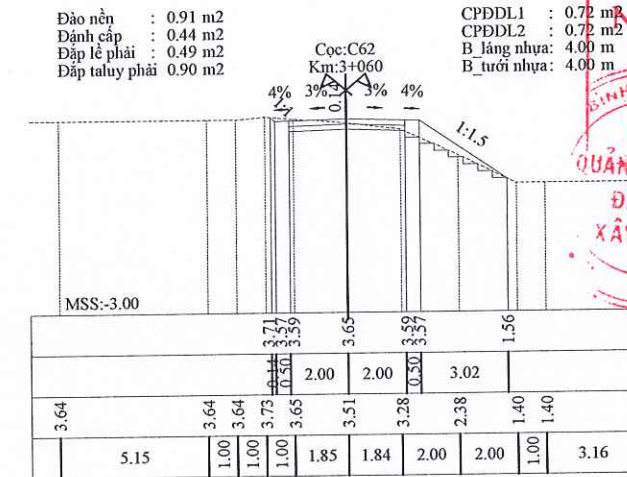
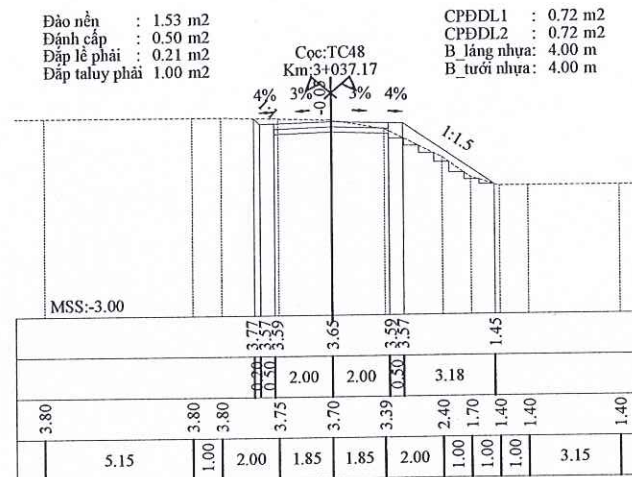
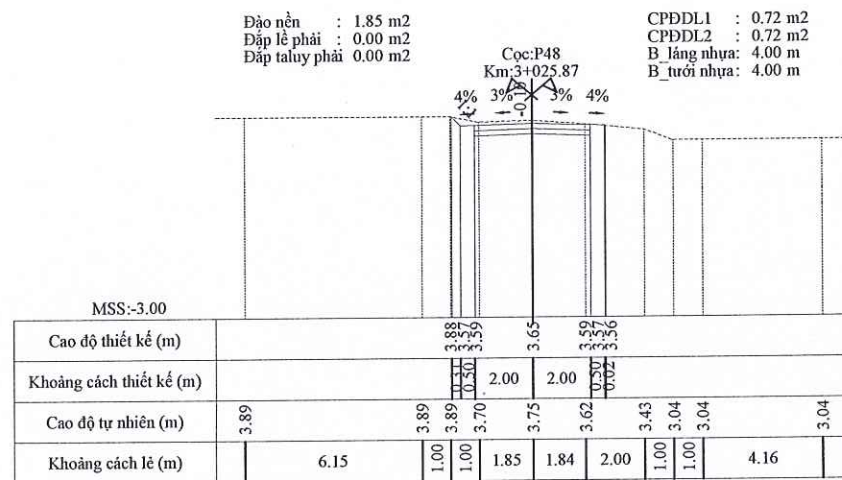
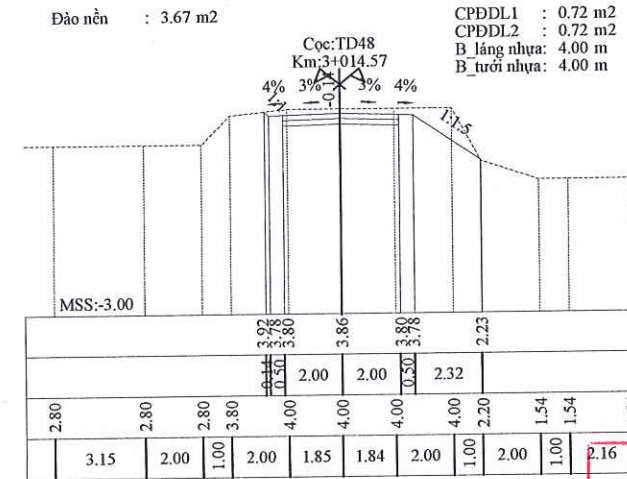
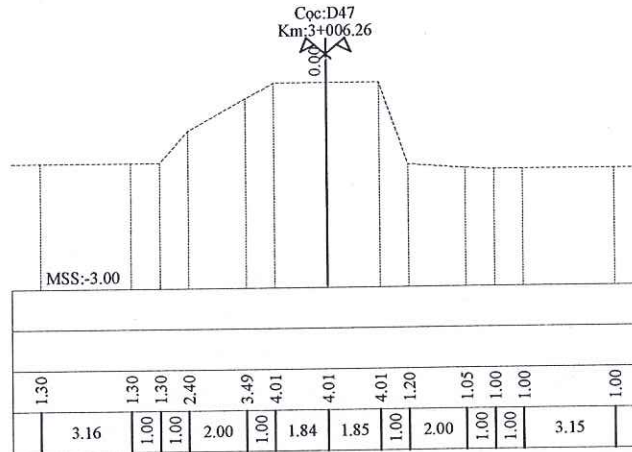
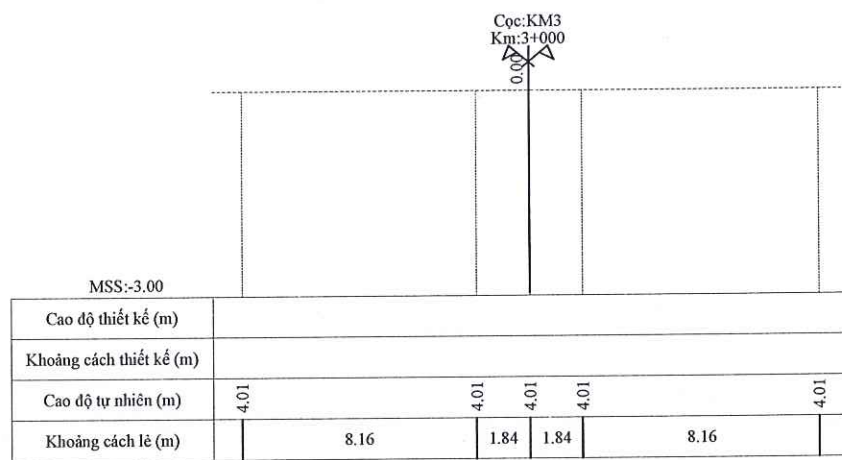
MẬT CẮT CHI TIẾT
(ĐOẠN LẮNG NHỰA)

Hoàn thành: / /2026

Bản vẽ số: MCCT - 24/48

Tỷ lệ: 1/200

Ký hiệu bản vẽ:



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1289/.....

Ngày 21... tháng 04... năm 2026...

Người phê duyệt ký tên:

[Signature]

Dương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 071/BCT/180.26

Ngày 16... tháng 04... năm 2026...

CÁN BỘ CHƯ TRÌ THẨM TRA

[Signature]

Nguyễn Lê Phúc An

Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoa@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT NS (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh

Chủ trì TK: Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế: Hoàng Minh Thông

Kiểm tra: Nguyễn Quốc Vương

CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA

PH. KHÁNH HẬU - T. TÂY NINH

ĐỒ HOÀNG ANH

CHỦ ĐẦU TƯ

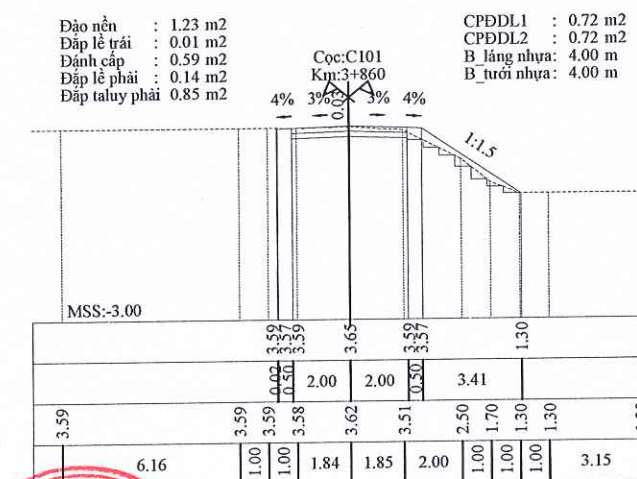
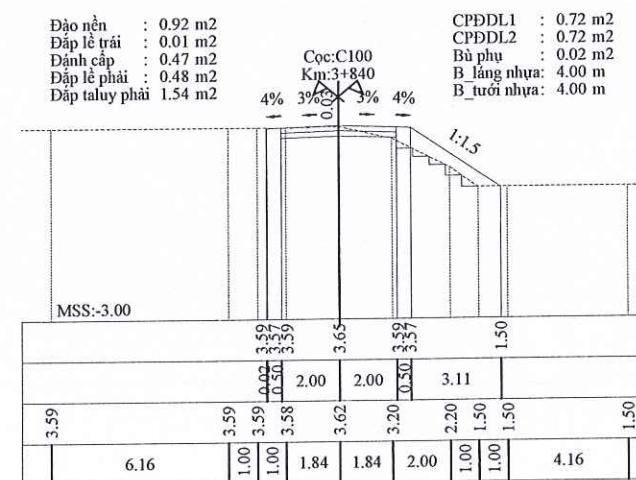
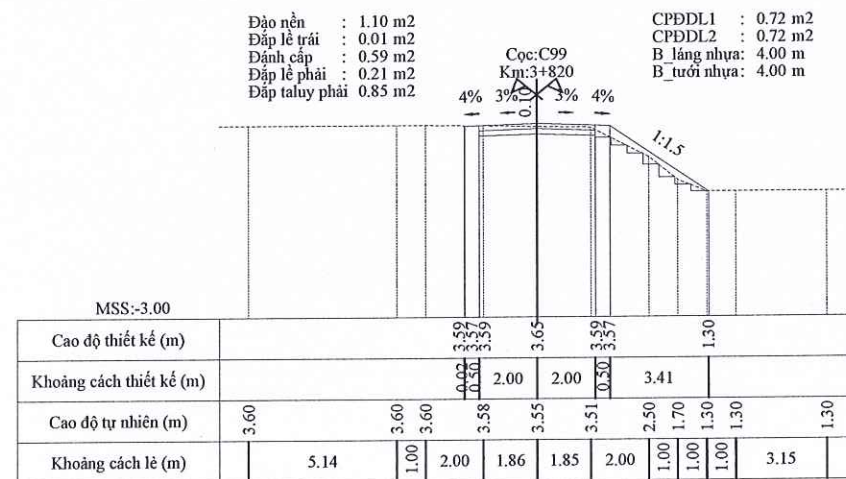
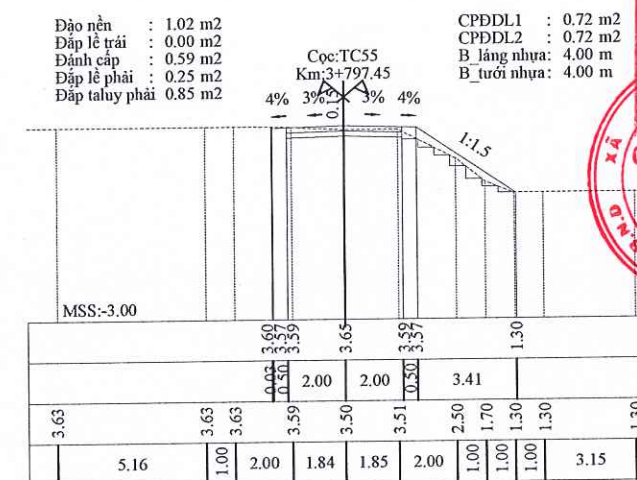
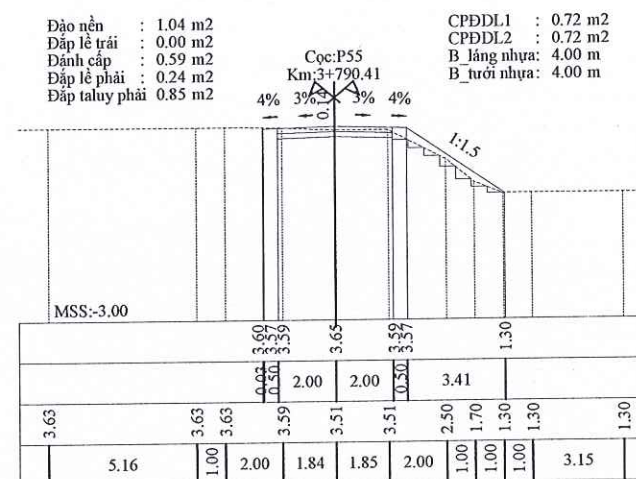
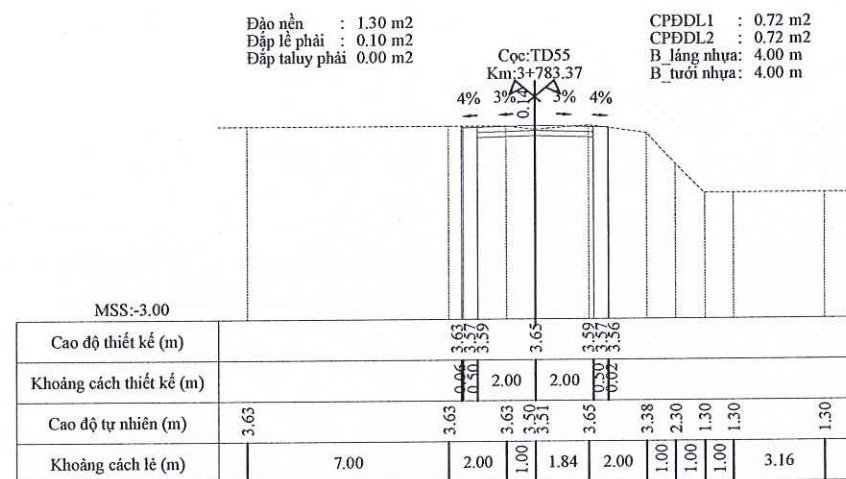
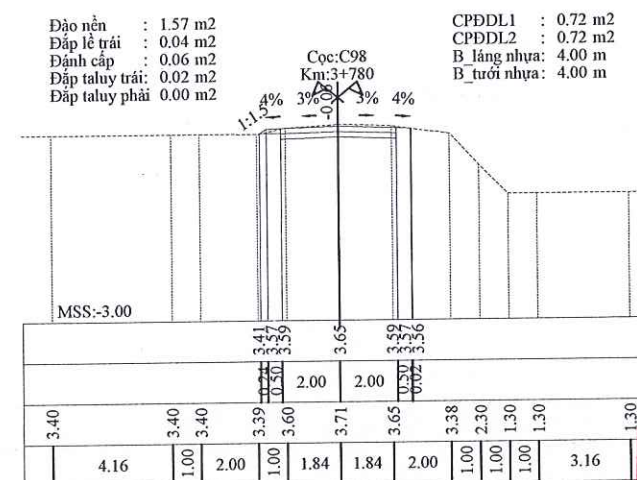
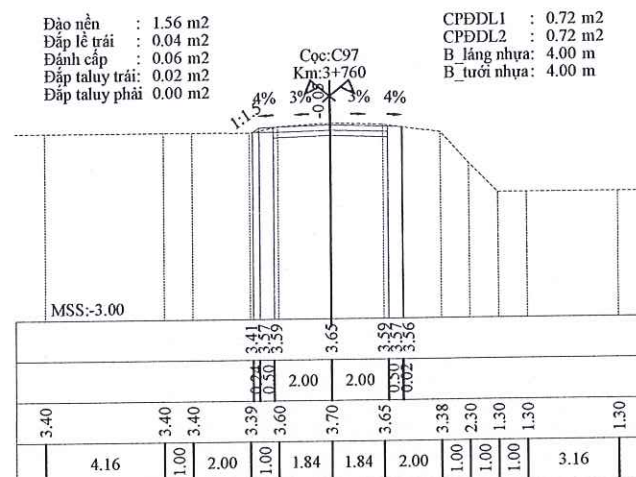
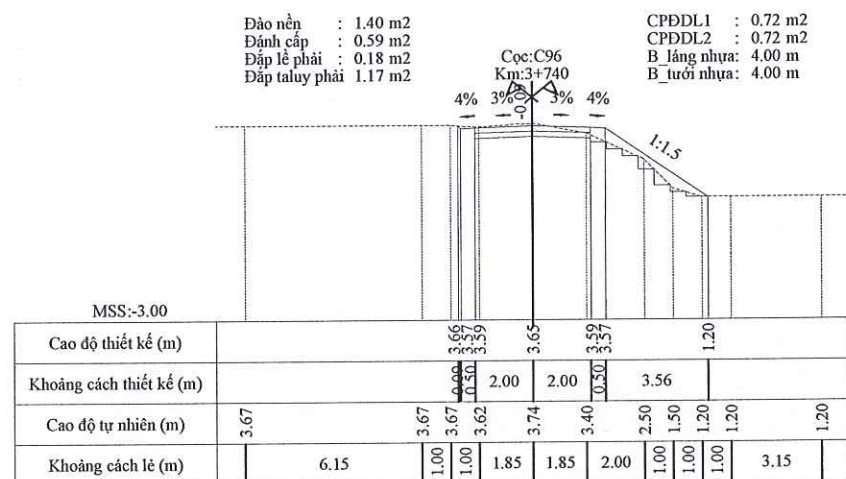
MẬT CẮT CHI TIẾT (ĐOẠN LÁNG NHỰA)

Hoàn thành: / /2026

Tỷ lệ: 1/200

Bản vẽ số: MCCT - 25/48

Ký hiệu bản vẽ:



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1289/.....

Ngày 11 tháng 04 năm 2016

Người phê duyệt ký tên:



Đương Văn Vi

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHAI ĐĂNG

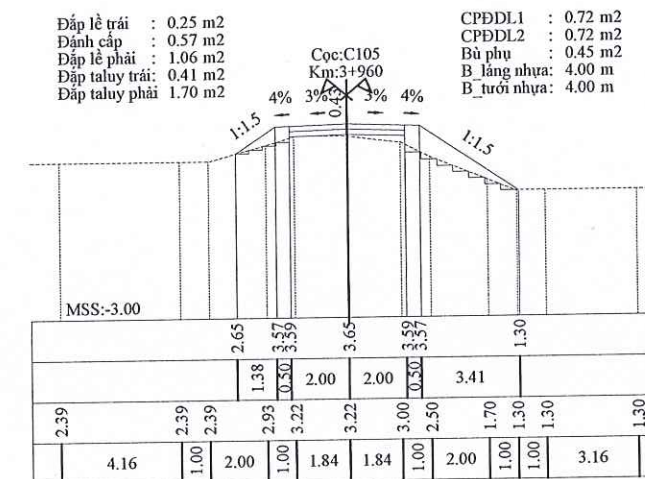
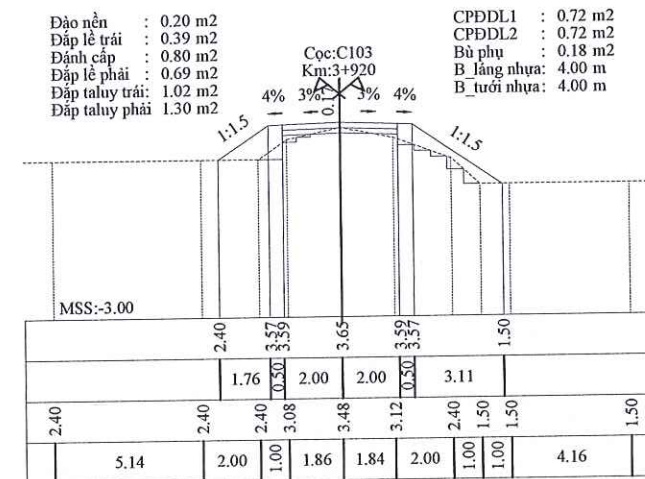
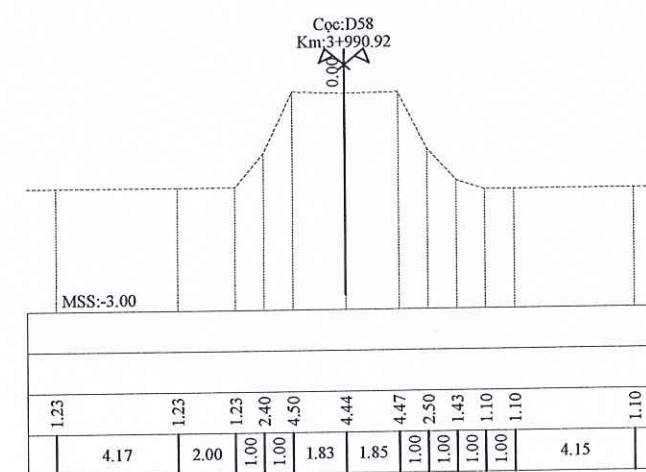
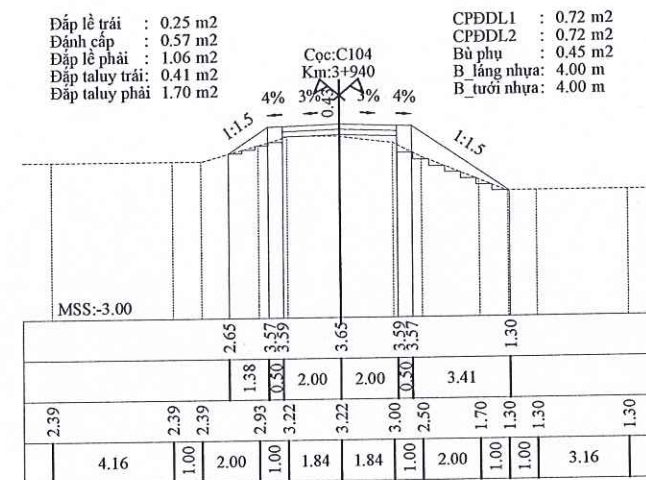
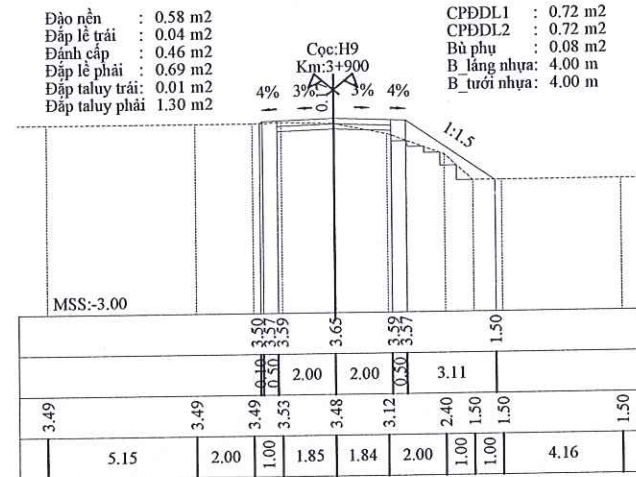
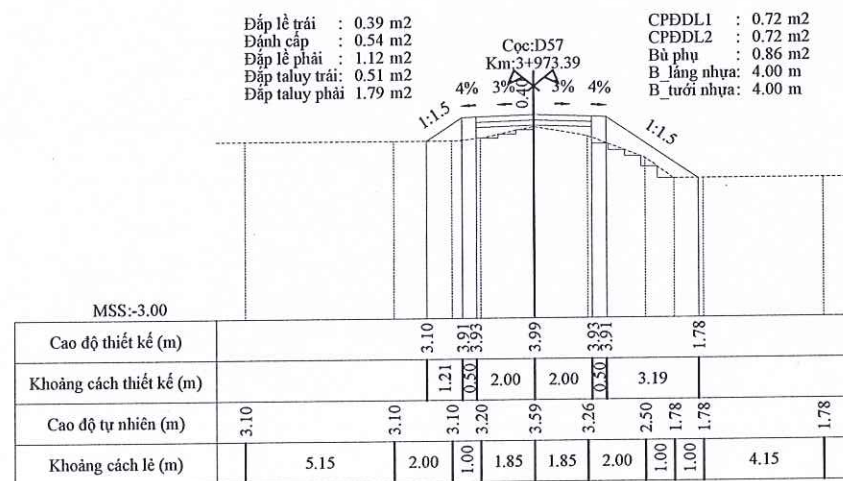
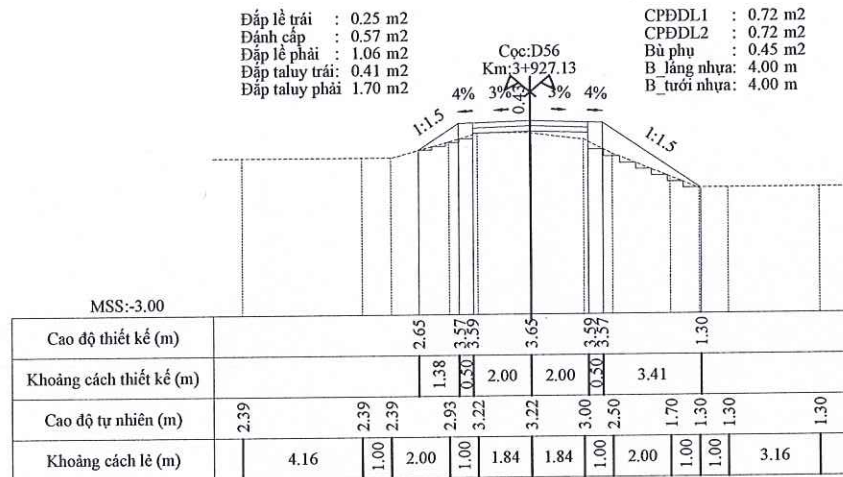
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số 27/ĐC/TT/KĐ-26

Ngày 16 tháng 04 năm 2016

CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

Nguyễn Lê Phúc Anh



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1289.....

Ngày 21... tháng 04... năm 2018...

Người phê duyệt ký tên: 



Đường Văn Việt

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHẢI ĐĂNG**

THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 0.11/BC.TT/KD.28

Ngày 16 tháng 04 năm 2018...

CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA



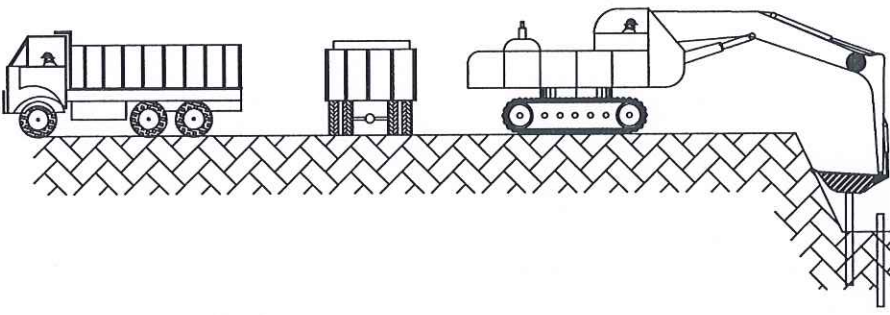
Nguyễn Lê Phúc Anh

THI CÔNG CỐNG NGANG

BUƯỚC 1: ĐÀO MÓNG CỐNG - ĐÓNG CỪ MÓNG MÓNG

- Đắp vòng vây, bơm khô hố móng tạo mặt bằng thi công.
- Đào đất hố móng đến cao độ thiết kế.
- Đóng cừ tràm gia cố móng cống, cửa xả (nếu có) bằng máy kết hợp với thủ công, mật độ 25cây/m2.

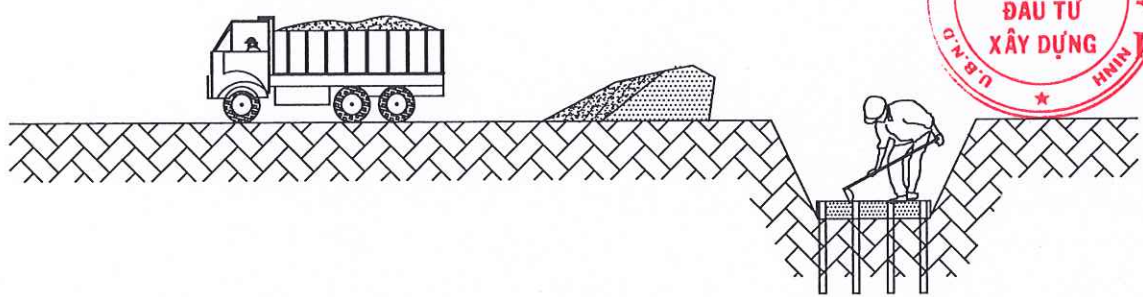
Ôtô chở cừ tràm Ôtô chở đất Máy đào gầu nghịch



BUƯỚC 2: ĐẮP CÁT ĐỆM MÓNG CỐNG

- Đắp cát đệm móng cống đảm bảo dày 20cm

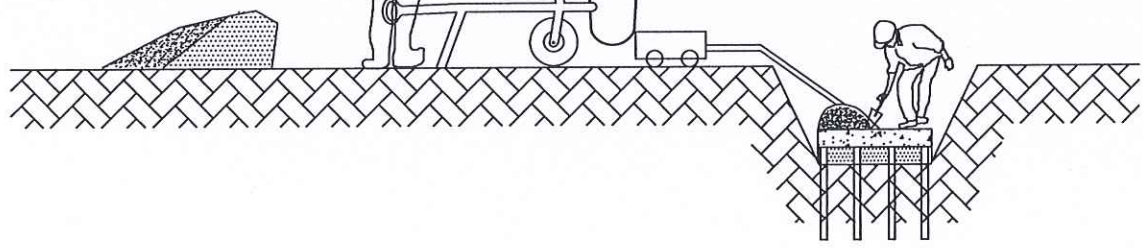
Ôtô chở cát



BUƯỚC 3: THI CÔNG BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 1X2

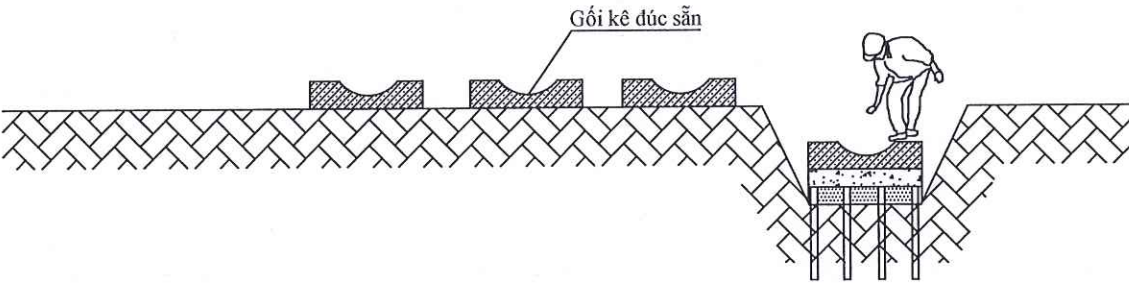
- Tập kết vật liệu: Đá, cát, xi măng đến công trường.
- Thi công bê tông lót đá 1x2 M150 theo TK.

Vật liệu cát, đá Máy trộn bê tông Máy bơm bê tông



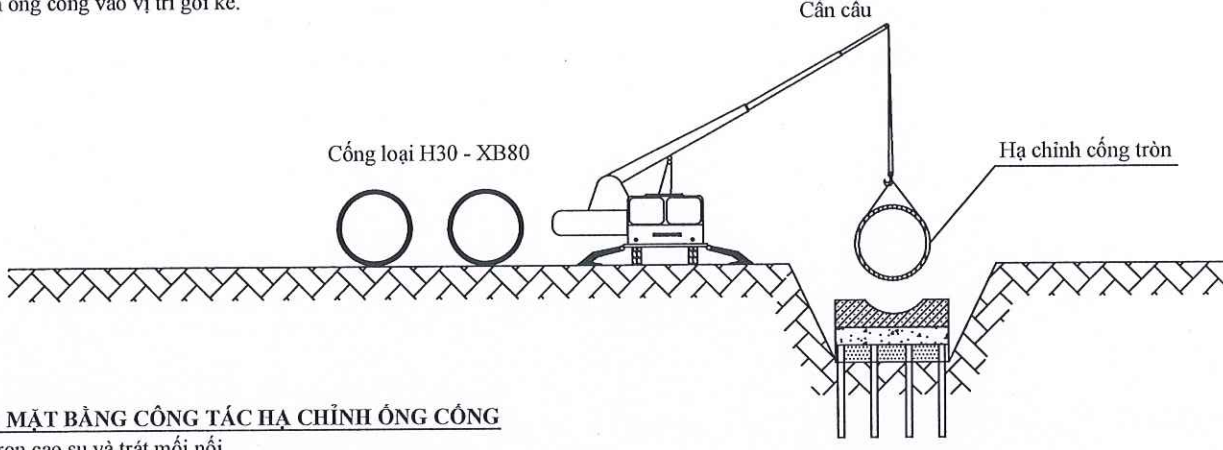
BUƯỚC 3: LẮP ĐẶT GỐI KÊ CỐNG

- Tập kết gối kê đúc sẵn và cầu lắp đặt vào vị trí.



BUƯỚC 4: HẠ CHỈNH ỐNG CỐNG VÀO VỊ TRÍ MÓNG

- Hạ chỉnh ống cống vào vị trí gối kê.

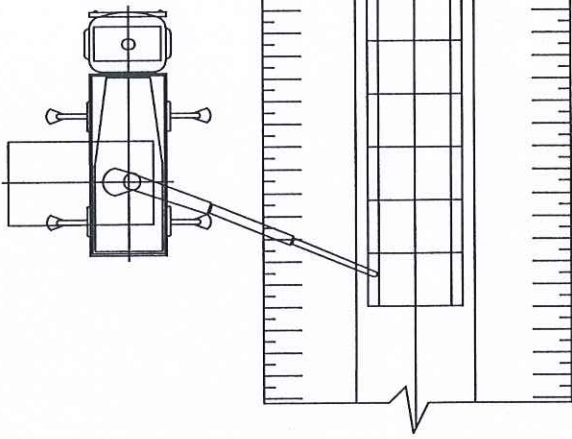
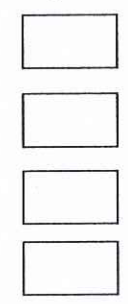


BUƯỚC 5: MẶT BẰNG CÔNG TÁC HẠ CHỈNH ỐNG CỐNG

- Lắp đặt ron cao su và trát mỗi nối.
- Đắp cát nền đường đảm bảo an toàn cho thiết bị đứng cầu lắp cống.
- Thi công thành hố ga phần còn lại.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHAI ĐĂNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 071/BCT/KĐ-26
Ngày 16 tháng 4 năm 2026
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA
Nguyễn Lê Phúc Anh

Cống đúc sẵn



GHI CHÚ:

- Tổ chức thi công mỗi 1/2 bên để đảm bảo giao thông
- Nhà thầu được phép thay đổi thiết bị thi công với điều kiện vẫn đảm bảo chất lượng công trình, tiến độ thi công, an toàn lao động cũng như bảo đảm giao thông qua vị trí thi công, và phải được Kỹ sư tư vấn chấp thuận.
- Các yêu cầu về vật tư, công nghệ thi công, xe máy, kiểm tra, nghiệm thu,... cụ thể xem thuyết minh kỹ thuật thi công phần : Thi công cống


Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoa@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: Xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương
Thiết kế	Hoàng Minh Thông
Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương


GIÁM ĐỐC
Đỗ Hoàng Anh

CHỦ ĐẦU TƯ	BIỆN PHÁP THI CÔNG
Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: BPTC - 1/5
Tỷ lệ: 1/20	Ký hiệu bản vẽ:

THI CÔNG ĐÁNH CẤP, ĐÀO ĐẤT NỀN ĐƯỜNG

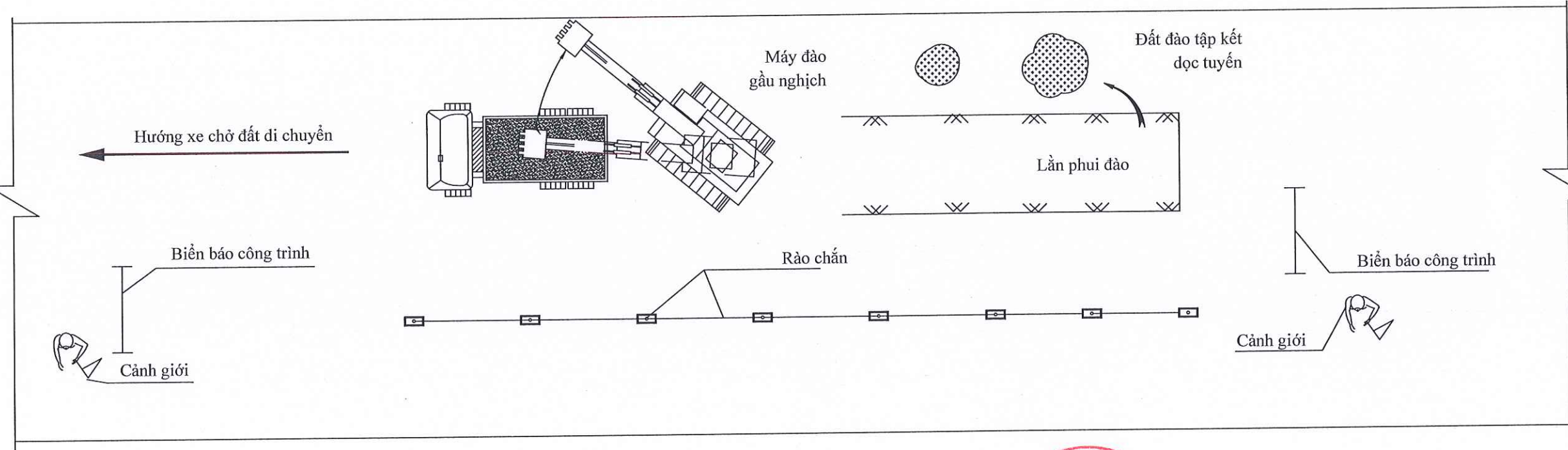
BUỐC 1:

- Định vị tìm đường, cắm cọc phạm vi thi công, khuôn hố đào.
- Lắp hàng rào cảnh giới suốt dọc hố đào, bố trí biển báo hiệu, người điều khiển giao thông ở hai đầu.



BUỐC 2:

- Dùng máy đào phạm vi nền đường đào đến cao độ đáy lớp vật liệu cấp phối đá dăm, chiều rộng hố đào tính từ mép mặt đường hiện hữu trở ra.
- Đất đào được chọn lọc tận dụng tập kết dọc tuyến để đắp lề.



BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH
PHÊ DUYỆT
Theo Văn bản số: 1289/.....
Ngày 21 tháng 04 năm 2026..
Người phê duyệt ký tên: Dương Văn Việt

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHÁI ĐĂNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 07/BCTT/KĐ.26
Ngày 16 tháng 04 năm 2026..
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA: Nguyễn Lê Phúc Anh


Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoa.com.vn@gmail.com

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)
Địa điểm xây dựng: Xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chủ trì TK	Nguyễn Quốc Vương
Thiết kế	Hoàng Minh Thông
Kiểm tra	Nguyễn Quốc Vương

CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA
GIÁM ĐỐC: Đỗ Hoàng Anh

CHỦ ĐẦU TƯ

BIỆN PHÁP THI CÔNG	
Hoàn thành: / / 2026	Bản vẽ số: BPTC - 2/5
Tỷ lệ: 1/20	Ký hiệu bản vẽ:

BAN QLDA ĐTXD XÃ BÌNH THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Văn bản số: 1284/.....

Ngày 21... tháng 04 năm 2024..

Người phê duyệt ký tên:

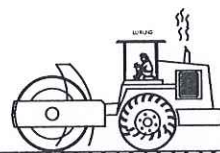


Dương Văn Việt

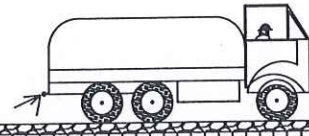
THI CÔNG MÓNG CẤP PHỐI ĐÁ DẼM

Hướng thi công

LU RUNG



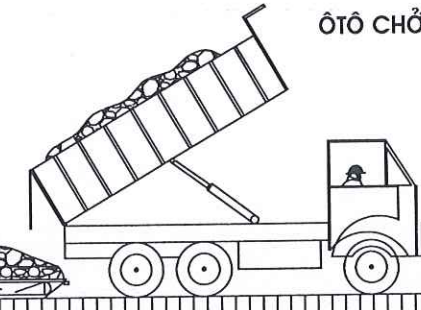
ÔTÔ TƯỚI NƯỚC



MÁY RÃI



ÔTÔ CHỞ CPDD



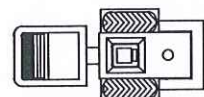
MẶT BẰNG THI CÔNG

mặt đường đảm bảo giao thông

mặt đường đảm bảo giao thông

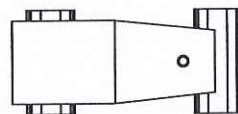
Rào chắn phân luồng

Rào chắn phân luồng

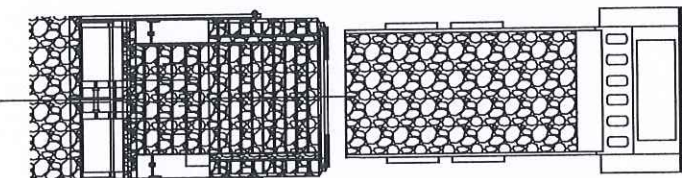
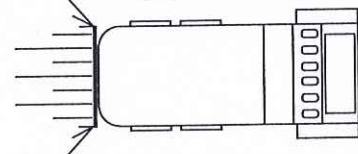


LU RUNG

XE LU BÁNH THÉP



ÔTÔ TƯỚI NƯỚC



BIỆN PHÁP THI CÔNG CHỦ ĐẠO

- Sau khi thi công xong nền tiến hành thi công lớp móng cấp phối đá dăm.
- Thi công từng lớp dày 15cm
- Xe ô tô tự đổ vận chuyển cấp phối đá dăm đến công trường, đổ đồng trực tiếp vào máy rải.
- Lớp dưới cùng cho phép dùng máy san tự hành để san vật liệu CPDD đảm bảo chiều dày, dốc ngang đúng như hồ sơ thiết kế
- Tưới nước bằng xe bồn để giữ ẩm lớp cấp phối đá dăm,
- Dùng lu bánh thép 6-8 tấn lu nhẹ 3 - 4 lần/điểm. Dùng lu nặng kết hợp với lu rung hoặc lu bánh lốp để lu lên lớp cấp phối đá dăm đến khi đạt độ chặt theo yêu cầu thiết kế.
- Sau khi thi công xong móng CPDD phải đảm bảo kích thước hình học, độ chặt theo HSTK.

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- Công tác thi công, nghiệm thu phải tuân thủ theo Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN8859:2023) Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu.
- Tư vấn giám sát phải lấy mẫu vật liệu thí nghiệm đạt yêu cầu thiết kế mới được phép đưa vào công trình.
- Kiểm tra độ chặt lớp CPDD tại hiện trường bằng phương pháp rút cát.
- Kiểm tra độ đầm chặt tại phòng thí nghiệm bằng phương pháp proctor.
- Khi độ chặt lớp 1 đạt yêu cầu thiết kế phải được tư vấn giám sát nghiệm thu mới được thi công lớp tiếp theo.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: Xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chủ trì TK

Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế

Hoàng Minh Thông

Kiểm tra

Nguyễn Quốc Vương

GIÁM ĐỐC

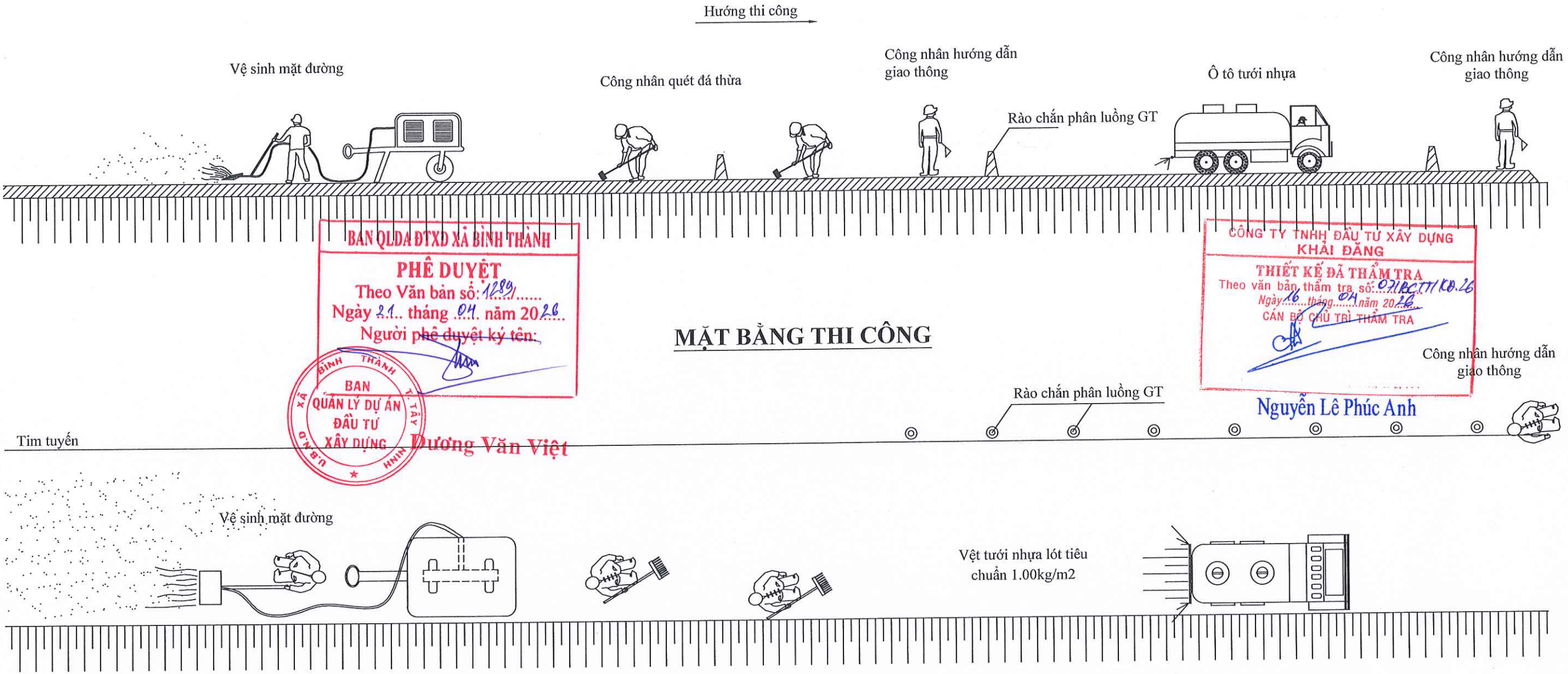
CHỦ ĐẦU TƯ

BIỆN PHÁP THI CÔNG

Hoàn thành: / /2026 Bản vẽ số: BPTC - 3/5

Tỷ lệ: 1/20 Ký hiệu bản vẽ:

THI CÔNG VỆ SINH MẶT ĐƯỜNG VÀ TƯƠI NHỰA LÓT



BIỆN PHÁP THI CÔNG CHỦ ĐẠO

- Sau khi thi công xong móng cấp phối đá dăm tiến hành nghiệm thu, bù vênh mặt đường (nếu có).
- Vệ sinh mặt đường bằng máy nén khí kết hợp với công nhân dùng chổi để quét.
- Tưới nhựa lót bằng xe bồn chuyên dùng tiêu chuẩn 1.00Kg/m2.
- Làm rào chắn kết hợp với công nhân điều khiển các phương tiện khi vào phạm vi thi công.
- Thi công vệ sinh mặt đường và tưới nhựa lót nửa bên một để đảm bảo giao thông. Nửa bên còn lại thi công tương tự.

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- Tư vấn giám sát phải thường xuyên kiểm tra công tác vệ sinh mặt đường.
- Kiểm tra công tác tưới nhựa lót phải đảm bảo đủ khối lượng theo HSTK, bề mặt đá dăm sau khi tưới phải phủ đều lớp nhựa.


Đ/c: Số nhà 1/10/25, Đường Trần Văn Dấu, Phường
Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0937.772.157.
Email: hoangdangkhoa.com.vn@gmail.com.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

Địa điểm xây dựng: Xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chủ trì TK

Nguyễn Quốc Vương

Thiết kế

Hoàng Minh Thông

Kiểm tra

Nguyễn Quốc Vương


CÔNG TY TNHH XD
HOÀNG ĐĂNG KHOA
KHÁNH HẬU - T. TÂY NINH

CHỦ ĐẦU TƯ

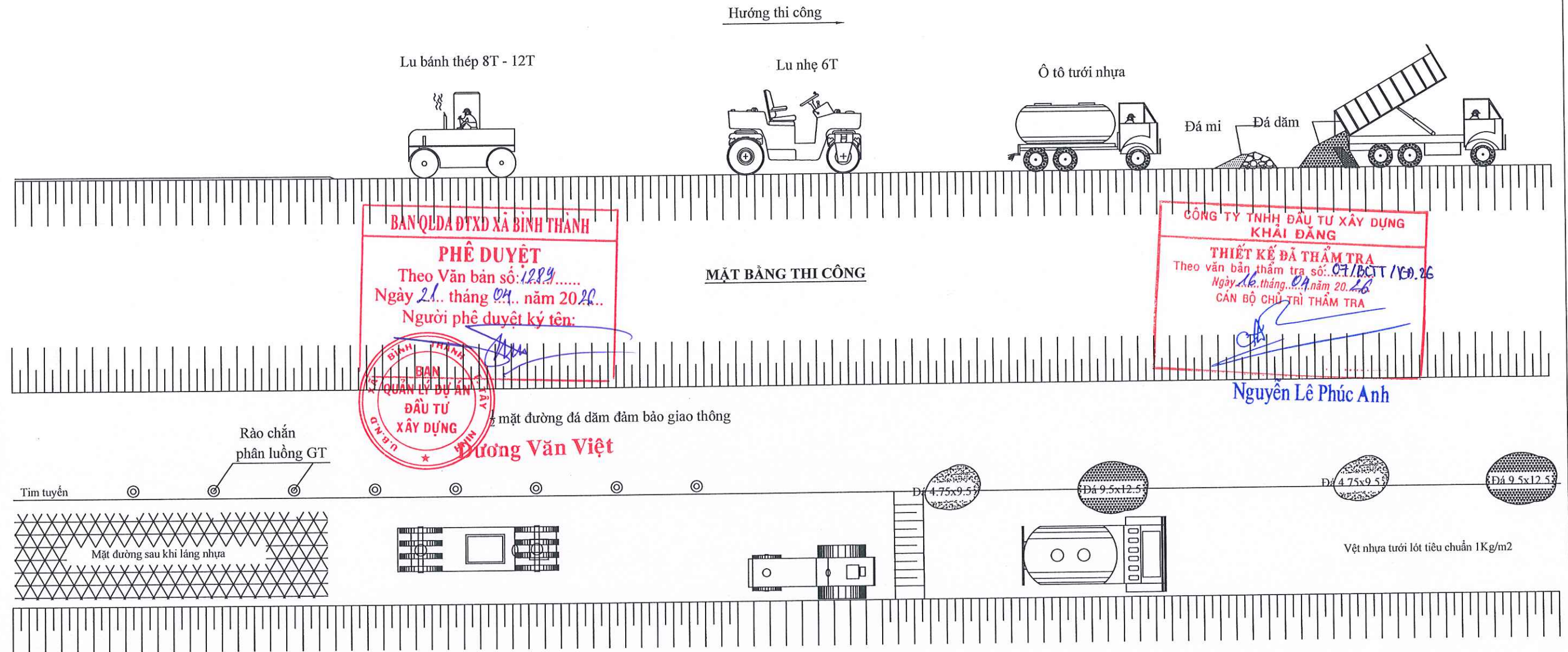
Đỗ Hoàng Anh

BIỆN PHÁP THI CÔNG

Hoàn thành: / /2026 Bản vẽ số: BPTC - 4/5

Tỷ lệ: 1/20 Ký hiệu bản vẽ:

THI CÔNG LÁNG NHỰA MẶT ĐƯỜNG



BIỆN PHÁP THI CÔNG CHỦ ĐẠO

- Sau khi thi công xong móng CPĐĐ tưới nhựa lót bằng xe bồn chuyên dùng tiêu chuẩn 1Kg/m2.
- Làm rào chắn kết hợp với công nhân điều khiển các phương tiện khi vào phạm vi thi công.
- Tập kết đá 4.75x9.5, đá 9.5x12.5, đá 12.5x19 dọc theo tuyến ngoài phạm vi láng nhựa.
- Tưới nhựa bằng xe chuyên dùng, lớp 1 tiêu chuẩn 1.90kg/m2, ra đá 12.5x19mm tiêu chuẩn 18 - 20lít/m2.
- Dùng lu nhẹ 6 - 8 tấn lu nhẹ 2 lượt đầu 3Km/h, các lượt sau tăng 10Km/h.
- Tưới nhựa lớp 2 tiêu chuẩn 1.50kg/m2, ra đá 9.5x12mm tiêu chuẩn 14 - 16lít/m2.
- Dùng lu nhẹ 6 - 8 tấn lu nhẹ 3 lượt đầu 3Km/h, các lượt sau tăng 10Km/h.
- Tưới nhựa lớp 3 tiêu chuẩn 1.10kg/m2, ra đá 4.75x9.5mm tiêu chuẩn 9 - 11lít/m2.
- Dùng lu nhẹ 6 - 8 tấn lu nhẹ 3 lượt đầu 3Km/h, các lượt sau tăng 10Km/h đến khi có hiện tượng vỡ đá thì ngừng lu.
- Sau khi thi công xong mặt đường láng nhựa phải đảm bảo kích thước hình học, độ bằng phẳng theo HSTK

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- Tư vấn giám sát phải lấy mẫu kiểm tra chất lượng vật liệu trước khi đưa vào công trình, thường xuyên kiểm tra nhiệt độ nhựa trước trong khi tưới, độ sạch của đá ...
- Kiểm tra độ bằng phẳng bằng thước dài 3m. Kiểm tra dốc ngang, chiều rộng mặt đường sau khi thi công.

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Chủ trì TK		Nguyễn Quốc Vương	CÔNG TY TNHH XD HOÀNG ĐĂNG KHOA	GIÁM ĐỐC	CHỦ ĐẦU TƯ	BIỆN PHÁP THI CÔNG	
	Thiết kế		Hoàng Minh Thông				Hoàn thành: / /2026	Bản vẽ số: BPTC - 5/5
	Kiểm tra		Nguyễn Quốc Vương				Tỷ lệ: 1/20	Ký hiệu bản vẽ:
	Địa điểm xây dựng: Xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh.							

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ BÌNH THÀNH - TỈNH TÂY NINH



STT	Tên hạng mục công việc	ĐVT	Số lượng	KL thép (kg)	Diễn giải				Khối lượng
					Dài (m)	Rộng, dày (m)	Cao (m)	Hệ số	
I. ĐƯỜNG GIAO THÔNG:									
1	Đánh cấp nền đường	m3			BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG				2,258.490
	- Phần đường (Nhựa từ Km0+00 đến Km2+559.1)				1611.35				1,611.350
	- Phần đường (Nhựa Km2+559.10 đến Km3+000)				169.08				169.080
	- Phần đường (Nhựa từ Km3+00 đến Km3+990.92)				478.06				478.060
2	Đào nền đường	m3			BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG				6,682.220
	- Phần đường (Nhựa từ Km0+00 đến Km2+559.1)				4400.75				4,400.750
	- Phần đường (Nhựa Km2+559.10 đến Km3+000)				738.38				738.380
	- Phần đường (Nhựa từ Km3+00 đến Km3+990.92)				1492.26				1,492.260
	- Nút giao số 2				Theo bản vẽ thiết kế				14.000
	- Nút giao số 3				Theo bản vẽ thiết kế				30.060
	- Nút giao số 4				Theo bản vẽ thiết kế				6.770
3	Đắp đất nền, lè taluy K≥0.95	m3			BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG				5,594.817
	- Phần đường (Nhựa từ Km0+00 đến Km2+559.1)				3956.27				3,956.270
	- Bù phụ bằng tính				55.03				55.030
	- Phần đường (Nhựa Km2+559.10 đến Km3+000)				427.4				427.400
	- Phần đường (Nhựa từ Km3+00 đến Km3+990.92)				1148.51				1,148.510
	- Nút giao đầu tuyến				Theo bản vẽ thiết kế				7.607
4	San đầm nền đường 30cm trên K≥0.98	m3							4,674.309
	- Phần đường (Nhựa Km0+00 đến Km2+559.1) đã trừ đoạn cầu btxm và nút giao 33.28m				2525.82	4.000	0.300		3,030.984
	- Phần đường (Nhựa Km2+559.10 đến Km3+000)đã trừ đoạn cầu btxm và nút giao 99.76m				341.14	4.000	0.300		409.368
	- Phần đường (Nhựa từ Km3+00 đến Km3+990.92)đã trừ đoạn cầu btxm và nút giao 6.26m				984.66	4.000	0.300		1,181.592
	- Nút giao đầu tuyến				S=	36.890	0.300		11.067
	- Nút giao số 2				S=	55.130	0.300		16.539
	- Nút giao số 3				S=	57.390	0.300		17.217
	- Nút giao số 4				S=	25.140	0.300		7.542
5	Móng cấp phối đá dăm L2, lớp dưới K≥0.98	m3			BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG				2,770.109
	- Phần đường (Nhựa từ Km0+00 đến Km2+559.1)				1822.92				1,822.920
	- Phần đường (Nhựa Km2+559.10 đến Km3+000)				225.42				225.420
	- Phần đường (Nhựa từ Km3+00 đến Km3+990.92)				690.35				690.350
	- Nút giao đầu tuyến				S=	36.890	0.180		6.640
	- Nút giao số 2				S=	55.130	0.180		9.923
	- Nút giao số 3				S=	57.390	0.180		10.330
	- Nút giao số 4				S=	25.140	0.180		4.525
6	Móng cấp phối đá dăm L1, lớp trên K≥0.98	m3			BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG				2,770.109
	- Phần đường (Nhựa từ Km0+00 đến Km2+559.1)				1822.92				1,822.920
	- Phần đường (Nhựa Km2+559.10 đến Km3+000)				225.42				225.420

	- Phần đường (Nhựa từ Km3+00 đến Km3+990.92)				690.35			690.350
	- Nút giao đầu tuyến				S=	36.890	0.180	6.640
	- Nút giao số 2				S=	55.130	0.180	9.923
	- Nút giao số 3				S=	57.390	0.180	10.330
	- Nút giao số 4				S=	25.140	0.180	4.525
7	Tưới nhựa dính bảm 1kg/m2	m2			BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG			15,389.510
	- Phần đường (Nhựa từ Km0+00 đến Km2+559.1)				10127.32			10,127.320
	- Phần đường (Nhựa Km2+559.10 đến Km3+000)				1252.36			1,252.360
	- Phần đường (Nhựa từ Km3+00 đến Km3+990.92)				3835.28			3,835.280
	- Nút giao đầu tuyến				S=	36.890		36.890
	- Nút giao số 2				S=	55.130		55.130
	- Nút giao số 3				S=	57.390		57.390
	- Nút giao số 4				S=	25.140		25.140
8	Mặt đường láng nhựa 2 lớp 3kg/m2	m2			BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG			15,389.510
	- Phần đường (Nhựa từ Km0+00 đến Km2+559.1)				10127.32			10,127.320
	- Phần đường (Nhựa Km2+559.10 đến Km3+000)				1252.36			1,252.360
	- Phần đường (Nhựa từ Km3+00 đến Km3+990.92)				3835.28			3,835.280
	- Nút giao đầu tuyến				S=	36.890		36.890
	- Nút giao số 2				S=	55.130		55.130
	- Nút giao số 3				S=	57.390		57.390
	- Nút giao số 4				S=	25.140		25.140
II. HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC:								
A/ CỐNG D=40cm:								
1	Đào móng cống	m3						60.425
	+ Cống H30 -XB80 40cm				Bảng tính			60.425
2	Đắp đất lưng cống K≥0.95	m3						32.353
	+ Cống H30 -XB80 40cm				Bảng tính			32.353
3	Đóng cừ tràm gia cố móng L=3m	md						1,182.600
	+ Cống H30 -XB80 40cm		1		7,3*0,72*25 cây/m², L _{cừ} = 3m			1,182.600
4	Cát đệm móng	m3						5.344
	+ Cống H30 -XB80 40cm				Bảng tính			5.344
5	Lớp BTXM đá 1x2 M.150	m3						1.639
	+Bê tông lót cống.		1.000		7.300	0.720	0.100	1.577
	+Bê tông chèn		2.000		0,0145*0,72 (theo bản vẽ thiết kế)			0.063
6	Ván khuôn lót móng	m2						4.596
	+Bê tông lót cống.		2.000		7.300		0.100	4.380
			1.000		0.720		0.100	0.216
7	Lắp đặt gối cống	cái						81.000
	+ Cống H30 -XB80 40cm							81.000
8	Lắp đặt cống đoạn 2.5m	đốt						9.000
	+ Cống H30 -XB80 40cm							9.000
9	Cống D=40cm	m						22.500
	+ Cống H30 -XB80 40cm							22.500
10	Lắp đặt joint cao su	cái						6.000
	+Jonit cống D400							6.000
B. HỐ GA:								
8	Các loại hố ga	cái						3
	+ Hố ga 1.4m x 1.4m h=2.25m							3
9	Đào móng hố ga	m3						0.000
	+ Hố ga				Bảng tính			0.000
10	Đắp đất hố ga K≥0.95	m3						0.000



	+ Hố ga				Bảng tính			0.000
11	Đóng cừ tràm gia cố móng L=3m	md						576.000
	+ Hố ga 1.4m x 1.4m h=2.25m		1.000		1.6m x 1.6m x 25 cây/m ² , L _{cừ} = 3m		3.00	576.000
12	Cát đệm móng	m3						1.536
	+ Hố ga 1.4m x 1.4m h=2.25m		1		1.600	1.600	0.200	1.536
13	Lớp BTXM đá 1x2 M.150	m3						1.020
	+ Hố ga 1.4m x 1.4m h=2.25m		1		1.600	1.600	0.100	0.768
	+ Hố thu		1		1.400	0.600	0.100	0.252
14	Ván khuôn lót móng	m2						1.920
	+ Hố ga 1.4m x 1.4m h=2.25m		1			1,6*0,1*4	3	1.920
	+ Hố thu		1			1,4*0,1*3	3	1.260
15	Cốt thép nắp ga 12mm	kg						134.130
	+Thép nắp ga 1.2m x 0,6m		2	22.355			3	134.130
16	Thép hình nắp ga	kg						81.432
	+Thép nắp ga 1.2m x 0,6m		2	13.572			3	81.432
17	Bê tông nắp ga đá 1x2, M.200	m3						0.648
	+Bê tông nắp ga 1.2m x 0.6m x 0.15m		2		1.200	0.600	0.150	0.648
18	Lắp đặt nắp ga	cái						6.000
	+Nắp ga 1.2m x 0.6m x 0.15m		2				3	6.000
19	Cốt thép khuôn hầm Ø6mm	kg						20.508
	+Thép khuôn hầm 1.4m x 1.4m		1	6.836			3	20.508
20	Cốt thép khuôn hầm Ø12mm	kg						80.169
	+Thép khuôn hầm 1.4m x 1.4m		1	26.723			3	80.169
21	Thép hình khuôn hầm	kg						54.288
	+Thép khuôn hầm 1.4m x 1.4m		1	18.096			3	54.288
22	Thép hình lưới chắn rác	kg						76.266
	+Thép lưới chắn rác 1.15 m x 0.35m		1	25.422			3	76.266
22	BTXM hố ga đá 1x2 M.200	m3						7.253
	+Hố ga 1.4m x 1.4m x 2.25m		1				3	
	- Thành HG (cao 2.05m-0.28m đá hầm):				1.400	0.200	1.770	2.974
					1.000	0.200	1.770	2.124
					1.400	1.400	0.200	1.176
	- Đáy hố ga					0,25*0,25*3,14*0,2	3	-0.118
	+ Cống D=40cm chiếm chỗ					0,1*0,1*3,14*0,2*2	3	-0.038
	+ Ống D=200cm, ống PVC chiếm chỗ							
	+ Hố thu		1					
						1,4*0,76*0,15*2	3	0.958
						0,3*0,76*0,15*2	3	0.205
	+ Ống D=200cm, ống PVC chiếm chỗ					0,1*0,1*3,14*0,15*2	3	-0.028
23	BTXM khuôn hầm đá 1x2 M.250	m3						0.666
	+Hố ga 1.4m x 1.4m x 2.25m		1			1,4*0,1*0,15*2	3	0.126
						1,2*0,1*0,15*2	3	0.108
						1,4*0,2*0,15*2	3	0.252
			1			1*0,2*0,15*2	3	0.180
24	Ván khuôn hố ga, khuôn hầm, hố thu	m2						70.578
	+Hố ga 1.4m x 1.4m x 2.25m							
	- Thành HG (cao 2,05m+0.2m đáy ga):							
	+ Thành HG (ngoài)		1			1,4*1,75*4	3	29.400
	+ Thành HG (trong)		1			1*1,75*4	3	21.000
	+ Cống D=40cm chiếm chỗ					0,25*0,25*3,14	3	-0.589
	+ Ống D=200cm, ống PVC chiếm chỗ					0,1*0,1*3,14*2	3	-0.188
	+Khuôn hầm							
	+Mặt ngoài		1			1,4*0,3*4	3	1.680
	+Mặt trong		1			((1*0,15*4)+(1,2*0,15*4))	3	3.960
	+ Hố thu							





BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO CỐNG NGANG BẰNG ĐƯỜNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GTNT N5 (KÊNH TRUNG TÂM - CẢ BÙI)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ BÌNH THÀNH - TỈNH TÂY NINH

Loại ga					L Cống	2,5m	Gối cống	Joint cao su	Trùng lắp thành hố ga	L Móng	Cao độ				H đào	Mái đào	B Hố đào		S Đào (tb)	KL đào (m3) (đã trừ đào trùng hố ga)	KL đắp cát đệm móng (m3)	KL đắp đất hoàn trả cống (m3)	
											Cao độ cống			Dày móng			Cao độ tự nhiên	Dưới					Trên
											Cao	Thấp	Trung bình										
Ø 40CM																							
HG	01	-	C	01	7.5	3	27	2	0.200	7.300	1.960	1.880	1.920	0.400	3.075	1.555	0.500	1.120	2.675	2.951	19.769	1.781	10.412
HG	02	-	C	02	7.5	3	27	2	0.200	7.300	1.960	1.880	1.920	0.400	3.240	1.720	0.500	1.120	2.840	3.406	22.818	1.781	13.460
HG	03	-	C	03	7.5	3	27	2	0.200	7.300	1.960	1.880	1.920	0.400	2.965	1.445	0.500	1.120	2.565	2.662	17.838	1.781	8.481
Tổng cộng					22.50	9	81.00	6.00		21.900											60.425	5.344	32.353



TT	Tên cọc	Khoảng cách lẻ	DIỆN TÍCH MCN TẠI CỌC (M²)											KHỐI LƯỢNG (M³)												
			Đắp lẻ trái	Đánh cấp	Đắp lẻ phải	Đắp taluy trái	Đắp taluy phải	CPĐDL1	CPĐDL2	Bù phụ	B_láng nhựa	B_tưới nhựa	Đào nền	Đắp lẻ trái	Đánh cấp	Đắp lẻ phải	Đắp taluy trái	Đắp taluy phải	CPĐDL1	CPĐDL2	Bù phụ	B_láng nhựa	B_tưới nhựa	Đào nền		
1	KM0		ĐOẠN NÚT GIAO																							
2	TD1																									
3	P1																									
4	TC1		0.5	0.27	1.79	2.25	0.79	0.72	0.72	2.1	4	4	0													
		1.36												0.65	0.37	2.32	2.87	0.97	0.98	0.98	2.64	5.44	5.44	0		
5	TD2		0.45	0.27	1.62	1.97	0.63	0.72	0.72	1.78	4	4	0													
		7.43												2.3	2.01	7.88	9.77	2.64	5.35	5.35	6.61	29.72	29.72	1.71		
6	P2		0.17	0.27	0.5	0.66	0.08	0.72	0.72	0	4	4	0.46													
		7.43												0.63	1	1.86	2.45	0.3	5.35	5.35	0	29.72	29.72	12.11		
7	TC2		0	0	0	0	0	0.72	0.72	0	4	4	2.8													
		18.46												0	1.94	0	0	0.65	13.29	13.29	0	73.84	73.84	45.87		
8	1		0	0.21	0	0	0.07	0.72	0.72	0	4	4	2.17													
		20												0	2.9	0	0	0.9	14.4	14.4	0	80	80	44.1		
9	2		0	0.08	0	0	0.02	0.72	0.72	0	4	4	2.24													
		20												0	4.4	0	0	4.4	14.4	14.4	0	80	80	46.6		
10	3		0	0.36	0	0	0.42	0.72	0.72	0	4	4	2.42													
		10												0	3.35	0	0	3.4	7.2	7.2	0	40	40	26.7		
11	H1		0	0.31	0	0	0.26	0.72	0.72	0	4	4	2.92													
		30												0.45	15.45	0	6.75	15.6	21.6	21.6	0	120	120	82.95		
12	4		0.03	0.72	0	0.45	0.78	0.72	0.72	0	4	4	2.61													
		20												0.6	14.6	0	8.5	18.3	14.4	14.4	0	80	80	52.2		
13	5		0.03	0.74	0	0.4	1.05	0.72	0.72	0	4	4	2.61													
		20												0.5	14.6	0	8.3	21.4	14.4	14.4	0	80	80	52.5		
14	6		0.02	0.72	0	0.43	1.09	0.72	0.72	0	4	4	2.64													
		22.27												0.89	15.25	0	11.58	21.82	16.03	16.03	0	89.08	89.08	56.9		
15	D3		0.06	0.65	0	0.61	0.87	0.72	0.72	0	4	4	2.47													
		7.73												1.2	6.22	0.19	8.85	13.64	5.57	5.57	0	30.92	30.92	16.23		
16	H2		0.25	0.96	0.05	1.68	2.66	0.72	0.72	0	4	4	1.73													
		20												4.8	19.8	0.5	27.5	42.9	14.4	14.4	0	80	80	35.5		
17	7		0.23	1.02	0	1.07	1.63	0.72	0.72	0	4	4	1.82													
		20												3.6	21.1	0	23.6	34.9	14.4	14.4	0	80	80	37.2		
18	8		0.13	1.09	0	1.29	1.86	0.72	0.72	0	4	4	1.9													
		10												1.25	10.45	0	12.35	15.05	7.2	7.2	0	40	40	21.15		
19	9		0.12	1	0	1.18	1.15	0.72	0.72	0	4	4	2.33													
		20												2.4	20	0	21.8	27.2	14.4	14.4	0	80	80	45.2		
20	10		0.12	1	0	1	1.57	0.72	0.72	0	4	4	2.19													
		20												2.2	19.2	0	20.1	32.1	14.4	14.4	0	80	80	44.1		
21	11		0.1	0.92	0	1.01	1.64	0.72	0.72	0	4	4	2.22													
		10												0.9	9.25	0	10.95	14.95	7.2	7.2	0	40	40	22.75		
22	H3		0.08	0.93	0	1.18	1.35	0.72	0.72	0	4	4	2.33													
		30												3.15	28.05	0	35.25	42.6	21.6	21.6	0	120	120	67.2		
23	12		0.13	0.94	0	1.17	1.49	0.72	0.72	0	4	4	2.15													
		20												2.9	18.7	0	23.9	31.2	14.4	14.4	0	80	80	39.7		
24	13		0.16	0.93	0	1.22	1.63	0.72	0.72	0	4	4	1.82													
		31.36												6.12	29.16	2.04	35.91	51.43	22.58	22.58	0	125.44	125.44	47.67		
25	D4		0.23	0.93	0.13	1.07	1.65	0.72	0.72	0	4	4	1.22													
		8.64												1.6	7.69	1.38	9.37	12.96	6.22	6.22	0	34.56	34.56	10.76		
26	14		0.14	0.85	0.19	1.1	1.35	0.72	0.72	0	4	4	1.27													
		10												2	7.95	2	12.7	14.55	7.2	7.2	0	40	40	11.3		
27	H4		0.26	0.74	0.21	1.44	1.56	0.72	0.72	0	4	4	0.99													
		10												3.1	6.9	4.2	15.35	16.95	7.2	7.2	0.2	40	40	5.85		
28	15		0.36	0.64	0.63	1.63	1.83	0.72	0.72	0.04	4	4	0.18													



		20											6.8	12.9	12.5	29.6	33.4	14.4	14.4	0.7	80	80	2.6
29	16		0.32	0.65	0.62	1.33	1.51	0.72	0.72	0.03	4	4	0.18										
		20											6.6	13.9	13	27.1	32	14.4	14.4	0.8	80	80	2.6
30	17		0.34	0.74	0.68	1.38	1.69	0.72	0.72	0.05	4	4	0.08										
		21.91											7.34	15.78	15.23	29.91	36.37	15.78	15.78	1.21	87.64	87.64	1.21
31	TD5		0.33	0.7	0.71	1.35	1.63	0.72	0.72	0.06	4	4	0.03										
		6.01											1.95	4.21	4.27	8.44	10.13	4.33	4.33	0.33	24.04	24.04	0.18
32	P5		0.32	0.7	0.71	1.46	1.74	0.72	0.72	0.05	4	4	0.03										
		6.01											1.95	4.03	4.15	8.38	9.56	4.33	4.33	0.27	24.04	24.04	0.36
33	TC5		0.33	0.64	0.67	1.33	1.44	0.72	0.72	0.04	4	4	0.09										
		4.52											1.49	2.64	3.03	5.9	6.73	3.25	3.25	0.18	18.08	18.08	0.41
34	TD6		0.33	0.53	0.67	1.28	1.54	0.72	0.72	0.04	4	4	0.09										
		9.02											2.48	5.91	3.11	11.68	13.58	6.49	6.49	0.18	36.08	36.08	6.63
35	P6		0.22	0.78	0.02	1.31	1.47	0.72	0.72	0	4	4	1.38										
		9.02											1.71	6.76	0.59	9.47	11.09	6.49	6.49	0	36.08	36.08	11.77
36	TC6		0.16	0.72	0.11	0.79	0.99	0.72	0.72	0	4	4	1.23										
		3.51											0.53	2.51	0.39	2.54	3.72	2.53	2.53	0	14.04	14.04	4.32
37	18		0.14	0.71	0.11	0.66	1.13	0.72	0.72	0	4	4	1.23										
		20											1.4	11.7	1.1	6.6	30.1	14.4	14.4	0	80	80	29.4
38	19		0	0.46	0	0	1.88	0.72	0.72	0	4	4	1.71										
		20											1.7	12.6	0	9.3	29.4	14.4	14.4	0	80	80	32.9
39	20		0.17	0.8	0	0.93	1.06	0.72	0.72	0	4	4	1.58										
		21.39											2.67	12.73	0	18.93	11.34	15.4	15.4	0	85.56	85.56	40.32
40	D7		0.08	0.39	0	0.84	0	0.72	0.72	0	4	4	2.19										
		23.79											1.9	14.39	0	19.27	12.01	17.13	17.13	0	95.16	95.16	52.34
41	D8		0.08	0.82	0	0.78	1.01	0.72	0.72	0	4	4	2.21										
		14.82											0.96	10.6	0	8.82	12.52	10.67	10.67	0	59.28	59.28	35.42
42	21		0.05	0.61	0	0.41	0.68	0.72	0.72	0	4	4	2.57										
		20											0.5	6.1	0	4.1	6.8	14.4	14.4	0	80	80	52.7
43	22		0	0	0	0	0	0.72	0.72	0	4	4	2.7										
		8.1											0.12	3.04	0	2.35	2.59	5.83	5.83	0	32.4	32.4	23.61
44	TD9		0.03	0.75	0	0.58	0.64	0.72	0.72	0	4	4	3.13										
		7.06											0.11	5.51	0	3.81	4.52	5.08	5.08	0	28.24	28.24	24
45	P9		0	0.81	0	0.5	0.64	0.72	0.72	0	4	4	3.67										
		7.06											0.11	5.65	0	4.77	4.24	5.08	5.08	0	28.24	28.24	24.64
46	TC9		0.03	0.79	0	0.85	0.56	0.72	0.72	0	4	4	3.31										
		27.78											1.25	22.78	0	24.86	17.08	20	20	0	111.12	111.12	91.4
47	23		0.06	0.85	0	0.94	0.67	0.72	0.72	0	4	4	3.27										
		10											0.5	8.1	0	9.45	7.1	7.2	7.2	0	40	40	32.7
48	24		0.04	0.77	0	0.95	0.75	0.72	0.72	0	4	4	3.27										
		16.1											1.61	13.2	0.16	16.18	12.8	11.59	11.59	0	64.4	64.4	38.16
49	TD10		0.16	0.87	0.02	1.06	0.84	0.72	0.72	0	4	4	1.47										
		9.45											1.42	8.46	0.19	9.78	7.47	6.8	6.8	0	37.8	37.8	13.94
50	P10		0.14	0.92	0.02	1.01	0.74	0.72	0.72	0	4	4	1.48										
		9.45											1.46	7.84	0.19	8.88	7.65	6.8	6.8	0	37.8	37.8	13.89
51	TC10		0.17	0.74	0.02	0.87	0.88	0.72	0.72	0	4	4	1.46										
		14.48											1.74	13.18	0.14	16.66	27.73	10.43	10.43	0	57.93	57.93	22.88
52	25		0.07	1.08	0	1.43	2.95	0.72	0.72	0	4	4	1.7										
53	D11	ĐOẠN CẦU BTXM																					
		19.47											1.17	21.52	0	34.18	56.96	14.02	14.02	0	77.9	77.9	36.71
53	26		0.05	1.13	0	2.08	2.9	0.72	0.72	0	4	4	2.07										
		0.48											0.03	0.54	0	1.03	1.51	0.35	0.35	0	1.93	1.93	0.97
54	D12		0.06	1.12	0	2.2	3.36	0.72	0.72	0	4	4	1.96										
		10.56											2.85	9.56	8.34	23.44	30.04	7.6	7.6	9.03	42.24	42.24	10.35
55	27		0.48	0.69	1.58	2.24	2.33	0.72	0.72	1.71	4	4	0										
		20											5.6	13.3	16.8	26.2	28.4	14.4	14.4	17.1	80	80	12.3
56	28		0.08	0.64	0.1	0.38	0.51	0.72	0.72	0	4	4	1.23										
		20											2	11.9	1.9	7.6	10.6	14.4	14.4	0	80	80	24.7

		20											1.1	13.5	0	9.1	9.6	14.4	14.4	0	80	80	48.5
87	H3		0.06	0.72	0	0.45	0.63	0.72	0.72	0	4	4	2.37										46.3
		20											1.1	12.1	0	7.3	8.5	14.4	14.4	0	80	80	44.8
88	44		0.05	0.49	0	0.28	0.22	0.72	0.72	0	4	4	2.26										44.8
		20											1.2	13.1	0	7	8.9	14.4	14.4	0	80	80	44.8
89	45		0.07	0.82	0	0.42	0.67	0.72	0.72	0	4	4	2.22										44.8
		16.19											2.02	11.41	0.57	8.74	9.88	11.66	11.66	0	64.76	64.76	27.04
90	TD18		0.18	0.59	0.07	0.66	0.55	0.72	0.72	0	4	4	1.12										7.87
		6.56											1.25	3.94	0.26	4.53	3.84	4.72	4.72	0	26.24	26.24	
91	P18		0.2	0.61	0.01	0.72	0.62	0.72	0.72	0	4	4	1.28										9.18
		6.56											0.98	4.89	0.07	5.25	3.97	4.72	4.72	0	26.24	26.24	
92	TC18		0.1	0.88	0.01	0.88	0.59	0.72	0.72	0	4	4	1.52										50.02
		30.69											2.61	23.63	0.15	19.33	22.25	22.1	22.1	0	122.76	122.76	
93	H4		0.07	0.66	0	0.38	0.86	0.72	0.72	0	4	4	1.74										32.7
		20											1.6	13.9	0.1	11	11.8	14.4	14.4	0	80	80	
94	46		0.09	0.73	0.01	0.72	0.32	0.72	0.72	0	4	4	1.53										31.5
		20											1.9	14.7	0.1	12.3	10.3	14.4	14.4	0	80	80	
95	47		0.1	0.74	0	0.51	0.71	0.72	0.72	0	4	4	1.62										34.1
		20											2	15.1	0	10.5	15.7	14.4	14.4	0	80	80	
96	48		0.1	0.77	0	0.54	0.86	0.72	0.72	0	4	4	1.79										36.1
		20											1	10.9	0	5.4	13.5	14.4	14.4	0	80	80	
97	49		0	0.32	0	0	0.49	0.72	0.72	0	4	4	1.82										43.6
		20											0.1	8	0	1.3	8.6	14.4	14.4	0	80	80	
98	H5		0.01	0.48	0	0.13	0.37	0.72	0.72	0	4	4	2.54										46.9
		20											0.6	11.3	0	5.8	8.4	14.4	14.4	0	80	80	
99	50		0.05	0.65	0	0.45	0.47	0.72	0.72	0	4	4	2.15										40.6
		20											1	13.4	0	9.3	10	14.4	14.4	0	80	80	
100	51		0.05	0.69	0	0.48	0.53	0.72	0.72	0	4	4	1.91										38.3
		20											0.6	13	0	5.4	9.5	14.4	14.4	0	80	80	
101	52		0.01	0.61	0	0.06	0.42	0.72	0.72	0	4	4	1.92										32
		20											1.2	13.1	7.9	16.6	13.9	14.4	14.4	2.8	80	80	
102	53		0.11	0.7	0.79	1.6	0.97	0.72	0.72	0.28	4	4	1.28										33.1
		20											1.5	13.3	7.9	20	14.8	14.4	14.4	2.8	80	80	
103	H6		0.04	0.63	0	0.4	0.51	0.72	0.72	0	4	4	2.03										14.03
		6.88											0.24	4.47	0	2.65	3.37	4.95	4.95	0	27.52	27.52	
104	D19		0.03	0.67	0	0.37	0.47	0.72	0.72	0	4	4	2.05										26.17
		13.12											0.52	8.86	0	4.99	6.56	9.45	9.45	0	52.48	52.48	
105	54		0.05	0.68	0	0.39	0.53	0.72	0.72	0	4	4	1.94										39.4
		20											1	13.3	0	8.1	10.2	14.4	14.4	0	80	80	
106	55		0.05	0.65	0	0.42	0.49	0.72	0.72	0	4	4	2										41
		20											0.8	13.8	0	7.8	11.9	14.4	14.4	0	80	80	
107	56		0.03	0.73	0	0.36	0.7	0.72	0.72	0	4	4	2.1										31.04
		15.14											0.45	11.58	0	7.19	9.08	10.9	10.9	0	60.56	60.56	
108	TD20		0.03	0.8	0	0.59	0.5	0.72	0.72	0	4	4	2										21.58
		10.79											0.32	7.88	0	4.75	6.53	7.77	7.77	0	43.16	43.16	
109	P20		0.03	0.66	0	0.29	0.71	0.72	0.72	0	4	4	2										23.04
		10.79											0.16	5.34	0	1.56	6.58	7.77	7.77	0	43.16	43.16	
110	TC20		0	0.33	0	0	0.51	0.72	0.72	0	4	4	2.27										8.67
		3.82											0	1.22	0	0	1.64	2.75	2.75	0	15.28	15.28	
111	TD21		0	0.31	0	0	0.35	0.72	0.72	0	4	4	2.27										24.54
		11.23											0.17	5.56	0	2.58	4.32	8.09	8.09	0	44.92	44.92	
112	P21		0.03	0.68	0	0.46	0.42	0.72	0.72	0	4	4	2.1										23.08
		11.23											0.39	7.69	0	5.62	5.5	8.09	8.09	0	44.92	44.92	
113	TC21		0.04	0.69	0	0.54	0.56	0.72	0.72	0	4	4	2.01										11.38
		7											1.68	4.45	0	4.62	4.24	5.04	5.04	0.98	28	28	
114	57		0.44	0.58	0	0.78	0.65	0.72	0.72	0.28	4	4	1.24										33.7
		20											5	13.1	0	14.1	11.2	14.4	14.4	2.8	80	80	
115	58		0.06	0.73	0	0.63	0.47	0.72	0.72	0	4	4	2.13										32.8
		20											1.6	15.1	1.6	11	14.8	14.4	14.4	0	80	80	



116	59		0.1	0.78	0.16	0.47	1.01	0.72	0.72	0	4	4	1.15											
		20												1.8	14.7	1.8	7.8	18.7	14.4	14.4	0	80	80	28.5
117	60		0.08	0.69	0.02	0.31	0.86	0.72	0.72	0	4	4	1.5											
		20												1.1	13.9	0.2	5.1	16.2	14.4	14.4	0	80	80	38.1
118	61		0.03	0.7	0	0.2	0.76	0.72	0.72	0	4	4	2.31											
		20												1	14.3	0	9.5	11.6	14.4	14.4	0	80	80	44.6
119	62		0.07	0.73	0	0.75	0.4	0.72	0.72	0	4	4	2.15											
		20												2.3	15.2	1.6	16.4	10.8	14.4	14.4	0	80	80	32.9
120	63		0.16	0.79	0.16	0.89	0.68	0.72	0.72	0	4	4	1.14											
		20												3.1	16.1	3.4	15.9	16.1	14.4	14.4	0	80	80	22.4
121	64		0.15	0.82	0.18	0.7	0.93	0.72	0.72	0	4	4	1.1											
		22.61												3.39	17.75	4.3	16.05	17.64	16.28	16.28	0	90.44	90.44	24.19
122	TD22		0.15	0.75	0.2	0.72	0.63	0.72	0.72	0	4	4	1.04											
		8.84												0.8	6.45	0.88	4.73	6.06	6.36	6.36	0	35.36	35.36	14.45
123	P22		0.03	0.71	0	0.35	0.74	0.72	0.72	0	4	4	2.23											
		8.84												0.27	6.14	0	2.92	6.54	6.36	6.36	0	35.36	35.36	18.65
124	TC22		0.03	0.68	0	0.31	0.74	0.72	0.72	0	4	4	1.99											
		9.71												0.39	7.09	0	3.84	6.31	6.99	6.99	0	38.84	38.84	21.07
125	65		0.05	0.78	0	0.48	0.56	0.72	0.72	0	4	4	2.35											
		20												1	14.4	0	8.2	10.7	14.4	14.4	0	80	80	44.9
126	66		0.05	0.66	0	0.34	0.51	0.72	0.72	0	4	4	2.14											
		20.42												0.71	13.48	0	5.62	9.9	14.7	14.7	0	81.68	81.68	43.9
127	TD23		0.02	0.66	0	0.21	0.46	0.72	0.72	0	4	4	2.16											
		9.26												0.19	6.16	0	2.04	4.35	6.67	6.67	0	37.04	37.04	19.91
128	P23		0.02	0.67	0	0.23	0.48	0.72	0.72	0	4	4	2.14											
		9.26												0.28	6.57	0	3.24	5.19	6.67	6.67	0	37.04	37.04	20.09
129	TC23		0.04	0.75	0	0.47	0.64	0.72	0.72	0	4	4	2.2											
		21.06												0.74	15.79	0	10.21	10.32	15.16	15.16	0	84.24	84.24	52.02
130	KM2		0.03	0.75	0	0.5	0.34	0.72	0.72	0	4	4	2.74											
		1.6												0.05	1.21	0	0.8	0.57	1.15	1.15	0	6.4	6.4	4.38
131	TD24		0.03	0.76	0	0.5	0.37	0.72	0.72	0	4	4	2.73											
		6.63												0.1	2.52	0	1.66	1.23	4.77	4.77	0	26.52	26.52	18.9
132	P24		0	0	0	0	0	0.72	0.72	0	4	4	2.97											
		6.63												0	1.13	0	0	0.93	4.77	4.77	0	26.52	26.52	18.96
133	TC24		0	0.34	0	0	0.28	0.72	0.72	0	4	4	2.75											
		25.14												0	10.81	0	2.89	6.66	18.1	18.1	0	100.56	100.56	68.51
134	67		0	0.52	0	0.23	0.25	0.72	0.72	0	4	4	2.7											
		20												0.1	8.9	0	2.5	4.4	14.4	14.4	0	80	80	46.4
135	68		0.01	0.37	0	0.02	0.19	0.72	0.72	0	4	4	1.94											
		20												0.5	9.2	0	3.6	5.1	14.4	14.4	0	80	80	38.2
136	69		0.04	0.55	0	0.34	0.32	0.72	0.72	0	4	4	1.88											
		15.63												1.17	10.39	0	8.99	6.49	11.25	11.25	0	62.52	62.52	28.68
137	TD25		0.11	0.78	0	0.81	0.51	0.72	0.72	0	4	4	1.79											
		13.17												0.72	6.85	0	5.33	4.61	9.48	9.48	0	52.68	52.68	24.43
138	P25		0	0.26	0	0	0.19	0.72	0.72	0	4	4	1.92											
		13.17												0	3.23	0	0	3.03	9.48	9.48	0	52.68	52.68	25.29
139	TC25		0	0.23	0	0	0.27	0.72	0.72	0	4	4	1.92											
		8.01												0	1.96	0	0	1.88	5.77	5.77	0	32.04	32.04	15.42
140	TD26		0	0.26	0	0	0.2	0.72	0.72	0	4	4	1.93											
		11.68												0	3.04	0	0	2.34	8.41	8.41	0	46.72	46.72	22.08
141	P26		0	0.26	0	0	0.2	0.72	0.72	0	4	4	1.85											
		11.68												0.29	5.61	0	2.39	2.86	8.41	8.41	0	46.72	46.72	21.14
142	TC26		0.05	0.7	0	0.41	0.29	0.72	0.72	0	4	4	1.77											
		6.66												0.37	3.66	0	1.86	1.66	4.8	4.8	0	26.64	26.64	11.46
143	70		0.06	0.4	0	0.15	0.21	0.72	0.72	0	4	4	1.67											
		20												0.7	8.4	0	1.7	6.5	14.4	14.4	0	80	80	33
144	71		0.01	0.44	0	0.02	0.44	0.72	0.72	0	4	4	1.63											
		20												0.4	8	0	0.5	9.6	14.4	14.4	0	80	80	32.1
145	H2		0.03	0.36	0	0.03	0.52	0.72	0.72	0	4	4	1.58											



		20												1.3	10.3	0	4.8	9.3	14.4	14.4	0	80	80	32
146	72		0.1	0.67	0	0.45	0.41	0.72	0.72	0	4	4	1.62											31.9
		20												1.3	11.2	0	4.8	8.7	14.4	14.4	0	80	80	80
147	73		0.03	0.45	0	0.03	0.46	0.72	0.72	0	4	4	1.57											80
		20												1.1	11.8	0	5.2	11	14.4	14.4	0	80	80	80
148	74		0.08	0.73	0	0.49	0.64	0.72	0.72	0	4	4	1.67											80
		20												1.7	15.3	0.1	11.2	11.5	14.4	14.4	0	80	80	31.6
149	75		0.09	0.8	0.01	0.63	0.51	0.72	0.72	0	4	4	1.49											40.2
		20												0.9	11	0.1	6.3	8.7	14.4	14.4	0	80	80	80
150	H3		0	0.3	0	0	0.36	0.72	0.72	0	4	4	2.53											49.1
		20												0.4	9.7	0	4.7	8.6	14.4	14.4	0	80	80	80
151	76		0.04	0.67	0	0.47	0.5	0.72	0.72	0	4	4	2.38											53.7
		20												0.4	9.5	0	4.7	6.1	14.4	14.4	0	80	80	80
152	77		0	0.28	0	0	0.11	0.72	0.72	0	4	4	2.99											61.1
		20												0	5.8	0	0	4.5	14.4	14.4	0	80	80	80
153	78		0	0.3	0	0	0.34	0.72	0.72	0	4	4	3.12											62.1
		20												0	7	0	0	4.5	14.4	14.4	0	80	80	80
154	79		0	0.4	0	0	0.11	0.72	0.72	0	4	4	3.09											51.9
		20												0.3	10	0	2.1	3.1	14.4	14.4	0	80	80	80
155	H4		0.03	0.6	0	0.21	0.2	0.72	0.72	0	4	4	2.1											20.03
		9.54												0.33	5.53	0	2.96	1.38	6.87	6.87	0	38.16	38.16	20.03
156	D27		0.04	0.56	0	0.41	0.09	0.72	0.72	0	4	4	2.1											21.44
		10.46												0.26	5.44	0	2.3	2.56	7.53	7.53	0	41.84	41.84	21.44
157	80		0.01	0.48	0	0.03	0.4	0.72	0.72	0	4	4	2											78.8
		40												0.8	21	0	4.8	15.4	28.8	28.8	0	160	160	78.8
158	81		0.03	0.57	0	0.21	0.37	0.72	0.72	0	4	4	1.94											48.3
		20												0.3	12	0	5.6	6.4	14.4	14.4	0	80	80	80
159	82		0	0.63	0	0.35	0.27	0.72	0.72	0	4	4	2.89											69.5
		20												0	10.6	0	3.5	11.4	14.4	14.4	0	80	80	80
160	H5		0	0.43	0	0	0.87	0.72	0.72	0	4	4	4.06											63.6
		20												0.5	15.5	0	17	28.1	14.4	14.4	0	80	80	80
161	83		0.05	1.12	0	1.7	1.94	0.72	0.72	0	4	4	2.3											30.87
		21.66												4.98	25.56	2.71	57.18	54.58	15.6	15.6	1.84	86.64	86.64	30.87
162	TD28		0.41	1.24	0.25	3.58	3.1	0.72	0.72	0.17	4	4	0.55											3.29
		5.49												1.54	6.53	1.78	18.17	18.25	3.95	3.95	0.47	21.96	21.96	3.29
163	P28		0.15	1.14	0.4	3.04	3.55	0.72	0.72	0	4	4	0.65											
164 TC28														ĐOẠN NÚT GIAO										
165 D29																								
TỔNG:														243.83	1611.35	319.28	1478.03	1915.13	1822.92	1822.92	55.03	10127.32	10127.32	4400.75



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐƯỜNG NHỰA TỪ KM2+559.10 ĐẾN KM3+00

TT	Tên cọc	Khoảng cách lẻ	DIỆN TÍCH MCN TẠI CỌC (M²)									KHỐI LƯỢNG (M³)											
			Đào nền	Đắp lề trái	Đắp taluy trái	CPĐDL1	CPĐDL2	B_láng nhựa	B_tưới nhựa	Đắp lề phải	Đánh cấp	Đắp taluy phải	Đào nền	Đắp lề trái	Đắp taluy trái	CPĐDL1	CPĐDL2	B_láng nhựa	B_tưới nhựa	Đắp lề phải	Đánh cấp	Đắp taluy phải	
1	D29		ĐOẠN CẦU BÊ TÔNG XI MĂNG VÀ NÚT GIAO																				
2	D30																						
3	C39																						
4	D31																						
5	TD33		2.36	0.01	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0											
		3.88											9.89	0.02	0	2.79	2.79	15.52	15.52	0	0	0	
6	P33		2.74	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0											
		3.88											11.6	0	0	2.79	2.79	15.52	15.52	0	0	0	
7	TC33		3.24	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0											
		7.98											28.33	0.08	0	5.75	5.75	31.92	31.92	0.08	0	0	
8	84		3.86	0.02	0	0.72	0.72	4	4	0.02	0	0											
		7.15											32.68	0.07	0	5.15	5.15	28.6	28.6	0.07	0	0	
9	TD34		5.28	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0											
		7.23											30.51	0	0	5.21	5.21	28.92	28.92	0	0	0	
10	P34		3.16	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0											
		7.23											21	0	0	5.21	5.21	28.92	28.92	0	0	0	
11	TC34		2.65	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0											
		1.4											3.72	0	0	1.01	1.01	5.6	5.6	0	0	0	
12	TD35		2.67	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0											
		2.31											6.21	0	0	1.66	1.66	9.24	9.24	0	0	0	
13	P35		2.71	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0											
		2.31											6.27	0	0	1.66	1.66	9.24	9.24	0	0	0	
14	TC35		2.72	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0											
		12.37											33.96	0	0	8.91	8.91	49.48	49.48	0	0	0	
15	85		2.77	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0											
		20											53.4	0.3	2.1	14.4	14.4	80	80	0	8	12.4	
16	86		2.57	0.03	0.21	0.72	0.72	4	4	0	0.8	1.24											
		20											52.6	0.3	2.1	14.4	14.4	80	80	0	12.5	19.9	
17	87		2.69	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0.45	0.75											
		20											59	0.3	6.5	14.4	14.4	80	80	0	13.7	19.7	
18	88		3.21	0.03	0.65	0.72	0.72	4	4	0	0.92	1.22											
		10.87											36.58	0.22	7.61	7.83	7.83	43.48	43.48	0	9.73	11.14	
19	D36		3.52	0.01	0.75	0.72	0.72	4	4	0	0.87	0.83											
		28.58											89.17	1.29	22.15	20.58	20.58	114.32	114.32	0	25.72	21.01	
20	TD37		2.72	0.08	0.8	0.72	0.72	4	4	0	0.93	0.64											
		7.28											17.29	0.8	9.39	5.24	5.24	29.12	29.12	0	7.61	8.26	
21	P37		2.03	0.14	1.78	0.72	0.72	4	4	0	1.16	1.63											
		7.28											12.38	1.38	16.74	5.24	5.24	29.12	29.12	0.07	8.66	16.02	
22	TC37		1.37	0.24	2.82	0.72	0.72	4	4	0.02	1.22	2.77											
23	D38		ĐOẠN CẦU BÊ TÔNG XI MĂNG VÀ NÚT GIAO																				
24	C48																						
25	D39																						

ĐOẠN CẦU BÊ TÔNG XI MẮNG VÀ NÚT GIAO



		38.39											53.36	6.33	56.05	27.64	27.64	153.56	153.56	0.58	34.93	71.41
26	TD40		1.41	0.09	0.1	0.72	0.72	4	4	0.01	0.6	0.95										2.95
		3.81											6.04	0.19	0.21	2.74	2.74	15.24	15.24	0.02	1.89	2.95
27	P40		1.76	0.01	0.01	0.72	0.72	4	4	0	0.39	0.6										1.5
		3.81											7.7	0.02	0.02	2.74	2.74	15.24	15.24	0	1.35	1.5
28	TC40		2.28	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0.32	0.19										
		19.98											43.66	0	0	14.39	14.39	79.92	79.92	0	6.99	4.4
29	90		2.09	0	0	0.72	0.72	4	4	0	0.38	0.25										
		12.61											22.38	0	0	9.08	9.08	50.44	50.44	0.82	4.35	5.11
30	TD41		1.46	0	0	0.72	0.72	4	4	0.13	0.31	0.56										
		11.53											17.12	0.17	0	8.3	8.3	46.12	46.12	0.75	1.79	3.23
31	P41		1.51	0.03	0	0.72	0.72	4	4	0	0	0										
		11.53											18.45	0.17	0	8.3	8.3	46.12	46.12	0.63	1.84	3.11
32	TC41		1.69	0	0	0.72	0.72	4	4	0.11	0.32	0.54										
		24.33											42.58	1.09	7.91	17.52	17.52	97.32	97.32	1.34	14.11	15.94
33	91		1.81	0.09	0.65	0.72	0.72	4	4	0	0.84	0.77										
		6.31											10.92	0.98	6.66	4.54	4.54	25.24	25.24	0.03	5.3	5.49
34	D42		1.65	0.22	1.46	0.72	0.72	4	4	0.01	0.84	0.97										
		11.04											11.59	3.15	20.42	7.95	7.95	44.16	44.16	2.48	10.6	24.23
35	TD43		0.45	0.35	2.24	0.72	0.72	4	4	0.44	1.08	3.42										
TỔNG:													738.38	16.87	157.86	225.42	225.42	1252.36	1252.36	6.88	169.08	245.79





TT	Tên cọc	Khoảng cách lẻ	DIỆN TÍCH MCN TẠI CỌC (M²)											KHỐI LƯỢNG (M³)												
			Đào nền	CPĐDL1	CPĐDL2	B_láng nhựa	B_tưới nhựa	Đắp lề phải	Đắp taluy phải	Đánh cấp	Đắp lề trái	Đắp taluy trái	Bù phụ	Đào nền	CPĐDL1	CPĐDL2	B_láng nhựa	B_tưới nhựa	Đắp lề phải	Đắp taluy phải	Đánh cấp	Đắp lề trái	Đắp taluy trái	Bù phụ		
1	KM3		ĐOẠN CẦU BTXM																							
2	D47																									
3	TD48		3.67	0.72	0.72	4	4	0	0	0	0	0	0													
		11.3												31.19	8.14	8.14	45.2	45.2	0	0	0	0	0			
4	P48		1.85	0.72	0.72	4	4	0	0	0	0	0	0													
		11.3												19.1	8.14	8.14	45.2	45.2	1.19	5.65	2.82	0	0			
5	TC48		1.53	0.72	0.72	4	4	0.21	1	0.5	0	0	0													
		22.83												27.85	16.44	16.44	91.32	91.32	7.99	21.69	10.73	0	0			
6	C62		0.91	0.72	0.72	4	4	0.49	0.9	0.44	0	0	0													
		28.41												23.15	20.46	20.46	113.64	113.64	14.06	36.93	13.49	0.28	0			
7	TD49		0.72	0.72	0.72	4	4	0.5	1.7	0.51	0.02	0	0													
		9.96												8.27	7.17	7.17	39.84	39.84	3.88	13.55	4.38	0.2	0			
8	P49		0.94	0.72	0.72	4	4	0.28	1.02	0.37	0.02	0	0													
		9.96												13.69	7.17	7.17	39.84	39.84	1.39	5.08	1.84	0.1	0			
9	TC49		1.81	0.72	0.72	4	4	0	0	0	0	0	0													
		11.67												20.31	8.4	8.4	46.68	46.68	0.35	0	0	0	0			
10	C65		1.67	0.72	0.72	4	4	0.06	0	0	0	0	0													
		20												32.8	14.4	14.4	80	80	1.2	0	0	0	0			
11	C66		1.61	0.72	0.72	4	4	0.06	0	0	0	0	0													
		20												29.3	14.4	14.4	80	80	2	8.2	3.9	0	0			
12	C67		1.32	0.72	0.72	4	4	0.14	0.82	0.39	0	0	0													
		20												28.5	14.4	14.4	80	80	2.1	13	7.6	0	0			
13	C68		1.53	0.72	0.72	4	4	0.07	0.48	0.37	0	0	0													
		7.07												11.24	5.09	5.09	28.28	28.28	0.32	4.21	3.29	0	0			
14	TD50		1.65	0.72	0.72	4	4	0.02	0.71	0.56	0	0	0													
		10.22												15.53	7.36	7.36	40.88	40.88	0.36	3.68	2.86	0	0			
15	P50		1.39	0.72	0.72	4	4	0.05	0.01	0	0	0	0													
		10.22												13.54	7.36	7.36	40.88	40.88	0.77	4.19	2.76	0	0			
16	TC50		1.26	0.72	0.72	4	4	0.1	0.81	0.54	0	0	0													
		12.49												19.8	8.99	8.99	49.96	49.96	0.69	11.62	6.74	0	0			
17	C71		1.91	0.72	0.72	4	4	0.01	1.05	0.54	0	0	0													
		20												35.5	14.4	14.4	80	80	0.4	17.7	10.8	0	0			
18	20		1.64	0.72	0.72	4	4	0.03	0.72	0.54	0	0	0													
		20												34.3	14.4	14.4	80	80	0.7	14.4	10.8	0	0			
19	C72		1.79	0.72	0.72	4	4	0.04	0.72	0.54	0	0	0													
		20												37.9	14.4	14.4	80	80	0.7	14.4	10.8	0	0			
20	C73		2	0.72	0.72	4	4	0.03	0.72	0.54	0	0	0													
		20												35.6	14.4	14.4	80	80	0.3	7.6	6.2	0.7	0.1			
21	C74		1.56	0.72	0.72	4	4	0	0.04	0.08	0.07	0.01	0													
		22.55												56.71	16.24	16.24	90.2	90.2	0	0.45	0.9	0.79	0.11			
22	TD51		3.47	0.72	0.72	4	4	0	0	0	0	0	0													
		13.34												33.42	9.6	9.6	53.36	53.36	0	1.07	5	1.2	6.07			
23	P51		1.54	0.72	0.72	4	4	0	0.16	0.75	0.18	0.91	0													
		13.34												20.81	9.6	9.6	53.36	53.36	0	2.13	10	2.4	12.14			
24	TC51		1.58	0.72	0.72	4	4	0	0.16	0.75	0.18	0.91	0													
		10.77												17.12	7.75	7.75	43.08	43.08	0	1.72	8.08	1.94	9.8			
25	C77		1.6	0.72	0.72	4	4	0	0.16	0.75	0.18	0.91	0													
		20												33.1	14.4	14.4	80	80	0.2	22.5	13.8	1.8	9.1			
26	C78		1.71	0.72	0.72	4	4	0.02	2.09	0.63	0	0	0													
		14.23												25.47	10.25	10.25	56.92	56.92	0.28	29.74	8.96	0	0			
27	TD52		1.87	0.72	0.72	4	4	0.02	2.09	0.63	0	0	0													
		8.81												16.83	6.34	6.34	35.24	35.24	0.18	18.41	5.55	0	0			
28	P52		1.95	0.72	0.72	4	4	0.02	2.09	0.63	0	0	0													

		8.81												18.9	6.34	6.34	35.24	35.24	0.13	12.2	5.51	0	
29	TC52		2.34	0.72	0.72	4	4	0.01	0.68	0.62	0	0	0	18.34	5.87	5.87	32.6	32.6	0.08	5.54	5.05	0	
		8.15																					
30	C80		2.16	0.72	0.72	4	4	0.01	0.68	0.62	0	0	0										
		20												42.7	14.4	14.4	80	80	0.1	15.1	13.2	0	
31	C81		2.11	0.72	0.72	4	4	0	0.83	0.7	0	0	0										
		20.3												41.21	14.62	14.62	81.2	81.2	0	16.85	14.21	0	0
32	D53		1.95	0.72	0.72	4	4	0	0.83	0.7	0	0	0										
		19.7												37.82	14.18	14.18	78.8	78.8	0.39	18.12	15.17	0.39	1.08
33	C83		1.89	0.72	0.72	4	4	0.04	1.01	0.84	0.04	0.11	0										
		20												35.8	14.4	14.4	80	80	0.8	20.2	19.7	2	10.6
34	C84		1.69	0.72	0.72	4	4	0.04	1.01	1.13	0.16	0.95	0										
		20												38.8	14.4	14.4	80	80	0.5	27.3	17.3	1.6	9.5
35	C85		2.19	0.72	0.72	4	4	0.01	1.72	0.6	0	0	0										
		20												44.3	14.4	14.4	80	80	0.2	24.1	11.6	0	0
36	C86		2.24	0.72	0.72	4	4	0.01	0.69	0.56	0	0	0										
		20												45.1	14.4	14.4	80	80	0.2	13.8	11.2	0	0
37	C87		2.27	0.72	0.72	4	4	0.01	0.69	0.56	0	0	0										
		20												49.8	14.4	14.4	80	80	0.1	13.9	11.8	0	0
38	C88		2.71	0.72	0.72	4	4	0	0.7	0.62	0	0	0										
		20												50.5	14.4	14.4	80	80	0	14	12.4	0	0
39	C89		2.34	0.72	0.72	4	4	0	0.7	0.62	0	0	0										
		26.2												58.95	18.86	18.86	104.8	104.8	0	20.3	16.24	0	0
40	D54		2.16	0.72	0.72	4	4	0	0.85	0.62	0	0	0										
		13.8												29.46	9.94	9.94	55.2	55.2	0	11.73	8.56	0	0
41	C91		2.11	0.72	0.72	4	4	0	0.85	0.62	0	0	0										
		20												37.1	14.4	14.4	80	80	0	17	12.4	0.1	0
42	C92		1.6	0.72	0.72	4	4	0	0.85	0.62	0.01	0	0										
		20												29.7	14.4	14.4	80	80	1.5	29.3	11.4	0.1	0
43	C93		1.37	0.72	0.72	4	4	0.15	2.08	0.52	0	0	0										
		20												26.7	14.4	14.4	80	80	2.7	41.6	10.4	0.4	0
44	C94		1.3	0.72	0.72	4	4	0.12	2.08	0.52	0.04	0	0										
		20												30	14.4	14.4	80	80	1.8	25.9	9	0.4	0
45	C95		1.7	0.72	0.72	4	4	0.06	0.51	0.38	0	0	0										
		20												31	14.4	14.4	80	80	2.4	16.8	9.7	0	0
46	C96		1.4	0.72	0.72	4	4	0.18	1.17	0.59	0	0	0										
		20												29.6	14.4	14.4	80	80	1.8	11.7	6.5	0.4	0.2
47	C97		1.56	0.72	0.72	4	4	0	0	0.06	0.04	0.02	0										
		20												31.3	14.4	14.4	80	80	0	0	1.2	0.8	0.4
48	C98		1.57	0.72	0.72	4	4	0	0	0.06	0.04	0.02	0										
		3.37												4.84	2.43	2.43	13.48	13.48	0.17	0	0.1	0.07	0.03
49	TD55		1.3	0.72	0.72	4	4	0.1	0	0	0	0	0										
		7.04												8.24	5.07	5.07	28.16	28.16	1.2	2.99	2.08	0	0
50	P55		1.04	0.72	0.72	4	4	0.24	0.85	0.59	0	0	0										
		7.04												7.25	5.07	5.07	28.16	28.16	1.72	5.98	4.15	0	0
51	TC55		1.02	0.72	0.72	4	4	0.25	0.85	0.59	0	0	0										
		22.55												23.9	16.24	16.24	90.2	90.2	5.19	19.17	13.3	0.11	0
52	C99		1.1	0.72	0.72	4	4	0.21	0.85	0.59	0.01	0	0										
		20												20.2	14.4	14.4	80	80	6.9	23.9	10.6	0.2	0
53	C100		0.92	0.72	0.72	4	4	0.48	1.54	0.47	0.01	0	0.02										
		20												21.5	14.4	14.4	80	80	6.2	23.9	10.6	0.2	0
54	C101		1.23	0.72	0.72	4	4	0.14	0.85	0.59	0.01	0	0										
		20												18.1	14.4	14.4	80	80	8.3	21.5	10.5	0.5	0.1
55	C102		0.58	0.72	0.72	4	4	0.69	1.3	0.46	0.04	0.01	0.08										
		20												11.6	14.4	14.4	80	80	13.8	26	9.2	0.8	0.2
56	H9		0.58	0.72	0.72	4	4	0.69	1.3	0.46	0.04	0.01	0.08										
		20												7.8	14.4	14.4	80	80	13.8	26	12.6	4.3	10.3
57	C103		0.2	0.72	0.72	4	4	0.69	1.3	0.8	0.39	1.02	0.18										
		7.13												0.71	5.13	5.13	28.52	28.52	6.24	10.69	4.88	2.28	5.1



58	D56		0	0.72	0.72	4	4	1.06	1.7	0.57	0.25	0.41	0.45											
		12.87												0	9.27	9.27	51.48	51.48	13.64	21.88	7.34	3.22	5.28	
59	C104		0	0.72	0.72	4	4	1.06	1.7	0.57	0.25	0.41	0.45											
		20												0	14.4	14.4	80	80	21.2	34	11.4	5	8.2	
60	C105		0	0.72	0.72	4	4	1.06	1.7	0.57	0.25	0.41	0.45											
		13.39												0	9.64	9.64	53.56	53.56	14.6	23.37	7.43	4.28	6.16	
61	D57		0	0.72	0.72	4	4	1.12	1.79	0.54	0.39	0.51	0.86											
TỔNG:														1492.26	690.35	690.35	3835.28	3835.28	164.72	852.75	478.06	36.57	94.47	31.21



